14 CHUYỆN TIỀN THÂN (Jātaka) - Chương XIV - Tạp Kệ (Pakiṇṇakanipāta) - (484-496)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 3 (VNC PHVN, 2021)

CHƯƠNG XIV TẠP KỆ (PAKINNAKANIPATA)

§484. CHUYỆN CÁNH ĐỒNG LÚA SÃLI (Sãlikedãraịãtaka) (7 IV. 276) Mùa lủa chiêm vàng thật đẹp thay... Chuyện này bậc Đạo sư kê trong lúc trú tại Kỳ Viên vê một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình. Chuyện này sẽ được giải thích trong Chuyện hiếu tử Sãma) LÚC ây, bậc Đạo sư cho gọi Tỷ-kheo này đên và hỏi: -Này Tỷ-kheo, Ta nghe nói ông câp dưỡng người thê tục, có đúng vậy chăng? - Bạch Thế Tôn? đúng vậy. Họ là ai thế? - Bạch Thế Tôn, chính là song thân của con. Bậc Đạo sư bảo: -Này Tỷ-kheo, tốt lành thay! Các Trí nhân ngày xưa, ngay khi còn mang thân thú vật hạ liệt, dù chỉ sinh làm loài anh vũ, nhimg khi cha mẹ già yếu, đã đem cha mẹ vào tổ và nuôi nấng bằng chính thức ăn mà chúng ngậm về trong mỏ của mình. Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. ***

Một thuở nọ9 vị vua mệnh danh là Đại vương Magadha (Ma-kiệt-đà) trị vì Rậịagaha (Vương Xá). Thời ấy, có một làng Bà-la-môn tên là Sãlindiya12 ở phía Đông Bắc kinh thành này. Vùng Đông Bắc này là địa phận thuộc về nước Ma- kiệt-đà. Có một Ba-la-mon sống ở Sãlindiya tên là Kosiyagotta, chiếm giữ điền sản cả ngàn mẫu đất để trồng lúa. Khi vụ mùa đến, ông làm một hàng rào vững chắc, giao đất cho các gia nhân, có người được năm mươi mẫu, người khác sáu mươi mẫu, và cứ như vậy, vị địa chủ chia khoảng năm trăm mẫu đất cho các gia nhân. Còn năm trăm mẫu kia, ông giao cho một người làm thuê lấy công, người ấy dựng túp lều và ở đó suốt ngày đêm. Lúc bấy giờ, về phía Đông Bắc vùng

1 Xem J. VI. 68, Sãmạịãtaka (Chuyên hiếu tử Sãmà), số §540. 2 Bản CST viết Sãliddiya.

đồng ruộng này là một khu rừng cây bông vải rộng lớn mọc trên một ngọn đồi bằng phẳng, trong rừng này có một đàn chim anh vũ (chim két) rất đông. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh vào đàn chim anh vũ này, làm vương tử của chúa anh vũ. Ngài lớn lên đẹp và khỏe mạnh, thân lớn bằng cái trục bánh xe. Khi chim chúa đã già, bảo ngài: .
-Nay ta không thê nào bay ra đông được nữa, con hãy chăm sóc cả đàn chim này! Và phong cho ngài chức chim chúa. Từ hôm sau, ngài không chịu để cha mẹ đi kiếm mồi nữa mà ngài cùng cả đàn bay về vùng Tuyết Sơn, và sau khi ăn lúa no nê từ đám ruộng mọc hoang tại đó, ngài trở về mang đầy đủ thức ăn để nuôi cha mẹ. Một ngày kia, đàn chim anh vũ hỏi ngài một chuyện. Chúng nói: —Trước đây, vào lúc này lúa đã chín trong nông trại ở Ma-kiệt-đà, bây giờ lúa có được trồng nữa chăng? Ngài đáp: -Cứ đi xem! Rồi ngài bảo hai chim anh vũ đi tìm hiểu. Đôi chim anh vũ bay đi và hạ cánh xuống đồng bằng xứ Ma-kiệt-đà ở phần đất được người làm mướn canh giữ, chúng ăn lúa rôi mang một cọng lúa vê rừng, thả xuông trước đôi chân của Bồ-tát và nói: Lúa này mọc tại đó. Hôm sau, ngài bay đến nông trại đó và hạ xuống cùng với cả đàn chim.

Người làm công ây cứ chạy đăng này đên chạy đăng kia cô xua đuôi đàn chim, song không thể nào đuổi chúng được. Cả đàn anh vũ ăn lúa xong, ra đi với những mỏ trống không, nhưng chim anh vũ chúa thu lượm một số lúa mang về cho cha mẹ. Hôm sau, bầy anh vũ lại đến đó ăn lúa lần nữa và hôm sau nữa cũng vậy. Lúc ấy người kia bắt đầu suy nghĩ: "Nấu những con vật này cứ tiếp tục ăn thêm vài ngày nữa thì ta chẳng còn chút gì. Vị Bà-la-môn kia sẽ định giá cả cho cả đám lúa này và sẽ phạt tiền ta. Ta phải đi báo cho ông ấy biết." Vừa cầm lấy một nắm lúa và một món quà kèm theo, gã đi đến gặp vị Bà-la-môn kia, kính chào vị ấy và đứng sang một bên. Ông chủ bảo: -Nào, anh bạn9 có được mùa lúa chăng? -Thưa Tôn giả Bà-la-môn, được mùa lắm! Gã đáp và ngâm hai vần kệ: L Mùa lúa chiêm vàng thật đẹp thay, Song tôi xin nói để ngài hay, Đàn anh vũ phá tan đồng lúa, Tôi chăng làm sao đuôi chúng bay.

2. CÓ một chim kia đẹp nhất đàn, Trước tiên tìm lúa chín mà ăn9 Rồi mang một nắm vào trong mỏ, Đê săn mai sau những lúc cân. Khi vị Bà-la-môn nghe chuyện này, lòng phát sinh mối tình thương cảm đối với chim anh vũ chúa. Ông hỏi: -Này chú, thế chú có biết cách đặt bẫy chăng? -Thưa Tôn giả, tôi co biêt. Ông chủ ấy liền nói với gã qua vàn kệ này: 3. Đặt bẫy lông đuôi ngựa thế này, Chim kia rồi cũng bị sa ngay, Băt cho cân thận, chim còn sông, Rồi lấy chim về gặp lão đây. Người giữ ruộng rất vui mừng vì ông chủ không định giá tiền về đám lúa kia và không ai nhăc gì đên nợ nân cả. Gã đi ngay và làm một cái bây băng lông đuôi ngựa. Sau đó, gã tìm hiêu xem lúc nào đàn chim săp đáp xuông ngày hôm ấy, rồi gã thấy được nơi chim anh vũ chúa đậu. Hôm sau, từ sáng sớm gã làm một cái lồng to cỡ bằng cái bình nước và đặt bẫy rồi ngồi trong lều đợi đàn chim đến. Chim chúa đến giữa đàn và chim không tỏ chút gì tham ăn, vừa bước xuống đúng nơi đã đậu ngày hôm qua thì chân đặt ngay vào chiếc thòng lọng. Khi chim thấy chân bị siết chặt liền nghĩ thầm: "Nếu bây giờ ta thốt lên tiếng kêu của con chim mắc bẫy thì đàn chim thân thuộc của ta sẽ kinh hoàng và chạy trốn mà chưa ăn được gì. Vậy ta hãy chịu đựng cho đến khi chúng ăn xong!" Cuối cùng, khi chim chúa thấy chúng đã no nê, mới lo sợ cho tính mạng của mình mà thốt lên ba lần tiếng kêu của con chim bị nạn. Cả đàn chim bay trốn mât. Lúc ây, chim anh vũ chúa bảo: Cả đàn chim bà con quyên thuộc của ta đây, chăng con nào quay lại nhìn ta nữa! Ta đã phạm tội gì vậy? Và chim cảm hứng ngâm vần kệ quở trách chúng: 4. Bầy chim ăn uống thật no say, Rồi chúng liền tung cánh vút bay, Bị bắt mình ta vào chiếc bẫy, Ta đà gây tội lỗi gì đây? Người giữ ruộng chợt nghe tiếng kêu của chim chúa và âm thanh của cả đàn chim kia bay qua không gian. uCái gì d6?" Gã nghĩ thầm. Gã đứng dậy ra khỏi lều và đi về phía cái bẫy, gã thấy chim chúa ở đó. "Ehiiig là con chim mà ta muốn đặt bẫy đã bị bắt." Gã kêu lên mừng rỡ vô cùng, gã lẫy con chim ra khỏi bẫy, buộc đôi chân vào nhau và đi về phía làng Sãlindiya, gã giao chim cho vị

Bà-la-môn. Vị này với tình cảm đậm đà dành cho Bồ-tát, ôm ngài trong đôi tay, đặt ngài trên đùi mình và nói chuyện với ngài qua hai vần kệ sau:

5. Bụng chim lớn vượt các chim kia,

Trước hết chim ăn bữa thỏa thuê,
Sau đó ngậm thêm đây mỏ nữa,
Trước khi giương cánh rộng bay về.
6. Chim có một kho phải đổ vào,
Và chim ghét lão đắng cay sao?
Lão đòi chim phải trình cho đúng,
Chim để kho kia ở chốn nào?
Nghe lời này, chim anh vũ chúa đáp lời, ngâm vần kệ thứ bảy bằng giọng người ngọt ngào như mật:
7. Ta chăng ghét ngài, Kosiya,
Ta không hề có vựa kho nhà,
Khi vào rừng ở? ta hoàn nợ?
Và cũng cho vay mượn nữa mà,
Nơi đó ta dồn kho báu mãi,
Đây là câu giải đáp phần ta.
Tiếp theo, vị Bà-la-môn hỏi chim chúa:
ĩ
8. Món nào chim lại muôn cho vay?
Gì đó là công phải trả đây?
Cho biết kho nào đang tích trữ?
Rồi ta sẽ thả tự do bay.
Chim anh vũ chúa vừa đáp lời vị Bà-la-môn yêu cầu vừa giải thích ý định của mình qua bốn vần kệ:
9. Lũ chim non nớt ở nhà ta,
Đôi cánh còn chưa mọc đủ ra,
Chúng sẽ nuôi ta mai mốt nọ5
Nay ta cho chúng mượn vay mà.
10. Mẹ cha già yếu cả song thân,
Hai vị xa dân hạn tuôi xuân,
Với lúa ta mang trong chiêc mỏ,
Đem về dâng trả các ân nhân.
11. Còn lắm chim đang sống lẻ đơn,
Bầy chim yếu đuối lại nhiều hơn,
Ta cho bọn chúng vì từ mẫn,
Đây chỗ Hiền nhân gọi trữ tồn.
12. Đây là phân nợ muôn cho vay,
Đấy lại là công phải trả dầy,
CHUYỆN TIỀN THÂN 229

Nơi nọ là kho đang tích trữ, Giờ ta phân giải hết lời này. Vị Bà-la-môn rất hoan hỷ khi nghe bài thuyết giáo hợp đạo lý này của Bồtát liền ngâm hai vần kệ: 13. Đạo lý cuộc đời tối thượng thay! Làm bao công đức chính chim này? Từ mồm nhiều kẻ trên trần thế, Chẳng có hề nghe luật lệ vầy. 14. Ăn cho vừa ý thật no nê? Và mọi chim thân cũng thỏa thuê, Anh vũ, rồi ta còn gặp lại, Ta yêu hình bóng bạn quay về. Cùng với những lời này, ông nhìn Bô-tát với lòng trìu mên như thê nhìn đứa con yêu quý nhất của minh, rồi thả dây trói khỏi chân chim, ông thoa lên đôi chân ấy một loại dầu quý đã lọc kỹ cả trăm lần và đặt chim lên một bảo tòa rât sang trọng, đãi chim ăn món băp ngọt trên một cái đĩa vàng và uông nước đường. Sau đó, chim anh vũ chúa vừa khuyên nhủ vị Bà-la-môn tinh cần vừa ngâm kệ này: 15. Trong nhà ngài đây, Kosiya, Ta uống ăn? tình bạn thiết tha, Xin hãy cúng dường cho những vị, Trong đời gánh nặng đã quăng xa, Và xin phụng dưỡng song thân đủ, Khi các ngài kia đã xế tà. Lúc ấy, vị Bà-la-môn vô cùng hân hoan trong lòng, thốt lời cảm hứng của mình qua vần kệ này: 16. Thần nữ Cát Tường hẳn đến dây, Khi ta nhìn thấy chúa chim này, Ta nguyền thực hiện nhiều công đức, Chẳng có bao giờ muốn nghỉ tay, Vì giọng chim thần nay lảnh lót, Ta vừa nghe thật tuyệt vời thay! Kê đó, Bô-tát không chịu nhận cả ngàn mâu ruộng do vị Bà-la-môn tặng ngài mà chỉ nhận tám mẫu thôi. Vị ấy cho chôn các trụ đá làm ranh giới để dành riêng điền sản cho ngài rồi lại dâng ngài vòng hoa thơm... rất cung kính và nói: Xin Chúa công thượng lộ bình an và mau về khuyên dỗ song thân đang ràn rụa nước mắt than khóc! Xong ông tiễn ngài bay đi. Ngài rất đẹp ý, ngậm một cọng lúa đem về cho cha mẹ, rồi vừa thả cọng lúa trước song thân vừa bảo:

Nào dậy đi thôi, cha mẹ thân yêu của con! Hai vị nghe lời ngài liền vùng dậy, mắt nhòa lệ thảm. Sau d6, cả đàn anh vũ kia lục tục kéo đến hỏi thăm: -Tâu Chúa thượng, ngài làm sao thoát thân được? Ngài kê cho chúng nghe toàn câu chuyện từ đâu đên cuôi. Còn gia chủ Kosiya nghe lời khuyên nhủ của chim anh vũ chúa, đem phân phát nhiều của cải, bố thí cúng dường các vị chân nhân, các ẩn sĩ khổ hạnh cùng các Bà-la-môn. Vần kệ cuối cùng do bậc Đạo sư ngâm để giải thích việc này: 17. Kosiya này với đại hân hoan, Thực phẩm làm phong phú ngập tràn, Đãi uống ăn La-môn, Thánh giả, Bản thân vị ấy thật hiền lương. *** Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: Như vậy, này các Tỷ-kheo? phụng dưỡng mẹ cha mình là một mỹ tục cổ truyền của các bậc Trí nhân và thiện nhân. Sau đó? Ngài thuyết giảng các sự thật và nhận diện tiền thân. Bấy gi&, vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đó đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). -Vào thời ấy, các đệ tử Phật là đàn anh vũ; phụ hoàng, mẫu hậu ngày nay là cha mẹ chim chúa; Channa (Xa-nặc) là người giữ ruộng; Ãnanda là vị Bà-la- môn và Ta chính là chim anh vũ chúa kia.

§485. CHUYỆN ĐÔI CA THẦN CANDA (Candakinnarạiãtaka) ự. IV. 282) Chắc hắn đời ta sắp sửa tàn... Chuyện này bậc Đạo sư kê trong lúc trú tại vườn Nigrodha gân Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) về thân mẫu của Rãhula (La-hầu-la) khi bà còn ở trong cung. Tiên thân này phải được kê băt đâu từ thời quá khứ xa xưa của tiên thân đức Phật? Song câu chuyện về các thời kỳ này, bắt đầu từ tiếng sư tử hống của Ton giả Uruvela

Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp) tại Latthivana (Rừng Mía, gần Trúc Lâm), đã được kể trước kia trong Chuyện không lỗi lầm.3 4 Phần tiếp theo chuyện cho đến khi Ngài trở về Kapilavatthu sẽ được nói rõ trong Chuyện Đại vương Vessantara.5

3 Xem Buddhist Birth Stories (Những câu chuyện bổn sanh Phật giảò), pp. 2,58; Buddhism in Translations (Cảc dịch phẩm Phật giáo), pp. 38, 82. 4 Xem J. I. 1, Apannakcỳãtaka (Chuyện không lỗi lầm), số § 1.

5 Xem J. VI. 479, Vessantarạiãtaka (Chuyện Đại vương Vèssantarà), số §547.

Đang lúc Ngài ngôi trong cung phụ vương, trong buôi ăn, bậc Đạo sư kê Chuyện Đại nhân Dhammapãla^ và sau khi buổi ăn đã xong, Ngài nói: Ta muốn tán thán những đức tính cao quý của thân mẫu Rãhula ngay ở cung that của bà băng cách kê Chuyện đôi ca thân Canda này. Rồi vừa trao bình bát cho vua cha, Ngài cùng hai vị Đại đệ tử bước qua cung that của mâu thân Rãhula. Thời ây, có bôn mươi ngàn cung nữ giỏi ca múa hay đến bầu bạn với bà, trong đó có một ngàn chín mươi nàng là con gái dòng Sát-đê-ly. Khi bà nghe báo tin đức Như Lai đên viêng5 bà ra lệnh tât cả cung nữ này đắp y vàng và hội chúng tuân lệnh. Bậc Đạo sư bước vào, ngồi xuống chỗ đã được dành sẵn cho Ngài. Lúc ấy, cả hội chúng nữ nhân đều kêu lên một tiếng và than khóc rền rĩ. Sau khi để mặc dòng lệ tuôn tràn, thân mẫu Rãhula cố dẹp nỗi sầu riêng, đứng lên đảnh lễ bậc Đạo sư và ngôi xuông với vẻ vô cùng tôn kính dành cho một vị vua. Lúc ây, phụ vương của Ngài bắt đầu kể đức hạnh của bà: Bạch Thế Tôn, xin hãy nghe đây! Khi nàng hay tin Thế Tôn đã đắp y vàng, nàng cũng đắp y vàng. Thế Tôn bỏ hết các vòng hoa và đồ trang sức, nàng cũng bỏ hết mọi thứ và chỉ nằm, ngồi dưới đất. Khi Thế Tôn đã xuất gia, nàng liền trở thành cô phụ và từ chối mọi tặng vật mà các vương tử khác gửi đến nàng. Lòng nàng bao giờ cũng trung thành với Thế Tôn. Như thế, phụ vương của Ngài đã kể hết đức hạnh của nàng trong nhiều cách, bậc Đạo sư liền bảo: -Thưa Phụ vương, thật không lạ gì ngày nay trong đời cuối cùng của Như Lai, công chúa này đã yêu thương, gìn giữ lòng trung thành đối với Như Lai và chỉ muốn được một mình Như Lai dìu dắt mà thôi. Quả vậy, ngay cả khi được sinh làm loài phi nhân, bà cũng giữ dạ thủy chung với phu quân của mình mà thôi. Rôi theo lời thỉnh câu của vua cha, Ngài kê một chuyện quá khứ. *** Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát được sinh trong vùng Tuyết Sơn làm một vị tiên kinnara (khẩn-na-la, ca thần) tên là Canda (Nguyệt Lang), vợ ngài là Candã (Nguyệt Nga). Cả hai vị sống cùng nhau trên một dãy núi bạc tên là Canda (Nguyệt Sơn). Thời ây? vua xứ Ba-la-nại giao phó việc triêu chính cho các quan đại thân, một mình vua khoác hai chiếc hoàng bào, trang bị năm thứ vũ khí và tiến về vùng Tuyết Sơn. Trong lúc đang thưởng thức món sơn hào, vua chợt nhớ nơi có con suối nhỏ nên bắt đầu leo lên đồi. Thời bấy giờ, đôi tiên sống trên đỉnh Nguyệt Sơn thường ở trong núi vào mùa mưa và chỉ xuống núi vào mùa nắng. Vừa lúc ấy,

6 Xem J. IV. 50, Mahãdhammapãlạiãtaka (Chuyện Đại nhân Dhammapãlà), số §447.

tiên nam Canda cùng vợ xuông núi và đi quanh quân. Đôi tiên tâm nước hoa, ăn phấn hoa, mặc xiêm y bên trong lẫn bên ngoài đều bằng thứ lụa sa dệt từ bông hoa, vừa lắc lư trong đám cát đằng (dây leo) vừa vui đùa ca hát bằng một giọng ngọt ngào như mật. Vị tiên nam tiến dần đến con suối này? và tại một chỗ dừng chân bên suối chàng bước xuống, vừa cùng vợ rắc hoa khắp mặt suối vừa vui đùa dưới nước. Khi cả hai vị đã mặc lại xiêm y bằng hoa xong, trên một khoảng cát trắng sáng láng như một tấm bạc, hai vị trải hoa làm sàng tọa và nằm xuống. Lượm được một khúc cây trúc, vị tiên nam bắt đầu thổi sáo, thỉnh thoảng ca hát ngọt ngào như mật rót vào tai, trong lúc tiên nữ uốn lượn đôi tay mềm mại, vừa nhảy vừa hát ca gần đó. Nhà vua nghe tiếng hát liền đi rón rén để đừng ai nghe lọt bước chân, vừa đên gân ngăm nghía đôi tiên từ một nơi ân nâp kín đáo. Vua bông nhiên sinh ra si tình tiên nữ và nghĩ thầm: "Ta muốn bắn chàng kia và sống ở đây với vợ chàng." Sau đó, vua liền nhắm bắn trọng thương vị tiên nam Canda. Chàng đau đớn thốt lên bốn vần kệ: 18. Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn, Máu ta đang chảy xiết, tuôn tràn, Ta dần mất hết nguồn sinh lực? Hơi thở đang thoi thóp, hỡi nàng! 19. Ta đang chìm ngập với đau thương, Lòng dạ ta đang đốt cháy bừng, Song bởi chính nàng sầu? Candã hỡi, Mà tim ta cảm xúc khôn lường. 20. Như cỏ cây, ta cứ lụi tàn, Héo hon như suối cạn khô dần, Lòng đầy xúc cảm, Candã hỡi, Vì nỗi buồn đau của chính nàng. 21. Dòng lệ tuôn từ cặp mắt ta, Như mưa chân núi chảy vào hồ? Bởi vì lòng dạ đầy thương cảm, Cho nỗi sầu nàng, hỡi Candă! Bô-tát than khóc như vậy qua bôn vân kệ trong khi quăn quại trên sàng tọa băng hoa rôi bât tỉnh quay mặt đi. Nhà vua vân đứng ở nơi đã nâp. Còn tiên nữ không biết Bồ-tát bị thương, ngay khi ngài than khóc như thế, nàng cũng không hay biết vì nàng đang say sưa với niềm hoan lạc của mình. Nhimg khi thấy ngài quay đi và nằm bất động, nàng bắt đầu tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với vị phu quân. Vội đến gần quan sát chồng, nàng thấy máu đang chảy ra từ miệng vết thương nên không thể nào chịu đựng nổi cơn đau đớn khủng khiếp trước tình cảnh phu quân yêu quý của mình, nàng kêu gào that thanh.

uVị tiên nam ắt hẳn đã chế,vua thầm nghĩ và bước ra lộ diện. Khi tiên nữ
Candã thấy vua, nàng nghĩ thầm: "Đây hẳn là kẻ cướp đã giết chồng yêu quý của ta" và nàng run rây chạy trôn. Khi đã đứng trên đỉnh đôi, nàng kêt tội vua quyết liệt qua năm vần kệ:

22. Ôi khổ thân ta, chúa bạo tân,
Nhà ngươi đã băn trọng thương chàng,
Nay chàng nằm đó trên đất lạnh,
Dưới một gốc cây giữa núi ngàn.
23. Vương tử, sầu đau xé ruột này,
Ta mong thái hậu phải đền thay!
Môi sâu đang bóp tim tan nát,
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.
24. Vương tử, sâu đau xé ruột này9
Ta mong vương hậu phải đền thay!

Mối sầu đang bóp tim tan nát,
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.
25. Mong thái hậu nay khóc phụ hoàng,
Và sau lại phải khóc hoàng nam,
Kẻ vì tham dục đang làm ác,
Cho chính chông ta thật uông oan.
26. Ước mong vương hậu phải chờ trông,
Tình cảnh mất con lẫn mất chồng,
Là kẻ vì tham làm việc ác?
Cho chàng vô tội, chính phu quân.
Sau khi nàng kêu gào than khóc như vậy qua năm vần kệ trên, nhà vua vừa đứng trên đỉnh núi vừa cất tiếng an ủi nàng qua một vần kệ khác:
27. Thôi đừng than khóc, chớ sầu thương,
Ta chắc rừng đêm quáng mắt nàng,
Cung điện vua ban nàng diễm phúc,
Nàng làm hoàng hậu của quân vương!
Ngươi vừa nói gì thế?
Tiên nữ Candã thét lên khi nghe lời này và nàng cất giọng sư tử hống hùng hồn đáp lời:
28. Không, ta đành kết liễu cuộc đời,
Ta chăng bao giờ muôn lây ngươi,
Ngươi giết chồng ta nào có tội,
Tất cả vì tham ái ta thôi!
Khi nghe lời này, lòng say mê của vua đối với nàng đều tan hết, sau đó5 vua liền ngâm một vần kệ khác nữa:

29. Sống cho thỏa nguyện, hỡi tiên nương,
Thôi hãy quay về đỉnh Tuyết Sơn,
Ta biết có nhiều loài thú vật,
Ẩn toàn hoa cỏ, mến rừng hoang.
Cùng với những lời này, vua bình thản bỏ đi. Ngay khi Candã biết vua đi rồi, nàng bước đến ôm lấy Bồ-tát đem tận đỉnh đồi và đặt ngài nằm trên một chỗ đất bằng phẳng. Tại đó, vừa kê đầu ngài lên lòng nàng, nàng vừa than thở qua mười hai vần kệ sau:
30. Đây giữa vùng đồi núi đỉnh cao,
Trong nhiều thung lũng, dưới hang sâu,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì bóng chàng nay thiếp thấy đâu?
31. Thú rừng lang bạt khắp nơi nơi,
Lá trải trên nhiều chốn đẹp tươi,
Thiếp phải làm gì, Canda hỡi,

Vì nay chàng vắng bóng trên đời?
32. Dã thú tung hoành, hoa ngát hương,
Lan tràn bao chốn đẹp hoang đường,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?
33 Trong veo nhiều suối chảy ven đồi,
Hoa dại muôn ngàn phủ khắp nơi,
Thiếp phải làm gì, Canda hỡi,
Vì nay chàng bỏ thiếp đơn côi?
34. Xanh thẳm là đồi núi Tuyết Sơn,
Khi nhìn đồi núi đẹp vô vàn,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên h&i,
Vì chăng còn đâu thây bóng chàng?
35 Bao đỉnh Tuyết Sơn nhuộm ánh vàng,
Nhìn xem đồi núi đẹp huy hoàng,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡd,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng chàng?
36 Đồi núi Tuyết Sơn đỏ rực lên,
Núi đồi tuyệt diệu lúc nhìn xem,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng tiên?
37. Tuyết Sơn đỉnh nhọn vút trời cao,
Đồi núi nhìn xem đẹp biết bao!
CHUYỆN TIỀN THÂN 235

Thiếp sẽ làm gi, Canda hỡi, Vì nay thiếp chẳng thấy chàng đâu? 38. Lấp lánh Tuyết Sơn đỉnh trắng ngần, Nhìn xem đồi núi đẹp muôn phần, Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi, 9 r Vì chăng còn trông thây phu quân? 39. Tuyết Sơn lại đổi sắc cầu vồng, Tuyệt diệu là khi đứng ngắm trông, Thiếp phải làm gi, Canda hỡi, Vì không còn được thấy lang quân? 40. Đồi Hương thân thiết với yêu ma, Khăp chôn phủ đây vạn cỏ hoa, Thiếp phải làm gì, Canda hỡi, Vì đâu còn thây bóng phu quân? 41. Thần tiên yêu mến ngọn đồi Hương, Cây cỏ bao quanh khắp nẻo đường, Thiếp sẽ làm gì, Canda hỡi, Vì đâu còn thấy bóng chàng thương? Nàng cứ than thở mãi như vậy, rồi khi cầm tay Bồ-tát đặt lên ngực nàng, nàng thây tay ngài còn âm. Nàng nghĩ thâm: "Candã còn sông đây, ta quyêt khiêu khích các thân linh cho đên khi chàng được sông lại!" Rôi nàng lớn tiêng quở trách các thần: Chăng có vị thân nào cai trị cõi trân hay sao? Các ngài đi ngao du ở đâu cả rôi? Chăc hăn các ngài chêt hêt rôi nên chăng còn ai cửu mạng chông yêu quý của ta đây! Vì uy lực nôi khô đau thông thiêt của nàng, chiêc ngai của Thiên chủ Đêthích nóng rực lên. Khi xét kỹ, ngài thấy rõ nguyên nhân liền giả dạng một vị Bà-la-môn đên gân nàng, câm bình nước thân dược rảy lên mình Bô-tát. Trong chốc lát, thuốc độc mất công hiệu, sắc mặt ngài trở lại tươi tính, ngài cũng không còn biết gì đến chỗ bị thương nữa. Bồ-tát

đứng dậy hoàn toàn hồi phục. Khi Candã thấy vị phu quân muôn vàn yêu quý của mình đã hoàn toàn bình an, nàng hân hoan quỳ xuông chân của Thiên chủ Đê-thích và tán thán ngài qua vần kệ: 42. La-môn Thánh giả đáng tôn vinh, Cho phận thiếp đây kém phước lành, Được thấy phu quân đầy ái kính, Rảy lên chàng thánh dược hồi sinh! Sau đó, Thiên chủ Đế-thích khuyên nhủ:

Từ nay vê sau, hai vị đừng xuông khỏi đỉnh Nguyệt Sơn ra giữa đường đi của loài người nữa mà cứ ở chốn đây thôi. Ngài lặp lại câu này hai lân rôi trở vê cõi của ngài. Còn Candã hỏi chông nàng: Này phu quân, sao ta lại ở chôn đây nguy hiêm này? Ta hãy mau vê đỉnh Nguyệt Sơn. Rồi nàng ngâm vần kệ cuối cùng: 43. Ta hãy lui về đỉnh Nguyệt Sơn, Nơi khe suối diễm lệ tuôn tràn, Suôi khe phủ ngập đây hoa lá, Mãi mãi chốn kia, gió nhẹ nhàng, Thâm thì len qua ngàn cô thụ, Mải mê trò chuyện, phút bình an. *** Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: Không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa cũng thế, công chúa luôn luôn tận tụy và giữ lòng trung thành với Ta. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Anuruddha (A-na-luật-đà) là vua, thân mẫu của Rãhula là tiên nữ Candã và Ta chính là vị tiên nam Canda.

§486. CHUYỆN CHIM ƯNG CHÚA (Mahãukkusaḷiãtaka) ự. IV. 288) Dân chủng đang nhen lửa đảo này... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về cư sĩ Mittagandhaka (người kết giao nhiều bằng hữu). Tương truyền, người này là con cháu một dòng họ đã suy tàn ở Sãvatthi (Xá-ve), phải nhờ một người bạn đi cầu hôn một thiếu nữ sang ượng. Nhà kia hỏi: Thế cậu ấy có bạn bè thân thích nào để có thể giải quyết công việc cần lo liệu chăng? Nhà trai đáp: 9 e Không, chăng có ai cả. Bên kia bảo: Thế thì trước tiên phải kiếm bạn đã. Người ấy nghe lời khuyên này đi bầu bạn với bốn người giữ cổng thành. Sau đó? chàng dần dần kết bạn với những người giữ thành, những nhà thiên văn? nhiều người quý tộc trong triều, ngay cả vị tướng lãnh và phó vương. Nhờ giao thiệp với những người này? chàng trở thành bạn thân thiết của vua, rồi sau đó là đạo hữu của tám mươi vị Trưởng lão; và nhờ Trưởng lão Ãnanda, chàng đến yết kiến đức Như Lai. Lúc ấy, bậc Đạo sư an trú cả gia đình chàng vào tam

quy và ngũ giới, vua lại phong cho một chức vụ cao và chàng được biệt danh "'Mittagandhaka \ Vua còn ban cho chàng, một dinh cơ lớn rồi ra lệnh cử hành hôn lễ cho chàng nên tất cả mọi người từ vua chúa trở xuống đều mang tặng vật đến nhà. Lúc ây, vợ chàng nhận được một tặng vật của vua ban, rồi tặng vật của vị đại tướng quân, tặng vật của vị phó vương, cứ thê dân chúng toàn thành đêu đên nhà nàng. Vào ngày thứ bảy, đôi tân hôn ấy tổ chức đại lễ để mời đấng Thập Lực. Nhiều phẩm vật cúng dường cao sang được đem dâng đức Phật và Tăng chúng lên đến năm trăm vị Tỷ-kheo. Cuối buổi lễ, đôi tân hôn nhận lời tùy hỷ công đức từ đức Phật và được an trú vào Sơ quả (Dự hru). Trong pháp đường, hội chúng nói đến chuyện này: Này các Hiên giả, cư sĩ Mittagandhaka theo lời vợ khuyên nhủ và nhờ nàng, đã trở thành bạn của mọi người, được vinh quang tột bực từ vua ban; và sau khi thành thân hữu của bậc Đạo sư,

đôi vợ chồng đã được an trú vào Sơ quả. Bậc Đạo sư đi vào và hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì. Các vị thưa với Ngài. Ngài bảo: Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỷ-kheo, người này nhận được vinh quang nhờ nữ nhân kia. Ngày xưa, khi còn là súc sinh, nhờ lời khuyên của nàng nên vị ấy đã kết bạn rất nhiều và thoát khỏi sự lo âu về tính mạng của đàn con trẻ. Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, một số người ở vùng biên địa thường cư trú tại nơi nào họ có thể tìm kiếm thực phẩm nhiều nhất như sống trong rừng và bắn giết những loài thú vật đông đúc tại đó để lấy thịt cho họ và gia đình họ. Không xa làng của họ là một cái hồ rộng, về phía Nam bờ hồ đó có một chim img trống; phía Tây là một chim img mái; phía Bắc là một sư tử, chúa của mọi loài dã thú; phía Đông là một chim ưng biển (đại bàng), chúa loài chim; và ở giữa là một con rùa sống trong một cái hồ. Chim ưng trống đến hỏi chim ưng mái làm vợ. Chim mái bảo: Chàng có bạn bè nào không? Chim trống đáp: Thưa cô nương, không. Chúng ta cần phải có vài chim bạn đê bảo vệ cho chúng ta chông lại mọi hiểm nguy hay chuyện rắc rối có thể xảy ra, vậy chàng phải đi kiếm vài chim bạn! —Ta phải làm bạn với ai đây? Ô kìa, với đại bàng chúa sống trên bờ phía Đông chứ còn ai nữa, rồi với sư tử ở phía Bắc và rùa ở giữa hồ này.

Chàng theo lời khuyên của nàng và làm như vậy. Sau đó, đôi chim sống với nhau trong một cái tô do chúng xây lây; cũng cân nói thêm răng trên một đảo nhỏ trong hồ này có một cây kadamba7 mọc, bốn phía là nước bao quanh. Sau đỏ, chúng sinh được hai chim trống. Một ngày kia, khi lông cánh đôi chim non còn non nớt, có vài trai làng đi săn môi khăp rừng suôt ngày mà chăng kiêm được gì cả. Vì không muôn trở về làng tay không, họ đi xuống hồ bắt rùa, cá; họ lên đảo, nằm dưới bóng cây kadamba và đang lúc bị ruồi, muỗi, bọ chích đốt thật khổ sở, họ nhóm lửa lên đuổi muỗi mòng bằng cách chà xát củi khô vào nhau để hun khói. Khói đùn lên làm bầy chim khó chịu, khiến đôi chim non kêu lên chiêm chiếp. Đám dân làng bảo nhau: . 4 Kìa, có tiêng chim! Nào đốt lửa nhanh lên! Chúng ta không thể nằm nhịn đói ở đây, trước khi nằm ngủ, chúng ta phải ăn một bữa thịt chim rừng chứ! Họ nhóm lửa làm cho ngọn lửa cao dần. Song chim mẹ nghe tiếng động ấy, nghĩ thâm: "Những người này muôn ăn con ta. Ta phải kiêm bạn đê cứu nhà ta thoát khỏi hiểm họa này. Ta muốn bảo chim trống đi đến chim đại bàng chúa kia.” Rồi chim mái bảo. -Này chàng, hãy đi báo cho chim đại bàng chúa biết mối nguy hiểm đang đe dọa các con ta! Và nó ngâm vần kệ này: 44. Dân chúng đang nhen lửa đảo này, Để ăn đàn trẻ chốc liền dây, Hỡi chàng, mau bảo cùng bè bạn, Nguy hiểm con ta cấp báo ngay! Chim trống liền bay hết tốc lực đến chỗ kia và kêu lên để báo hiệu nó đến. Khi được phép, nó đến gần đại bàng chúa và kính chào. Chim đại bàng chúa bảo: -Tại sao bạn đến? Chim trống liền ngâm vàn kệ thứ hai: 45. Chim chúa là ngài, hỡi chúa công, Nay ta tìm chốn chúa an thân, Dân làng săn muốn bắt đàn trẻ5 Xin chúa ban cho bạn nỗi mừng. Chim đại bàng chúa bảo chim ưng trống: Đừng sợ! Vừa an ủi, nó vừa ngâm vân kệ thứ ba:

7 p. Kadamba,(Ca-lan-bà thọ), E. Anthocephalus cadamba: Cây gáo tròn hay còn gọi cây gáo vàng.

46. Đúng lúc hay không, bậc Trí nhân, Kết giao cùng bảo vệ thân bằng, Vì chim ưng hỡi, ta hành động, Bạn thiện giúp nhau những lúc cân. Sau đó? chim đại bàng chúa hỏi tiếp: Này bạn, thế dân làng đã trèo lên cây chưa? -Họ chưa trèo lên, họ chỉ mới chất củi lên để đốt lửa. Vậy bạn nên trở về mau và an ủi hiền thê của bạn rồi nói ta sẽ đến ngay. Chim ưng làm theo lời. Chim đại bàng chúa cũng di, và từ một nơi gần cây kadamba, nó đậu trên một ngọn cây và nhìn nhiều người ấy leo lên cây. Ngay khi một người trèo lên đến gần tổ, chim đại bàng chúa liền nhào xuống hồ? dùng đôi cánh và mỏ rảy nước lên đám lửa đang cháy khiến chúng tắt hết. Đám người ấy trèo xuống, nhóm ngọn lửa khác để nấu bầy chim, rồi khi chúng trèo lên? chim đại bànẹ chúa lại dập tắt ngọn lửa lần nữa. Cứ thế, khi lửa được nhóm lên là chim dập tắt đi. Cho đến nửa đêm, chim đại bàng chúa đã kiệt sức, lớp da dưới bụng trây ra xơ xác dân, đôi măt rướm máu. Thây thê, chim mái bảo chim trống: -Này phu quân, đại bàng chúa đã mệt lả rôi, hãy đi đên báo cho bạn rùa, đê chim đại bàng chúa được nghỉ ngơi! Khi nghe vậy, chim ưng ướng đến gần chim đại bàng chúa, ngâm kệ bảo bạn: 47. Bạn thiện giúp nhau ây việc cân, Ngài làm vì xót bạn gian nan, Bình an con trẻ, ngài còn sống? Cẩn thận, đừng cho thể lực tàn. Khi nghe lời này, chim đại bàng chúa cất cao giọng sư tử hống ngâm vần kệ thứ năm: 48. Khi ta canh giữ ở cây này, Ta chăng lo răng nêu chăng may, Ta mất mạng mình vì chúng bạn, Thiện nhân hành động vẫn như vầy. Thế nên bạn hãy làm vì bạn, Dù chính đời mình kết liễu ngay. Còn vần kệ thứ sáu này do bậc Đạo sư ngâm, phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài khi Ngài tán thán công đức của chim đại bàng chúa: 49. Vương điêu noãn sanh lượn cõi không, Đã làm một việc khó vô cùng, Chúa ưng, trước lúc màn đêm xuống, Canh giữ bầy chim nhỏ vạn an. Sau đó9 chim ưng trống nói:

Xin hiên hữu chúa chim đại bàng hãy nghỉ ngơi chôc lát!
Rồi nó bay đi đến con rùa, đánh thức rùa dậy. Rùa hỏi:
- Này bạn, bạn đến có việc gì vậy?
Có mối hiểm nguy như vậy xảy ra với chúng tôi và chim đại bàng chúa đã chịu khô nhọc hêt sức từ canh một, nay gân kiệt lực cho nên tôi phải đên gặp bạn.
Cùng với những lời này, nó ngâm vàn kệ thứ bảy:
50. Cho dầu những kẻ bị sa chân,
Qua lắm việc làm ác, bất nhân,
Cũng có cơ vươn mình tiến được,
Nếu xin nhờ giúp đỡ khi cần.
Các con ta gặp khi nguy khốn,
Ta chẳng bay ngay đến bạn vàng,
Hỡi bạn ngâm mình trong đáy nước,
Giúp nhà tôi, hãy vội lên đàng!

Khi nghe vậy, rùa ngâm vân kệ khác:
51. Thiện nhân đối với một thân bằng,
Cho cả đồ dùng lẫn bản thân,
Vì bạn, hỡi ưng, ta hành động,
Thiện nhân giúp đỡ bạn khi cần.
Chú rùa con nằm không xa đó, nghe tiếng cha nói liền suy nghĩ: "Ta không muốn cha ta phải nhọc sức mà ta sẽ lãnh phân của cha ta.” Vì vậy, chú ngâm vàn kệ thứ chín:
52. Xin cha an dưỡng, hỡi cha thân,
Việc của cha, con sẽ lãnh phân.
Con phụng sự cha là tốt nhất,
Con đi cứu cả tổ chim bằng.
Rùa cha đáp lời con qua vần kệ:
53. Cứ làm việc thiện, hỡi rùa con,
Con phải giúp cha thật chánh chơn,
Song chúng chỉ tha đàn trẻ nhỏ9
Vì cha, người thầy lớn khôn ngoan.
Cùng với những lời này, rùa bảo chim ưng bay về và nói thêm:
Này bạn ơi? đừng sợ! Bạn cứ đi trước rồi ta sẽ theo sau lập tức.
Rùa lặn xuống nước, lượm một ít bùn, đến đảo dập tắt ngọn lửa và nằm im.
Lúc ấy, dân làng kêu lên:
Này, tại sao phải nhọc công vê bây chim tmg con thê kia? Ta hãy lật con rùa đáng ghét này lên mà giết nó cũng vừa đủ cho cả bọn ta mà!

Vì thế, họ hái ít dây leo bện thành sợi dây, nhưng khi họ đã buộc chặt dây ở chỗ này chỗ kia rồi và xé cả áo quần để dùng vào việc này thì họ lại không thể lật con rùa lên được. Con rùa cứ lôi họ đi theo nó rồi nhào xuống nước sâu. Bọn người ấy nôn nóng bắt rùa đến độ cũng nhào xuống theo, lội bì bõm, bắn nước lên tung tóe và uông nước đây bụng. Họ bảo nhau: Này cứ xem đi, chim đại bàng chúa cứ làm tắt ngọn lửa của ta đến nửa đêm, nay thì con rùa làm ta rớt xuông nước và uông nước nhiêu, thật quá khô sở. Thôi, ta cố nhen ngọn lửa khác, rồi đến sáng mai sẽ ăn được bầy chim ưng con. Sau đó, họ lại bắt đầu nhóm lửa. Chim ưng mái nghe tiếng ồn ào của bọn người này liền bảo: Này chàng, sớm muộn gì bọn người này cũng xé xác các con ta rồi mới chịu đi. Vậy chàng hãy đên báo cho bạn sư tử biêt chuyện! Lập tức, chàng chim ưng đên gặp sư tử, sư tử này hỏi tại sao chim ưng đên giờ bất thường như vậy. Chim ưng liền kể cho sư tử nghe mọi việc từ đầu và ngâm vần kệ thứ mười một: r 54. Oai hùng bậc nhât của muôn loài, Loài thú vật kia lẫn mọi người, Chạy đến anh hùng lúc hoảng sợ, Chim non gặp nạn, giúp nhà tôi, Ngài là chúa tể muôn loài đó, Vì thế nên tôi phải đến nơi. Nghe nói vậy, sư tử ngâm vân kệ nữa: 55. Ta giúp chim ngay, hỡi bạn ưng! Mau, ta đi giết bọn cừu nhân, Hiển nhiên bậc Trí nhiều thông hiểu, Cần gắng công che chở bạn thân. Nói vậy xong, sư tử bảo chim ưng ra về, còn dặn thêm: Thôi, bây giờ hãy về đi và an

ủi các con dại! Rồi sư tử tiến lên9 đập tung tóe nước hồ trong suốt. Khi dân làng thấy sư tử đến gần, họ sợ chết khiếp liền kêu lên: Chim đại bàng chúa thổi tắt củi lửa của ta, con rùa làm ta mất quần áo đang mặc, song giờ đây ta tàn đời rồi! Con sư tử này sẽ giết chết chúng ta lập tức. Họ liền chạy tứ tán. Khi sư tử đến gốc cây, chẳng còn thấy gì nữa. Sau đó, chim đại bàng chúa, chim ưng trống, con rùa đều tiến lên vây quanh sư tử. Sư tử bảo cho chúng biết ích lợi của tình bằng hữu và nói: Từ nay về sau, hãy cẩn thận đừng để tan vỡ mối tình bằng hữu thân ái! Với lời khuyên này, sư tử ra đi. Rồi bọn kia cũng về chốn ở của riêng mình.

242 KINH TIẾU Bộ

Chim img mái nhìn con tự nghĩ: "Nhờ tình bằng hữu mà các con ta được trả lại cho ta." Và trong lúc chim mái vui mừng, nó vừa nói với chim trống vừa ngâm vần kệ nêu rõ hiệu lực của tình bằng hữu: 56. Rõ ràng kết bạn hữu đầy nhà, Gặp bạn hiền, hoan lạc hiện ra, Tên bắn trên quân bào bất lợi, Ta mừng, an ổn các con ta. 57. Nhờ công giúp của bạn chân tinh, Chim bạn đến mong góp sức minh, Đối đáp, chim non kêu ríu rít, Làm say lòng mẹ với âm thanh. 58. Người r khôn nhờ bạn giúp bàn \tay, Sông với đàn con hạnh phúc đây, Ta với chồng con cùng đứng vững, Vì thân bằng hữu mến thương lây. 59. Dân cần bảo vệ bởi vua quan, Những vị tình thân hữu vẹn toàn, Hạnh phúc chàng mong, uy lực đủ, Là người hưng thịnh, lăm thân băng. 60. Này ưng, cần phải kiếm thân bằng, Dù bạn nghèo hèn hoặc yêu non, Nay hãy xem, nhờ tình thắm thiết, Ta và gia quyến thảy bình an. 61. Chim ưng tìm được bậc anh hùng, Để đóng vai chim bạn thiết thân, Ưng hỡi, như đôi ta hạnh phúc, Chim kia cũng hạnh phúc trong lòng. Như vậy, chim mái nêu rõ đặc tính của tình băng hữu qua sáu vân kệ. Từ đó, đám bạn hữu sống với nhau suốt đời không làm đứt đoạn sợi dây thân ái, rồi lúc mạng chung chúng đều đi theo nghiệp của mình. *** Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo: Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên người này được hạnh phúc nhờ vợ mình mà trước kia cũng vậy. Cùng với những lời này, Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, đôi vợ chồng này là đôi chim đại bàng, Rãhula (La-hầu-la) là rùa con, Moggallãna (Mục-kiền-liên) là rùa cha, Sãriputta (Xá-lợi-phất) là chim đại bàng chúa và Ta chính là sư tử kia.

CHUYỆN TIỀN THÂN 243

§487. CHUYỆN NAM TỬ UDDÃLAKA ajddãlakajũtakdỷ u IV. 296) Hàm răng bẩn, ảo da dê, tóc bện... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người gian dối. Người này, mặc dù đã đặt cuộc đời mình vào giáo pháp đưa đến giải thoát, nhưng trong lúc muốn kiếm lợi dưỡng càn dùng để sống, đã hành động lừa dối cả ba mặt. Tăng chúng đều rõ ra những ác hạnh của người này trong lúc bàn luận tại pháp đường: Này các Hiền giả, người đó sau khi đã đặt hết cuộc đời mình vào giáo pháp của đức Phật đưa tới giải thoát, lại sống lừa dối kẻ khác. Bậc Đạo sư bước vào và muôn biêt Tăng chúng đang bàn luận gì tại đó. Tăng chúng trình với Ngài, Ngài bảo: Đây không phải là lần đầu tiên, kẻ ấy trước kia cũng đã lừa dối rồi. Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị tế sư rất thông thái. Một ngày kia, ngài vào vườn hoa đê giải trí, chợt thây một cô gái có

sắc đẹp lẳng lơ, đâm say mê nàng và đem nàng về nhà mình chung sống. Khi thấy mình thọ thai, nàng liền bảo ngài: Thưa đại quan, thiếp đã có thai, khi sinh COĨ1, thiếp sẽ đặt tên cho nó là gì? Ngài suy nghĩ: "Chẳng bao giờ tên họ của một dòng quý tộc lại đặt cho đứa con hoang của một nô tỳ" Vì thế, ngài bảo: Này ái nương, cây này tên là uddãla (quế), nàng có thể đặt tên con là Uddãlaka vì nó thọ thai ở gôc cây này. Sau đó, ngài cho nàng một chiêc nhân có dâu hiệu riêng và bảo: Nếu nó là con gái, hãy dùng chiếc nhẫn này mà nuôi dưỡng nó cho lớn khôn, còn nếu là con trai thì hãy đem đến cho ta lúc nó trưởng thành! Đến kỳ hạn, nàng sinh hạ một con trai và đặt tên là Uddãlaka. Khi chàng trai lớn lên, chàng hỏi mẹ: Mẹ ơi, cha con là ai thế? Là vị tế sư đấy con ạ. Nếu vậy, con sẽ học các kinh Thánh. Thế là khi nhận được chiếc nhẫn từ tay mẹ và số học phí dành cho thầy giáo, chàng lên đường đi đến Takkasilã và học ở đó với một giáo sư lừng danh thế giới. Trong thời gian học tập, chàng thấy một nhóm người tu khổ hạnh. Chàng suy nghĩ: "Những người kia chắc chắn phải có kiến thức vẹn toàn, vậy ta muốn học hỏi ở hQ." Vì thế, chàng từ giã thế tục, và vì chàng ước mong có được kiến

8 Xem J. III. 232, Setaketujataka (Chuyện Bà-ỉa-môn Setaketu), số §377.

thức nên làm việc phục dịch các vị này, chỉ yêu cầu các vị ấy dạy lại cho chàng những kiến thức thông thái của họ. Thế rồi, các vị ấy dạy cho chàng mọi điều hiểu biết, song giữa năm trăm người ấy, chẳng có ai vượt chàng về kiến thức cả, chàng là người thông thái nhất. Sau đó, những người ấy tập hợp lại và bầu chàng làm thầy. Chàng bảo họ: Thưa các Tôn giả, các ngài sống suốt đời ở trong rừng ăn toàn hoa quả, củ rừng. Tại sao các ngài không đi đến chỗ của người thế tục? Thưa Tôn giả, người đời muôn cúng dường chúng ta nhimg lại muôn chúng ta trả ơn bằng cách thuyết pháp, họ hay hỏi chúng ta nhiều chuyện lắm. Vì sợ điêu này nên chúng ta không muôn đên sông giữa người đời. Chàng đáp: Thưa các Tôn giả, nếu các ngài có ta cùng đi thì cứ để một vị Chuyển Luân Vương cật vân, một mình ta sẽ giải đáp ôn thỏa, đừng sợ gì cả! Thế là chàng cùng hội chúng đi du hành khất thực để sống và cuối cùng đến Ba-la-nại, trú ngụ trong vườn ngự uyển. Hôm sau, cùng với những người ấy, chàng khất thực ở một làng trước cổng thành. Dân chúng bố thí rất nhiều. Ngày hôm sau nữa, các nhà tu khổ hạnh đi qua kinh thành, dân chúng lại bố thí rất nhiều. Vị khổ hạnh Uddãlaka nói lời tùy hỷ công đức rồi giải đáp những lời chất vấn. Dân chúng rất hoan hỷ và lại cúng dường phong phú cho hội chúng mọi thứ cần dùng. Toàn kinh thành vang dậy tin đồn: Một vị giáo sư thông thái mới dên, một vị Thánh nhân khô hạnh. Và vua nghe được tin đó. Nhà vua hỏi: - Các vị ấy đang ở đâu? Dân chúng tâu: Trong ngự uyên. Nhà vua bảo: -Tốt lắm, hôm nay ta sẽ đi thăm các vị ấy. Một người đi báo với Ưddãlaka: Đức vua sẽ đến viếng các Tôn giả hôm nay. Chàng gọi hội chúng lại và bảo: Này các Tôn giả, đức vua săp đên, hãy chiêm cho được ân vua trong một ngày cũng đủ cho cả đời người! Vậy ta phải làm gì, thưa Sư trưởng? Chàng đáp: Một vài vị phải chịu khổ hình treo người lủng lẳng,9 vài vị ngồi xổm dưới đất, vài vị nữa nằm trên giường chông, vài vị khác chịu khổ hạnh với năm ngọn

9XemJPTS. 1884, p. 95.

lửa, thêm vài vị ngâm mình xuống nước và vài vị tụng Thánh kinh ở chỗ này chỗ nọ. Các vị ấy làm y lời. Chính chàng cùng độ mười vị Hiền giả ngồi trên một chỗ đã soạn sẵn có lót gối dựa, bàn luận với nhau; có một quyển sách đẹp cân xứng nằm trên một cái giá mực sang trọng bên cạnh chàng và thính chúng vây quanh. Lúc ấy, vua và vị tế sư cùng với đoàn tùy tùng đông đảo bước vào ngự uyển, và khi vua thấy tất cả hội chúng ở đây đang chuyên chú trong dáng điệu khổ hạnh như vậy, vua rất hoan hỷ9 nghĩ thầm: "Các vị này đều giải thoát khỏi nỗi lo âu về các cõi dữ ở đời sau r8i." Khi đến gần Uddãlaka, vua ân cần đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Rồi với lòng hân hoan, vua bắt đầu nói chuyện với vị tê sư và ngâm vân kệ đâu: 62 Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện, Miệng thì thầm lời Thánh đạo bình an, Chẳng từ nan nhiều phương tiện Hiền nhân, Chắc đã đạt chân như và giải thoát. Nghe vậy? vị tế sư nghĩ: Đức vua hoan hỷ ở một chỗ đáng lẽ không nên hoan hỷ, vậy ta không được giữ yên lặng. Rồi ngài ngâm vần kệ: 63. Một Trí nhân có thể làm ác hạnh, Một Trí nhân có thể chẳng chánh chân, Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn, Khi việc hỏng, hoặc cứu người lâm nạn. Khi Uddâlaka nghe những lời này liền nghĩ thầm: "Vua hài lòng về những vị khổ hạnh này? song vị tế sư lại đụng ngay vào mõm con bò khi chạy quá nhanh, làm rơi đồ dơ vào đĩa cơm đã dọn sẵn. Ta phải nói chuyện với vị ấy mới duọrc." Vì thế, chàng đáp lời ngài qua vần kệ thứ ba: 64. Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn, Khi việc hỏng, hoặc cứu người nguy khốn, Kinh Vệ-đà hẳn là đồ vô dụng, Chánh đạo là làm chánh, tự điều thân. Vị tê sư nghe vậy liên ngâm vân kệ thứ tư: 65. Không phải thế, Vệ-đà không vô dụng, Dù tự điêu thân là đạo chánh chân, Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang, Song ta đạt tối an nhờ chánh hạnh. Bây giờ, Uddãlaka suy nghĩ: uGây gô với vị này sẽ không bao giờ ích lợi đâu. Nếu ta bảo ngài ta chính là con trai của ngài, ngài phải thương yêu ta. Vậy ta phải quyêt cho ngài biêt ta là con của ngài." Thê rôi chàng ngâm vân kệ thứ năm:

66. Cha mẹ và thân quyên họ hàng,
Đòi ta chăm sóc với yêu thương,
Mẹ cha là bản thân con đó,
Con Uddãla chính búp non,
Từ gốc rễ nhà ngài quý tộc,
Thưa ngài, Tôn giả Bà-la-môn.
Ngài hỏi:
Thế con chính là Uddãlaka đấy ư?
Chàng đáp:
Thưa, chính phải.
Sau đó, ngài hỏi:
-Trước kia, ta đã cho mẹ con một vật làm tin, nay nó đâu rồi?
Chàng đáp:

-Thưa Tôn giả Bà-la-môn? chính nó đây!
Rồi chàng trao chiếc nhẫn cho ngài. Ngài nhận ra chiếc nhẫn ấy rồi bảo:
Con là một Bà-la-môn hăn nhiên rôi, song có biêt phận sự của một Bà-lamôn chăng?
Ngài hỏi về các phận sự này qua vần kệ thứ sáu:
67. Điều gì thành tựu một La-môn,
Vị ấy làm sao được thiện toàn,
Hãy nói thế nào người chánh hạnh, r
Làm sao đạt hạnh phúc Niêt-bàn?
Uddãlaka giải thích việc ây qua vân kệ thứ bảy:
68. Bỏ đời5 sùng bái lửa thiêng hồng,
Vung gậy tế đàn9 rảy nước trong,
Phận sự làm xong, người tán tụng,
La-môn như vậy được an lòng.
Vị tế sư lắng nghe chàng kể các phận sự của một vị Bà-la-môn như vậy xong, ngài ngâm vân kệ thứ tám đê phê bình chuyện ây như sau:
69. Rảy nước không làm sạch đạo nhân,
Thiện toàn chẳng phải việc đăng đàn?
Cũng không an ôn và thân ái?
Chẳng đạt tối cao lạc Niết-bàn.
Nghe thế, Uddãlaka lại hỏi:
Nếu việc này không làm thành một Bà-la-môn, thế thì việc gì?
Và chàng ngâm vần kệ thứ chín:
CHUYỆN TIỀN THÂN 247

70. Điều gì thành tựu hạnh La-môn,
Vị ấy làm sao được thiện toàn,
Xin bảo thế nào người chánh hạnh,
Làm sao thành tựu lạc Niêt-bàn?
Vị tế sư đáp lời qua vần kệ khác:
71. Người không của cải, chăng nương đông,
Không có họ hàng, chẳng ước mong,
Chẳng thiết cuộc đời, không ái dục,
Hoặc không ác hạnh, thảy đều không.
Đạo nhân vậy đạt tâm thanh tịnh,
Giữ phận chánh chân, được tán đồng.
Sau đó, Uddãlaka lại ngâm kệ nữa:
72. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đầy trắc ẩn,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,

Vậy ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các Thánh hiền tối thượng chăng?
Khi đó, vị Bà-la-môn kia ngâm vần kệ nêu rõ ràng không có ai cao5 ai thấp khi đã đạt Thánh quả:
73. Công, nông, giáo si, đến vua quan,
Nô lệ, chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đầy trắc ẩn,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các bậc Hiền thánh đại nhân.
Song Uddãlaka phê bình điểm này bằng cách ngâm vần kệ:
74-75. Công, nông, giáo si, đến vua quan,
Nô lệ? chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người này đức hạnh,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn?
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các bậc Hiền thánh đại nhân5
Giáo sĩ, vậy ngài vô tích sự,
Hư danh địa vị? hẳn rồi chăng?
Đến đây, vị tế sư ngâm đôi vần kệ nữa cùng với một ví dụ:
76. Với tấm vải thô nhuộm đủ màu,
Ngôi đình được dựng, mái đình cao,

Đỉnh tròn rực rỡ đầy màu sắc, Bóng đô một màu vân giông nhau. 77. Vậy khi nhiều kẻ đạt thanh tâm, Tại chính nơi đây, giữa cõi trần, Người thiện thấy toàn là bậc Thánh, Chẳng hề hỏi huyết thống nguồn căn. Bấy giờ, Uddãlaka không còn nói gì được nữa nên chàng ngồi yên lặng. Lúc ấy, vị tế sư Bà-la-môn nói với vua: -Tâu Đại vương, tât cả bọn này đêu là phường dôi trá, toàn cõi Diêm-phùđề sẽ bị suy tàn vì nạn lừa dối kia. Xin Đại vương hãy khuyến dụ Uddãlaka từ bỏ việc hành trì khổ hạnh của nó và làm tế sư theo gót hạ thần, lại cho phép những người này khỏi phải tu tập khổ hạnh rồi cho chúng đủ gươm, giáo, mộc để làm tùy tùng của Đại vương. Vua chấp nhận, làm theo lời ngài dạy và tất cả những người ấy đều đến phụng sự vua. ***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo: Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên mà kẻ này trước kia cũng đã làm một tên lừa đảo. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Tỷ-kheo gian dối này là Uddãlaka, Ãnanda là vua và Ta chính là vị tế sư.

§488. CHUYỆN củ SEN (Bhisaịãtaka)ÌQ ụ. IV. 304) Mong nhiều trâu ngựa, lắm kim ngân... Chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất. Trường hợp này cũng sẽ xuất hiện trong Chuyện Đại đếKusa.il Ở đây, một lần nữa, bậc

Đạo sư hỏi: Này Tỷ-kheo, có đúng là ông đã thối thất chăng? Bạch Thế Tôn, quả đúng vậy. Vì cớ gì? - Bạch Thế Tôn, vì ác dục. Này Tỷ-kheo? tại sao đã xuất gia trong giáo pháp đưa đến giải thoát như vậy mà ông lại thối thất chỉ vì ác dục? Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, những bậc Trí nhân khởi đầu cuộc sống tu hành, ngay cả những vị ngoại đạo

10 Xem Cp. 94, Bhìsacariya (Hạnh của đức Bồ-tắt Bhisa). 11 Xem J. V. 278, Kusaịãtaka (Chuyện Đại đếKusă), số §531.

cũng đã phát hạnh nguyện và đoạn trừ ngay các tưởng khởi lên có liên hệ đến các dục hoặc sức cám dỗ của dục. Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai của một đại danh gia Bà-la-môn có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiên. Gia đình đặt tên ngài là Mahãkancana (Đại Hoàng Kim). Vào lúc ngài mới biết đi chập chững, một bé trai khác lại được sinh ra trong nhà vị Bà-la-môn ấy và đặt tên là Upakancana (Tiểu Hoàng Kim). Cứ như vậy, bảy nam nhi liên tiếp ra đời và cuối cùng là một quý nữ, được đặt tên là Kancanadevi (Công nương Hoàng Kim). Khi Mahãkancana lớn lên, ngài đi học tập tại Takkasilã đầy đủ mọi môn học thuật rồi trở về nhà. Lúc ấy5 song thân ngài muốn lập cho ngài một gia thất riêng. Hai vị bảo: Cha mẹ sẽ tìm cho con một thiếu nữ nhà lành để kết bạn xứng đáng với con rồi con sẽ yên bề gia thất. Song ngài đáp: Thưa cha mẹ, con không muôn lập gia đình. Đôi với con, ba cõi sinh hữu đêu như lửa đôt, bị trói buộc xiêĩiậ xích như ngục tù, đáng ghê tởm tựa đông phân. Con chẳng hê có ý nghĩ gì vê việc đó dù chỉ là trong giấc mộng. Cha mẹ có các con trai kia, xin bảo chúng làm chủ gia đình và để cho con yên thân. DÙ hai vị van nài ngài nhiêu lân? nhờ bạn hữu của ngài đên năn nỉ ngài tha thiết, ngài cũng chẳng muốn gì về việc ấy cả. Sau đó, bạn bè hỏi ngài: Này Hiền hữu, thế bạn muốn gì mà bạn chẳng thiết tha đến việc tận hưởng tình yêu và lạc thú? Ngài bảo họ, ngài đã từ bỏ thế tục. Khi song thân hiểu việc này, hai vị đề nghị việc kia với các con trai thứ, nhưng chẳng ai chịu nghe cả, ngay cả Kancanadevi cũng không. Dần dà cha mẹ qua đời, Trí giả Mahãkancana làm lễ an táng song thân xong, với kho tàng tám trăm triệu ấy5 ngài phân phát hào phóng cho tât cả những người hành khât và du sĩ rôi đem sáu em trai cùng em gái, một gia nhân và một nữ tỳ cùng một người bạn đường làm một đại sự. Họ / \ Ẫ Ả 1 ... xuât gia và sông ân dật trong dãy Tuyêt Sơn. ỉ \ \ ,

Tại đó? trên một vùng đât vừa ý gân một hô sen, các vị xây một khu am that ẩn cư tu hành và ăn toàn trái cây, củ rừng. Khi họ vào rừng, chỉ đi tùmg người một, nếu có vị nào thấy trái cây hay lá rau gì liền gọi các vị kia. Và tại đó, vừa bảo nhau những điều gì nghe thấy được, các vị vừa thu lượm các thức ăn sẵn có5 chẳng khác gì cái chợ nhỏ trong làng. Song bậc Sư trưởng, vị khổ hạnh Mahãkancana lại nghĩ thầm: "Ta đã bỏ qua cả gia sản tám trăm triệu và sống đời tu hành rồi để ham đi quanh quẩn kiếm trái rừng, thật chẳng hợp lý. Từ nay, ta

muốn một mình ta đi lượm trái rừng th6i." Sau đó trở về nhà, buổi tối ngài tập hợp mọi người lại và nói cho họ biêt ý định của ngài: Các em cứ ở đây và tu tập đời ẩn sĩ, để ta đi hái quả cho các em. Nghe vậy, Upakancana và các người kia ngăt lời: Chúng tiêu đệ đã theo hiên huynh đi tu hành, vậy chính hiên huynh phải ở nhà và tu tập đời ẩn sĩ, hiền muội cũng ở nhà cùng với nữ tỳ. Tám người chúng em thay phiên nhau đi hái quả, còn ba người ở nhà khỏi làm việc ấy. Ngài đồng ý. Từ đó? tám người này thay phiên nhau đem trái cây về từng người một. Các người kia nhận được phần chia trong số kiếm được và mang đi về am thất của mình rồi ở trong lều tranh riêng của mỗi người. Như vậy, các vị ấy không gặp gỡ nhau nếu không có duyên cớ. Người nào đến phiên mang thức ăn vào để ở một khu đất có rào thì đặt trên một phiến đá phẳng, chia ra mười A ye • A • 5 • > £ . một phân rôi đánh công lên, sau đó lây phân mình đi vê chô của mình. Khi nghe tiếng cồng các vị kia đến, không chen lấn nhau mà theo đúng lễ nghi trật tự, nhận phần mình đã được chia từ các thức kiếm được rồi trở về chỗ của mình mới ngồi ăn và sau đó lại tiếp tục hành thiền, tu tập khổ hạnh. Sau một thời gian, họ lượm các củ sen đê ăn và sông tại đó5 tự hành xác với lửa nóng như thiêu như đốt và các loại cực hình khác nên các giác quan đều tê liệt cả trong khi họ cố hết sức để nhập định. Vì công hạnh sáng chói của họ, chiếc ngai của Thiên chủ Đe-thích nóng rực lên. Ngài bảo: -Các vị này chỉ thoát khỏi tham dục thôi, hay họ là các vị Hiền nhân rồi? Họ có phải Hiền nhân chăng? Nay ta muốn tìm hiểu xem sao. Thê là nhờ thân lực của mình, suôt ba ngày Thiên chủ làm cho phân thực phẩm của Bồ-tat biến mất. Ngày đầu tiên, khi không thấy phần của mình, ngài nghĩ: “C6 lẽ phần của ta đã bị quên mất Vào ngày thứ hai: "Chắc hẳn ta có lỗi lầm nào. Chính là vì muốn nhắc nhở ta về điều này một cách cung kính mà người đó không chia phần cho ta." Vào ngày thứ ba: uTại sao họ lại không chia phần cho ta như thê được? Nêu ta có gì lôi lâm thì ta phải hòa giải phân mình trước.,, Vì thế, buổi tối ngài đánh cồng lên. Tất cả đều đến và hỏi ai đã đánh cồng. Này các hiền đệ, chính ta đánh. Thưa Tôn sư, tại sao vậy? Này các hiền đệ, trong ba ngày qua, ai đem thức ăn vào? Một người đứng dậy nói: - Chính tiểu đệ. Rôi vị ây vân đứng yên rât cung kính. Khi hiền đệ chia phần, có để dành phần cho ta chăng? Có chứ, thưa Tôn sư, đó là phần của vị Sư trưởng. Còn ai mang về thực phẩm hôm qua?

CHUYỆN TIỀN THÂN 251

Một người khác đứng lên và nói: - Chính tiểu đệ. Rồi vị ấy kính cẩn đứng chờ. Thế hiền đệ có nhớ phần ta chăng? Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy. A 9 A Thê hôm nay ai đem thực phâm vê? Một người nữa đứng dậy và kính cẩn đứng chờ. Hiên đệ có nhớ chia phân cho ta không? Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy. Ngài liền bảo: Này các hiên đệ, hôm nay là ngày thứ ba ta không có phân ăn. Ngày đâu tiên ta không thây phân của mình, ta nghĩ người nào chia phân đã quên ta. Ngày thứ hai, ta nghĩ chắc ta đã phạm lỗi lầm gì. Song hôm nay, ta quyết định rằng nếu có lỗi lầm gì, ta sẽ hòa giải và vì thế ta đánh cồng triệu tập các hiền đệ. Các hiền đệ bảo đã để các phần củ sen cho ta mà ta chẳng có được chút gì cả. Ta phải tìm hiêu xem ai đã lây trộm và ăn hêt phân đó. Khi ta đã từ bỏ cuộc đời và mọi tham dục ở đời rôi thì lây trộm là chuyện không đúng đăn dù chỉ là một củ sen. Khi các vị kia nghe

thấy lời ấy, họ đồng kêu to: Ôi, thật là một việc ác! Và tất cả các vị đều lo lắng vô cùng. Lúc bấy giờ, vị thần trú trên cây gần am thất ấy, đó là cây cổ thụ lớn nhất rừng, bước ra ngồi giữa các vị. Cũng vậy, có một con voi, không thể nào chịu nổi sự huấn luyện mà không đau đớn nên phá chiếc cọc ở nơi nó bị trói vào rồi chạy trốn vào rừng. Thỉnh thoảng, voi thường đi đến kính lễ các vị Hiền giả này nên bây giờ nó cũng đên đứng một bên. Có một con khỉ đã được huân luyện đê làm trò với bây răn, cũng chạy trôn thoát khỏi tay người luyện răn vào trong rừng, nó ở tại vùng am that ây nên hôm nay nó cũng đên kính lê các Hiên giả và đứng sang một bên. Thiên chủ Đê-thích quyêt tâm thử các vị ân sĩ này nên cũng tàng hình đứng cạnh hội chúng. Lúc ấy, vị em kế của Bồ-tát, ẩn sĩ upakancana từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ ngài rồi cúi chào khắp hội chúng và nói như sau: -Bạch Tôn sư, không kể đến các người kia, tiểu đệ xin được phép thanh minh cho mình khỏi tội này được chăng? -Này hiền đệ5 được lắm! Vị ấy đứng lên giữa các Hiền nhân và nói: -Nêu đệ đã ăn các củ sen của Tôn sư, đệ sẽ thành một người như vây, như vây. Và vị ây trang nghiêm phát nguyện qua vân kệ đâu:

78. Mong nhiều trâu ngựa, lắm kim ngân,
Vợ quý? nó giữ gìn luyến thương,
Mong nó sinh nhiều trai gái đủ,
Kẻ ăn phần trộm của La-môn!
Nghe thế, các vị tu khổ hạnh kia đều đặt tay lên hai tai và kêu to:
-Không, không, thưa Tôn sư, lời thề nguyền ấy quả thật nặng nề lắm!
Và Bồ-tát cũng nói:
 Này hiên đệ5 lời nguyên của em nặng lăm đây! Em không ăn phân đó, thôi ngôi xuông nệm rơm đi.
Vị ấy sau khi thề nguyện xong liền ngồi xuống. Người em thứ hai đứng lên đảnh lễ bậc Đại sĩ và ngâm vần kệ thứ hai để thanh minh cho mình:
79. Mong nó nhiêu con, lăm áo quân,
Vòng hoa tay khoác, ngát chiên-đàn?
Tâm tư sôi sục đây tham dục,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đạo nhân!
Khi vị ấy ngồi xuống, các vị kia làn lượt ngâm vần kệ.
[Vị thứ ba:]
80. Mong nó nhiều danh vọng, ruộng vườn,
Nhà kho, con cái, sẵn sàng dâng,
NÓ không hiêu tháng năm dân mât?
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đạo nhân!
[Vị thứ tư:]
81. Mong nó lừng danh đại tướng quân,
Đế vương tối thượng ngự huy hoàng,
Thế gian bốn cõi đều phần nó,

Kẻ trộm phần ngài, hỡi đạo nhân!
[Vị thứ năm:]
82. Mong nó trở thành một đạo nhân,
Mà không chế ngự được tham sân,
Chỉ tin tinh tú, ngày lành tốt,
Được hiên vinh nhờ các đê vương,
Ân thưởng, kẻ ăn phần trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!
[Vị thứ sáu:]
83. Vệ-đà, mong nó học uyên thâm,
Người quý trọng đức độ Thánh nhân,
Mong nó được muôn người bái phục,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
CHUYỆN TIỀN THÂN 253

[Người bạn đường:]
84. ơn trời cho nó được ngôi làng,
Có đủ giàu sang bốn loại hàng,
Khi chết, dục tham không chế ngự,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
[Gia nhân:]
85. Nó làm lý trưởng, bạn quây quần,
Vũ khúc, hoan ca, nhạc đắm hồn,
Sẽ chịu rủi ro nào của chúa,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
[Tiểu muội:]
86. Mong nàng làm tuyệt thê giai nhân,
Chúa tê thê gian chọn má hông,
Chánh hậu giữa muôn người toại ý,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
[Nô tỳ:]
87. Khi mọi nữ tỳ tập hợp xong,
Mong nàng oai vệ ngự ngai vàng,
Cao lương mỹ vị đầy ngon ngọt,
Kiêu hãnh vì ân phước của nàng,
Người đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!
[Thần cây:]
88. Mong nó bảo tồn viện Kajan,
Trùng tu quang cảnh đã tiêu tàn,

Hàng ngày làm cửa song nhà mới?
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đại nhân!
[Con voi:]
89. Mong nó bị người bắt lấy thân,
Sáu trăm dây trói tự rừng hoang,
Mang về thành, bị người vây đánh,
Bằng gậy, giáo, gươm, phải phát cuồng,
Kẻ đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!
[Con khỉ:]
90. Vòng hoa trên cổ, chì đeo tai,
Mong nó đi đường, khiếp sợ oai,
Chiếc gậy luyện chơi gần lũ rắn,
Kẻ ăn phân trộm ây, thưa ngài!
254 KINH TIỂU Bộ

Khi cả hội cùng thê nguyện xong qua mười ba vân kệ này, Bô-tát suy nghĩ: “C6 lẽ chúng tưởng chính ta nói dối rằnệ không có phần ăn để đó trong khi nó van co , VI thê ngài cũng thê nguyên phân mình qua vân kệ thứ mười bôn: 91. Ai thề thực phẩm biến đi rồi, Mà nếu không mất mát, vậy thời, Mong nó hưởng tràn đầy dục lạc, Và mang kết quả việc kia hoài, Ước mong cái chết đầy phàm tục, Số phận dành cho nó cuối đời, Điều ấy cũng dành cho quý vị? Nếu bây giờ quý vị nghi tôi! Khi các bậc Hiền nhân đã thề nguyền như thế xong, Thiên chủ Đế-thích \ • __ eA r 2 - „ nghĩ thâm: "Bừng sợ gì cả. Ta đã làm cho các củ sen kia biên mât đê thử các người này và nay các vị ấy đều thề nguyền cả, lại đều ghê tởm hành động ấy như thể một cục đờm phải nhổ. Nay ta muốn hỏi các vị tại sao lại ghê tởm dục tham như vay.” Thiên chủ đặt câu hỏi này để chất vấn Bồ-tát trong vần kệ tiếp, sau khi Thiên chủ đã hiện nguyên hình: 92. Người kiếm tìm luôn ở cõi trần, Cái điều vui đẹp, thiết thân lòng, Được nhiều kẻ ước mong mê mẩn, Như vậy, vì sao các Thánh nhân, Lại chẳng tán dương nhiều sự việc, vẫn thường ham muốn bởi phàm nhân? Để trả lời câu hỏi này, Bồ-tát ngâm hai vần kệ: . r 93. Tham dục là tai họa chêt người, Là dây xiềng xích trói trên đời, Ở trong ác dục, ta tìm thấy, Đau khổ và kinh hãi cả thôi, Khi bị dục tham nào cám d6, Vua thường phạm tội, đăm say hoài. 94. Phải vào địa ngục, các phàm nhân, Gây tội khi tan rã nhục thân, Vì biết khổ đau trong ác dục, Bậc Hiền chê trách, chẳng đồng lòng. Khi Thiên chủ Đế-thích nghe Bồ-tát giải thích xong, lòng đầy xúc động nên ngài ngâm vân kệ này: 95. Chính ta trộm, thử các Hiền nhân5 Ta đặt bên hồ các thức ăn, Bậc Trí thật hiền lương thánh thiện, Hỡi người Phạm hạnh, hãy nhìn phân!

CHUYỆN TIỀN THÂN 255

Nghe thế, Bồ-tát liền ngâm kệ nữa:
96. Chúng ta không múa rối vui chơi,
Làm các trò tiêu khiển với ngài,

Chăng quyên thuộc ngài, hay bạn hữu,
Tại sao vậy thế, hỡi Vua trời?
Thưa ngài Ngàn mắt, sao ngài nghĩ,
Bậc Trí bày trò giải trí thôi?
Thiên chủ Đế-thích ngâm vần kệ thứ hai mươi để làm lành với ngài:
97. Ngài chính là Sư trưởng đại nhân,
Chính ngài là một vị cha thân,
Chở che cho trẫm đà sai phạm,
Xin hãy thứ tha trót lỗi lầm,
Chẳng có bao giờ, thưa Thánh giả,
Bậc Hiền lại phát khởi lòng sân!
Bậc Đại sĩ liền tha thứ cho Thiên chủ Bế-thích, và về phần ngài, để hòa giải với các Thánh nhân kia, ngài ngâm vần kệ nữa:
98. An lạc một đêm với Thánh nhân,
Chúng ta hội kiến đấng Thiên vương,
Chư hiền, hãy đẹp lòng khi thấy,
Thực phẩm mất nay được phục hoàn.
Thiên chủ Đế-thích liền đảnh lễ hội chúng Hiền nhan rồi trở về thiên giới.
Còn các vị ấy đã làm cho phát khởi thiền định và các thắng trí trong tâm nên về sau được sinh lên cõi Phạm thiên.
***
Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:
Này các Tỷ-kheo, như vậy các bậc Trí ngày xưa đã phát hạnh nguyện và từ bỏ ác dục.
Nói xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự that, vị Tỷkheo thôi that kia đã được an trú vào Sơ quả Dự liru. Và Ngài ngâm ba vân kệ này để nhận diện tiền thân:
99. Mục-liên, Xá-lợi-phất và Ta,
Ca-diếp, A-na-luật, Phú-lâu-na,
Cùng với A-nan-đà12 thuở ấy,
Thất hiền huynh đệ chốn kia mà.
12 Tôn giả Mahãmoggallãna ,Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Sãriputta ,Xá-lợi-phất, Tôn gia Kassapa ,Ca-diep, Tôn gia Anuruddha ,Ẫ-na-luật,
Ton giả Punna ; Phú-lâu-na, Tôn giả Ãnanda ,A-nan-đà.

100. Liên Hoa sắc,13 tiểu muội ngày xưa,
Tỳ nữ Khujju,14 thuở bấy giờ,
Cổ thụ thần kia, Sãtã15 đó,
Citta16 gia chủ chính gia nô.
101. Con voi ngày trước chính Pãri,17

Con khỉ là Madhuva18 đay,
Đế-thích là KãỊu1920thuở ấy,
Chúng Tăng giờ hiểu tiền thân này.

§489. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SURUCI (Surucịiãtaka)2() (J IV 314) Thiếp là chảnh hậu Chúa Suruci.,. Chuyện này do bậc Đạo sư kê lúc trú gân Xá-vệ, trong tòa nhà của Lộc Mâu về việc nữ cư sĩ đệ nhất Visãkhã đã được Ngài ban tám điều nguyện ước như thế nẩo. Một buổi nọ, bà ấy nghe thuyết pháp ở Kỳ Viên xong rồi trở về nhà sau khi thỉnh đức Phật và chúng đệ tử của Ngài đến nhà vào ngày hôm sau. Nhimg khuya hôm ấy, một cơn cuông phong dữ dội hoành hành cả bốn châu thiên hạ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Khi mưa rơi ở Kỳ Viên, này các Tỷ-kheo? mưa cũng rơi khắp bốn châu thế giới. Các ông hãy thấm nhuần ơn mưa móc đến tận thịt da, vì đây là cơn đại cuồng phong cuối cùng của Ta thổi khắp thế giới! Rồi cùng với các Tỷ-kheo thân mình đã thấm ướt nước mua, Ngài dùng thần lực biến mất khỏi Kỳ Viên và xuất hiện trong gian phòng khách của tòa nhà bà Visãkhã. Bà kêu lên:

13 Nữ Tôn giả Ưppalavannã (Liên Hoa sắc) được đức Phật khen ngợi là vị uĐệ nhất về thần thông,, ương hàng Ni giơi. Tham khao: s. I. 131f; A. I. 25; Thĩg. V. 234-5; Vin. III. 208f. 14 Nữ cư sĩ Khujju, viết đủ: Khujjuttara (cổ dịch âm:Cửu-thọ-đa-la) được đức Phật khen ngợi là vị:'£)e nhất về nghe nhiều" trong hàng nữ cư sĩ. Cô đã trùng tuyên lại 112 bài kinh, được kết tập thành tuyển tập Itỉvuttaka (Kinh Phật thuyết như vậy) thuộc Khuddaka Nỉkãya (Kinh Tiểu bộ). Tham khảo: A. I. 26 89; II. 164; IV. 347; ÀA. I. 226, 232, 237; ÙA. 23f; PsA. 498f. 15 Sâtã, viết đủ là Sãtãgira, một dạ-xoa rất kính ngưỡng Tam bảo. Tham khảo: D. III. 204; AA. I. 134, 221; SA. I. 199; UdA.64. 16 Citta, viết đủ: Cittagahapati (cổ dịch âm:Chật-đa-la),zmột cư sĩ triệu phú ở Macchikãsanda thuộc nước Kãsi, sau khi học Phật, giữ giới, tu tập và đắc quả Bất lai (Anãgãmĩ). 17 Con voi Pãri, viết tên đầy đủ là Pãrileyya. Tên này cũng trùng với tên gọi của thôn Pãrileyya, ngoại thành Kosambĩ. yoi Pãrileyya đã hộ trì vạt thực và tím SUO1 nước nóng cho đức Phật khi Ngài rời nhóm Tỷ-kheo cãi cọ ồn ào, một mình vào trú ở trong rừng Pãrileyya. Tham khảo: M. I. 320; s. III. 95; Ud. IV. 5; Vìn. I. 352f. 18 Con khỉ Madhuva, chỉ cho con khỉ đã mang mật về cúng dường đức Phật khi Ngài rời nhóm Tỷ-kheo cãi cọ ồn ào, một mình vào trú ở trong rừng Parileyya. Khong lâu, sau khi cúng dương, khỉ bị rơi từ cây cao xuống mà chết và được tái sanh vào coi trời Tam Thập lam. 19 KãỊu, viết đủ: KãỊudãyi (cổ dịch âm:,Ca-lưu-đà-di). 20 Xem J. VI. 95, Nimijataka (Chuyện Đại vương Nimí), số §541; s. I. 209, Sãnusutta (Kinh Sãnu); A. I. 142, Caưimahãrậịasutta (Kinh Bốn bậc Đại vương)} A. I. 143, Dutỉyacatumahãrậịasutta (Kinh thứ hai về bốn bậc Đại vương); ỉhĩg. V. 31, Miưãiherĩgãtha (Kệ ngôn của Trường lão Ni Mittã).

Thật hy hữu thay! Thật linh diệu thay là thần thông lực của đức Như Lai thị hiện! Nước ngập lụt đến tận đầu gối, nước ngập lụt đến tận thắt lưng nhưng không có bàn chân hay chiếc y của một Tỷ-kheo nào bị ướt cả! Trong nỗi hân hoan tràn ngập ấy, bà cùng các tín nữ phục vụ đức Phật và Tăng chúng. Sau buổi thọ thực, bà thưa với đức

Phật: -Thật tình con ước ao nhận được nhiều thỉnh nguyện từ đức Thế Tôn. Này Visākhã, các đức Như Lai có vô lượng ân lành. -Song những điều thỉnh nguyện này xin được ban cho chúng con, những điều này không lỗi lầm! Này Visākhã, cứ nói đi! -Con ước ao rằng suốt đời con được quyền dâng áo khoác về mùa mưa cho Tăng chúng, thực phẩm cho các vị khách đến thăm nhà, thực phẩm cho Tăng chúng du hóa đường xa, thực phẩm cho các vị bị bệnh, thực phẩm cho những vị Tỷ-kheo phục vụ các bệnh nhân, thuốc men cho các bệnh nhân, thường xuyên cúng dường cháo gạo và suốt đời cúng dường y phục cho các Tỷ-kheo-ni khi r đi tăm. Bậc Đạo sư đáp: Này Visākhã, bà dự định làm công đức gì khi bà thỉnh cầu Như Lai tám nguyện ước này? Bà liền thưa với Ngài những lợi lạc mà bà mong có được và Ngài đáp: Lành thay, lành thay, này Visākhã, thật tốt lành thay là điều lợi lạc mà bà mong sẽ được khi thỉnh câu Như Lai tám nguyện ước này! Rồi Ngài bảo: -Này Visākhã, Ta ban cho bà tám đặc ân này đó. Sau khi ban cho bà tám thỉnh nguyện ấy xong và nói lời tùy hỷ công đức, Ngài ra về. Một hôm, khi bậc Đạo sư đang trú tại Đông Viên, Tăng chúng bắt đầu bàn luận việc này trong pháp đường: Này Hiền hữu, nữ thí chủ Visākhã, dù là nữ nhân? đã được chính đấng Thập Lực ban cho tám thỉnh nguyện. Công đức của bà ấy thật cao cả thay! Bậc Đạo sư bước vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo: -Đây không phải là lần đầu tiên nữ nhân này nhận được những thỉnh nguyện từ Ta vì bà ấy xưa kia cũng đã nhận được như vậy. Rồi Ngài kê cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ. ***

258 KINH TIÊU Bộ

Một thời, có vị Vua Suruci trị vì Mithilã. Vua này có một vương tử đặt tên là Suruci (Huy Hoàng). Khi chàng lớn lên, chàng quyết định đi học tại Takkasilã, vì thế chàng đến đó và ngồi nghỉ ở một sảnh đường tại cổng thành. Bấy giờ, vương tử của vua xứ Ba-la-nại tên là Vương tử Brahmadatta cũng đi đến đó và ngồi nghỉ trên cùng một chiếc ghế dài mà Vương tử Suruci đã ngồi. Hai người trò chuyện và kết bạn với nhau rồi cả hai cùng đi đến vị giáo sư kia. Hai chàng trả học phí và học tập, chẳng bao lâu việc học đã hoàn tất. Rồi hai chàng từ giã thầy dạy và cùng nhau lên đường. Sau khi đi một đoạn ngắn, họ dừng lại ở một nơi có ngã rẽ, cả hai ôm nhau từ biệt, và để giữ mãi tình bạn thắm thiết, hai vị giao ước với nhau: Nếu ta có con trai và bạn có con gái hoặc bạn có con trai và ta có con gái thì chúng ta sẽ kết đôi cho chúng. Khi hai vị lên ngôi, Vua Suruci sinh hạ một vương tử và cũng đặt tên vương tử là Suruci. Còn Vua Brahmadatta sinh con gái đặt tên là Sumedhã (Thiện Trí). Vào đúng thời lớn khôn, Vương tử Suruci đi đến Takkasilã để học tập và khi việc học hoàn tất, lại trở về. Sau đó, vua cha muốn phong vương cho con mình bằng lễ Quán đảnh và nghĩ thầm: "Bạn ta là vua xứ Ba-la-nại đã sinh con gái, ta nghe nói vậy. Nay ta muốn cưới nàng ấy làm vương hậu cho con ta." Vì mục đích trên, vua phái sứ thần đem các sính lễ rất trang trọng ra đi. Song trước khi sứ thân đên nơi, vua xứ Ba-la-nại hỏi bà chánh hậu điêu này: Này Ái hậu, điều gì là nỗi khổ đau nhất đối với một nữ nhân? Muôn tâu, đó là việc tranh chấp với các thê thiếp khác của chồng mình. -Vậy thì, này Ái hậu, để tránh cho con gái duy nhất của ta là Công chúa Sumedhã khỏi nỗi khổ đau ấy, ta sẽ chẳng gả con cho một ai, ngoại trừ người nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không có thê thiếp khác. Vì vậy,

khi các sứ thần đến và nêu danh hiệu công chúa để cầu hôn, vua bảo họ: -Này các Hiền hữu, quả thực ta đã hứa gả con gái ta cho con của vị vua thân băng của ta ngày xưa. Song chúng ta không muôn thả con gái vào giữa các nữ nhân. Vì vậy, chúng ta muốn gả con gái cho vị vua nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không thêm ai khác. Các sứ giả đem thông điệp ây vê tâu với vua. Nhưng vua này phật ý, bảo: Nước ta là một đại vương quốc với kinh thành Mithilã chiếm bảy do-tuần, toàn thể đất nước gồm cả ba trăm do-tuần. Một vị đại vương như vậy phải có cả mười sáu ngàn cung phi là ít nhất. Còn Vương tử Suruci vừa nghe danh tiếng dung sắc tuyệt mỹ của Công chúa Sumedhã liền đâm ra si tình công chúa, dù chỉ là nghe đồn thôi nên chàng nhờ thưa lại song thân là:

Con quyết sẽ cưới một mình nàng chứ không thêm ai khác nữa. Con có cần gì các nữ nhân kia. Xin đi cưới nàng về ngay! Hai vị không cản trở ước vọnệ của chàng liền gửi sính lễ trang trọng cùng đông đảo sứ thần đi rước nàng vê cung. Thê là nàng được phong làm vương hậu và cả hai người đều được tôn lên ngôi bằng lễ Quán đảnh. Chàng trở thành Quốc vương Suruci, cai trị rất đúnẹ pháp và sống rất hạnh phúc với hoànẹ hậu. Song dù nàng đã vê sống ở nhà chông đên mười ngàn năm, nàng chăng hê sinh hạ con trai hay con gái gì cả. Sau đó, dân chúng tụ tập lại trước sân châu với những lời trách móc. Vua hỏi: - Có chuyện gì thế? Dân chúng tâu: Chúng thần chẳng thấy lỗi lầm nào ngoại trừ việc này, đó là Chúa thượng không có con trai để nối dõi. Chúa thượng chỉ có một chánh hậu, tuy nhiên một quốc vương phải có ít nhất là mười sáu ngàn cung tần. Xin Chúa thượng hãy tuyên một sô phi tân mỹ nữ, rôi một thứ phi xứng đáng sẽ hạ sinh cho Chúa thượng một hoàng nam! Này, các hiền hữu nói điều gì thế? Ta đã hứa không cưới ai khác ngoài hoàng hậu và theo những điều kiện thỏa thuận trên mà ta đã chiếm được nàng làm vợ. Ta không thể nuốt lời được, ta không cần các nữ nhân đâu! Như thế vua từ chối lời thỉnh cầu của dân chúng nên họ ra về. Song Sumedhã nghe được câu chuyện. Bà nghĩ thầm: "E)ức vua từ chối việc tuyển chọn cung phi vì lòng trung tín của ngài, được rồi, ta sẽ tìm thê thiếp khác cho ngài." Bà vừa đóng vai người mẹ cùng vai người vợ đối với vua nên bà tự nguyện tuyển một ngàn công nương thuộc dòng Sát-đế-lợ? một ngàn tiểu thư con của các quan trong triều, một ngàn thiếu nữ nhà lành, một ngàn vũ nữ đủ loại, tổng cộng bốn ngàn, rồi đem dâng vua. Các nàng ây sông trong cung suôt mười ngàn năm cũng chăng hê sinh con cái gì cả. Cứ theo cách ấy, ba lần nữa, bà dâng vua bốn ngàn cung nữ, song họ chẳng sinh được con cái gì. Như vậy, bà đã dâng vua cả mười sáu ngàn cung tần mỹ nữ. Bốn mươi ngàn năm trôi qua, nghĩa là năm mươi ngàn năm tất cả, tính luôn mười ngàn năm vua đã chỉ sống với một mình hoàng hậu thôi. Sau đó5 dân chúng lại tụ tập với những lời trách móc? vua hỏi: Cái gì đây nữa? Tâu Chúa thượng, xin ngài ra lệnh cho các cung phi cầu tự. Từ đó để cầu tự, các nàng cúng bái đủ các loại thần linh và thề nguyền khấn khứa đủ mọi cách, tuy thế vẫn không có vương tử nào xuất hiện. Rồi vua ra lệnh cho bà Sumedhã cũng phải cầu tự, hoàng hậu đồng thuận. Vào dịp lễ trai giới ngày mười lăm (rằm) trong tháng, hoàng hậu giữ hạnh nguyện bát quan trai giới và ngồi trầm tư về các công đức trong một cung

thất lộng lẫy trên một sàng tọa êm ái. Các cung nữ khác đều ở trong ngự uyển cầu nguyện sẽ cúng tế đủ loại dê, bò. Vì công đức sáng chói của Hoàng hậu Sumedhã nên cung điện của Thiên chủ Sakka rúng động. Thiên chủ Đê-thích suy xét và hiêu răng bà Sumedhã đang câu tự. "Được rôi9 bà sẽ được một hoàng nam. Song ta không thê ban cho bà một hoàng nam này hay một hoàng nam nọ một cách thiếu quan tâm mà ta muốn đi tìm một vị nào xứng dang?9 Rồi ngài thấy một thiên tử còn trẻ tên là NaỊakãra (người đan giỏ). Chàng có đầy đủ đức độ thiện hạnh, trong một đời trước đó sống ở Ba-la-nại thì chuyện này xảy ra cho chàng. Vào mùa gieo hạt, khi chàng ra đồng, chàng gặp một vị Độc Giác Phật. Chàng bảo các tá điền gieo hạt, cúng dường một bữa ăn rồi dẫn vị ấy trở lại bờ sông Hằng. Chàng cùng con trai dựng túp lều, trụ bằng thân cây sung và đan kết lau sậy làm vách tường, gắn cửa vào và dọn một lối đi. Chàng mời vị Độc Giác Phật ở đó suốt ba tháng và khi hết mùa mưa, hai cha con chàng đắp lên Ngài ba chiếc y rồi để Ngài ra đi. Cùng cách ấy, hai cha con thiết đãi đồ ẩm thực bảy vị Độc Giác Phật trong túp lều ấy rồi cúng dường mỗi vị ba chiếc y xong để các vị ai đi đường nấy. Vì vậy, dân chúng vân kê chuyện hai cha con làm nghê đan giỏ tìm các cây liễu trên bờ sông Hằng (để lấy gỗ đan giỏ), và hễ khi nào thấy một vị Độc Giác Phật thì họ cúng dường như trước đã nói. Lúc mạng chung, họ được tái sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba và cứ an trú sáu tâng trời cõi dục liên tục tới lui theo vòng luân hồi sinh tử, tận hưởng vinh quang tột đỉnh giữa chư thiên. Hai vị ấy sau khi mạng chung ở cõi này lại ước mong được lên các cõi trời : r y e e cao hơn. Thiên chủ Đê-thích nhận thức răng một trong hai vị thiên tử này sẽ thành đức Như Lai nên Thiên chủ đến cửa cung của hai vị? đảnh lễ vị ấy khi vị ấy đứng lên chào đón Thiên chủ và bảo: Thưa Tôn giả, ngài nên sinh vào thế giới loài người. Song vị thiên tử bảo: -Tâu Đại vương, thê giới loài ngươd đây hận thù đáng kinh tởm. Những người ở đó làm thiện sự và bố thí cũng đều ước mong được lên thiên giới. Vậy thần xuống đó làm gì chứ? Thưa Tôn giả, ngài sẽ được hưởng trọn vẹn mọi lạc thú có thê hưởng được trong nhân giới. Ngài sẽ ngự trong một cung điện làm toàn bằng bảo ngọc, cao hai mươi lăm do-tuần. Xin ngài đồng ý cho! Vị thiên tử liền chấp thuận. Khi Thiên chủ Đế-thích đã được vị ấy hứa lời rôi liên giả dạng một Hiên nhân giáng xuông ngự viên, xuất lộ nguyên hình vừa bay lượn trên đâu các cung phi này vừa ca hát: Ta sẽ ban diễm phúc cho ai được một nam tử đây? Ai mong được diễm phúc có một nam tử đây? Thưa ngài, xin cho con, xin cho con!

Hàng ngàn cánh tay giơ lên. Sau đó, Thiên chủ bảo: Ta sẽ ban các nam tử cho những người đức độ. Vậy về công đức các nàng làm được những gì? Cuộc đòri các nàng, lối sống các nàng ra sao? Họ đều hạ tay xuống và thưa: Nếu ngài muốn thưởng công cho người đức hạnh thì xin ngài đi tìm chánh hậu Sumedhã. Ngài liền bay qua không gian và dừng lại ở cửa sổ cung thất của bà. Khi đó, các cung nữ đến trình với bà: Tâu Lệnh bà, một vị Thiên chủ đã bay qua không gian và đứng ngay tại cửa sổ cung thất của Lệnh bà để ban cho Lệnh bà diễm phúc được một vương tử. Bà liền đến đó đón ngài vô cùng trọng thể. Vừa mở cửa sổ ra, bà vừa hỏi: -Tâu Thiên chủ, tiện thiêp trộm nghe

răng ngài sẽ ban diêm phúc cho một nữ nhân đức hạnh được một nam tử, có đúng vậy chăng? Đúng vậy, ta sẽ làm như thế. Vậy xin ngài làm ơn ban cho tiện thiếp diễm phúc ấy. -Hãy cho ta biết, chánh hậu đã tạo được công đức gi, nếu chánh hậu làm đẹp ý ta, ta sẽ ban cho diễm phúc ấy! Bà liền ngâm mười lăm vần kệ này nêu rõ công đức của mình: 102. Thiếp là chánh hậu Chúa Suruci, Vương hậu đầu tiên chúa cưới về, Với Chúa Suruci vạn tuế, Thiếp đã sống trọn đạo hiền thê. 103. Suruci Chúa tể Mithilã, Là chính kinh thành của quôc gia, Thiếp chẳng hề xem thường thánh ý, Chẳng chê ngài thấp kém, sai ngoa, Dù sau lưng chúa, hay ngoài mặt, về khẩu, ý, thân, đủ cả ba. 104. Thánh giả, điều này nếu thật chân, Cầu mong vương tử được ngài ban, Còn khua môi thiếp toàn hư vọng, Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan. 105. Phụ hoàng, mẫu hậu của vương quân, Hai đấng sinh thành ngự trị dân, Trong lúc các ngài còn tại thế, vẫn thường dạy thiếp đạo Hiền nhân. 106. Thiếp ước không làm hại mạng ai, Quyết lòng hành động chánh chân hoài,

An cân tận tụy hâu hai vị?
Không mệt mỏi cho dẫu tối ngày.
107. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng, y
Bảy mảnh đâu này phải vỡ tan.
108. Thứ phi sau thiếp cứ tăng dần,
Mười sáu ngàn không thiêu một nàng,
Tuy thế, chẳng hề, thưa Thánh giả,
Xảy hờn ghen giữa đám hông quân.
109. Thiếp mừng khi chúng được an lành,
Với mọi cung phi, thắm thiết tình,
Lòng thiêp nhân từ cùng tât cả?
Khác nào đối với bản thân mình.
110. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
111. Nô tỳ, thị giả, mọi gia nhân,
Tất cả nơi đây ở hợp quần?
Thiếp đối ân cần, ban thực phẩm,
Tươi cười nét mặt tạo hân hoan.
112. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,

Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
113. Các nhà ẩn sĩ, Bà-la-môn,
Hễ thấy người nào đến khẩn van,
Thiết đãi uông ăn đêu khăp cả,
Đôi bàn tay rửa sạch hoàn toàn.
114. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
115. Vào ngày mông tám, nửa tuân trăng,
Mười bốn, mười lăm, các buổi rằm,
Thiếp vẫn chuyên tâm trì giới luật,
Bước theo Thánh đạo của Hiên nhân.
CHUYỆN TIỀN THÂN 263

116. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Câu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đâu này phải vỡ tan.
Quả thật, dù cả trăm, cả ngàn câu kệ cũng không đủ lời tán thán mọi công đức của bà; tuy thế, Thiên chủ Đế-thích cứ để cho bà tự tán thán trong mười lăm vần kệ. Ngài cũng không ngắt ngang câu chuyện, mặc dù ngài còn nhiều việc phải làm ở nơi khác. Sau đó, ngài bảo:
Công đức của chánh hậu thật là kỳ diệu và sung mãn tràn trề thay!
Rồi ngài ngâm hai vần kệ ca ngợi bà:
117. Nương nương hỡi, Chánh hậu Suruci,
Công đức này cao trọng thập toàn,
Đều thấy trong nàng, này Chánh hậu,
Chính nàng ca ngợi đại danh nàng.
118. Một hoàng nam chính thông cao sang,
Muôn vẻ vinh quang, trí vẹn toàn,
Đại đế Videha chánh trực,
Sắp ra đời đó chính con nàng.
Khi bà nghe những lời này, bà vô cùng hoan hỷ ngâm hai vần kệ để hỏi Thiên chủ:
119. Bụi bẩn, lấm lem tóc rối bồng,
Hình ngài lơ lửng ở trên không,
Nói bằng một giọng đầy thân ái9
Làm thiếp cảm rung tận cõi lòng.
120. Có phải ngài Thiên đế đại hùng?

Trên trời ngài ngự, hỡi Hiền nhân?
Xin cho thiếp biết từ đâu đến,
Cho biết là ai đó giáng trần?
Thiên chủ đáp lời bà qua sáu vần kệ:
121. "Thiên nhãn Sakka" nàng thấy đây,
Vì thiên chúng vẫn gọi như vầy,
Khi thiên chúng lễ ta, đoàn tụ,
Trong Thiện Pháp đường mỹ diệu thay.
122. Khi nữ nhân hiền đức vẹn toàn,
Tại đây được thây giữa trân gian,
Chánh chân nội tướng đầy nhân ái,
Với mẹ chồng như phận sự nàng.
123. Khi chư thiên biết một hồng nhan,
Lòng trí cao minh, nghiệp thiện toàn,

DÙ nữ nhi mà từ thượng giới, Thiên chúng đích thân đến với nàng. 124. Giữ đời đức hạnh, hỡi nương nương, Nhờ tích trữ toàn việc thiện lương, Công chúa xuất thân đà đạt được, Trọn niềm hạnh phúc vẫn cầu mong. 125. Vậy nàng gặt hái nghiệp duyên nàng, Bằng cảnh huy hoàng ở thế gian, Công chúa về sau trên thượng giới, Tái sanh nàng được hóa thiên thần. 126. Nữ nhi hiền đức hưởng hồng ân, Cứ sống giữ gìn hạnh chánh chân, Nay lúc ta cần về thượng giới, Vui mừng vì diện kiến tôn nhan. Ngài bảo: Ta còn việc phải làm trên thiên giới. Vậy ta đi đây, còn nàng hãy chuyên tâm tinh cần! Cùng với lời khuyên nhủ này, ngài ra về. Tảng sáng hôm ấy, thiên tử NaḶakãra được nhập mẫu thai của hoàng hậu. Khi bà biết chuyện ấy, bà liền tâu với vua. Vua làm đủ mọi việc cần thiết cho một thai phụ. Sau mười tháng, bà sinh hạ một vương tử, hai vị đặt tên là Mahãpanãda. Toàn dân của hai quốc độ đều đến kêu lên: -Tâu Chúa thượng, chúng hạ thần xin mang tiền mua sữa tới tặng hoàng thái tử. Rôi môi người thả một đông vàng vào trong sân châu thành một đông tiên lớn. Vua không muốn nhận tiền này, nhưng dân chúng không chịu lấy lại và tâu với vua khi họ ra về: Tâu Chúa thượng, sô tiên này đê dành cập dưỡng vương tử khi ngài lớn lên. Vương tử lớn lên giữa cảnh huy hoàng và khi chàng đến tuổi trưởng thành, không quá mười sáu, chàng đã kiện toàn tât cả mọi môn học thuật. Vua nghĩ đên tuổi trưởng thành của chàng, bảo hoàng hậu: Này Ái hậu, khi đến thời làm lễ Quán đảnh cho hoàng nhi, ta hãy xây cho con ta một cung điện tuyệt đẹp vào dịp đó! Bà hoàn toàn đồng thuận. Vua liền cho triệu những người có tài đoán biết nơi chốn an lành để xây cung điện và bảo họ: Này các hiên hữu, hãy tìm một kiên trúc sư thượng thủ và xây cho ta một cung điện không xa cung của ta! Cung này dành cho hoàng tử mà chúng ta sắp phong vương để kế vị ta đó.

Họ tâu rằng việc ấy tốt lành thay và bắt đầu đi vào khảo sát mặt đất. Lúc ấy5 chiếc ngai của Thiên chủ Đấ-thích nóng rực lên. Nhận thấy điều này, Thiên chủ lập tức triệu

Vissakamma, vị thiên thần chuyên xây dựng đến và bảo: Này Hiền giả Vissakamma, hãy xây cho Vương tử Mahãpanãda một cung điện dài chín do-tuần, rộng tám do-tuần và cao hai mươi lăm dặm, toàn bằng bảo ngọc! Vissakamma liền giả dạng thợ hồ đi đến gần đám thợ kia bảo: Hãy đi ăn sáng xong rồi trở về đây! Sau khi họ đi khuất cả rôi, vị ây lây cây gậy đập xuông đât5 lập tức một cung điện hiện ra cao bảy tầng đúng kích thước như trên. Bấy giờ, triều đình cử hành liên tiếp ba đại lễ cho Mahãpanãda: Lễ Khánh thành cung điện, lễ Phong vương giương chiếc lọng hoàng gia trên đầu chàng và lễ Thành hôn cho chàng. Trong thời gian hành lễ, toàn dân cả hai xứ tụ tập lại tổ chức hội hè yến tiệc suốt bảy năm mà vua cũng không giải tán quần chúng. Xiêm y, đồ trang sức, đồ ẩm thực và mọi thứ khác hoàng gia đều cung cấp đầy đủ cả. Sau bảy năm ấy, dân chúng bắt đầu càu nhàu than phiền và Vua Suruci hỏi tại sao, họ đáp: -Tâu Đại vương, trong lúc chúng hạ thân mãi vui chơi hội hè đình đám thì bảy năm đã trôi qua. Thế khi nào thì lễ hội này mới chấm dứt? Vua đáp: Này các hiền hữu, suốt thời gian qua, vương nhi chưa hề một lần nào cười cả. Vậy khi nào vương nhi cười thì ta sẽ giải tán. Sau đó? dân chúng đi đánh trống và tập hợp các người làm trò múa rối, nhào lộn lại với nhau. Hàng ngàn người diễn trò kéo đến và chia nhau thành bảy ban ca múa, nhưng họ không thể nào làm cho vương tử cười được. Rõ ràng chàng là một người đã từng xem múa hát của các vũ thần chốn thiên đình rồi thì không thể nào ham thích được các vũ công hạ giới như thế này. Sau đó, hai tên hề múa rối lanh lợi xuất hiện, đó là Bhandukanna (Tai Cụt) và Pandukanna (Tai Vàng). Chúng tâu: Chúng tiểu thần sẽ làm cho hoàng tử cười. Bhandukanna liền hóa phép ra một cây xoài vĩ đại mà gã gọi là "V6 song djch", mọc lên trước cửa cung, sau đó gã ném ra một cuộn dây làm cho nó mắc vào một cành xoài rồi gã trèo lên cây xoài Vô song địch ấy. Thời bây giờ người ta bảo cây xoài Vô song địch ây là của Vessavana (Tỳ- sa-môn Thiên vương). Bọn nô lệ của thần Vessavana bắt lấy gã? như thường lệ chặt ra từng khúc và thả xuống đất. Bọn người làm trò ảo thuật kia ghép các khúc đó lại và tưới nước lên. Gã đó liền choàng mớ xiêm y cả bên trong lẫn bên ngoài đêu kêt băng hoa rôi đứng dậy bắt đâu ca múa như cũ. Ngay cái cảnh tượng kỳ dị này cũng không làm vương tử cười được.

Sau đó, Pandukanna chất dầu củi đốt lửa lên trước sân chầu và nhảy vào lửa với đông bọn múa rôi ây. Khi lửa tan hêt, người ta tưới nước vào đó, Pandukanna cùng cả bọn lại vùng dậy ca múa với đủ xiêm y từ trong ra ngoài kết bằng hoa. Khi dân chúng thấy họ không thể làm cho vương tử cười được thì họ bực tức lắm. Thiên chủ Đế-thích nhận thấy việc này liền phái xuống một vũ công trên trời, bảo vị ấy làm cho Mahãpanãda cười. Thế rồi vị ấy đứng lơ lửng giữa không gian trên sân chầu và biểu diễn một điệu múa gọi là vũ khúc bán thân, chỉ một tay, một chân, một mắt, một răng nhảy múa rung rinh, lắc lư qua lại, còn mọi phần kia vẫn trơ như đá. Khi Mahãpanãda thấy thế thì chàng hơi nhếch mép cười một chút thôi. Còn dân chúng đều cười rộ lên từng tràng dài và không thể nào kiềm chế chân tay được nữa nên họ cứ lăn quay long lóc khắp cả sân rồng. Thế là kết thúc hội hè. Phần còn lại: Đại đế Panãda, chúa đại hùng, Cung điện của đại đế bằng vàng ròng... Đã được giải thích trong Chuyện Đại vương Mahãpanãda.21 Vua Mahãpanãda chuyên tâm làm thiện sự và bố thí nên lúc mạng chung được sinh

lên thiên giới. *** Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: Như vậy, này các Tỷ-kheo? Visākhā đã nhận được điều ước Ta ban thuở trước kia. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Thời bấy giờ, Bhaddaji là Mahāpanāda, Visākhā là Hoàng hậu Sumedhā, Ānanda là Vissakamma và Ta chính là Thiên chủ Đế-thích.

§490. CHUYỆN NĂM VỊ HÀNH TRÌ TRAI GIỚI (Pancūposathajātaka) ụ. IV. 325) Ta chăc giờ chim thiêu dục rôi... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về năm trăm cư sĩ giữ hạnh trai giới. Thời đó? người ta nói là bậc Đạo sư ngồi trên bảo tòa dành cho đức Phật trong pháp đường, giữa tứ chúng, nhìn quanh hội chúng với từ tâm, Ngài thấy rằng hôm nay bài thuyết giảng sẽ quay về đề tài chuyện các nam cư sĩ. Sau đó, Ngài hỏi hội chúng: Các nam cư sĩ có giữ hạnh trai giới (Uposathă) chăng? Họ đáp: Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

21 Xem J. II. 331, Mahāpanādajātaka (Chuyện Đại vương Mahāpanādă), số §264.

-Lành thay, việc hành trì ngày trai giới là tập tục của các Trí nhân từ thuở xưa! Ta bảo là các bậc Trí từ ngàn xưa đã hành trì trai giới để nhiếp phục các tham dục. Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, có một khu rừng lớn ngăn chia vương quốc Magadha (Ma-kiệt- đà) với hai vương quốc giáp với nó. Bồ-tát sinh ra ở Ma-kiệt-đà trong một gia đình Bà-la-môn sang trọng. Khi ngài lớn lên, ngài từ bỏ các tham dục, đi vào rừng dựng lên một ẩn am và sống tại đó. Bấy giờ, không xa nơi am thất ấy có một con bồ câu rừng sống cùng chim mái, trong một ổ mối kia có con rắn, trong bụi rậm nọ có con chó rừng làm hang ô và trong một bụi rậm khác lại có con gâu. Cả bốn con vật này thường đến viếng vị Hiền nhân và nghe ngài thuyết pháp. Một ngày kia, bồ câu cùng vợ rời tổ đi kiếm thức ăn. Chim mái bay sau và khi nó đang bay, một con chim ưng thình lình chụp bắt lấy nó và tha đi. Nghe tiếng kêu thét của chim mái, chim trống quay lại nhìn và thấy chim ưng đang tha vợ nó đi. Chim img giết chết chim mái ngay khi nó đang kêu cứu và xé xác ăn ngay. Bây giờ, lòng chim trông nóng như lửa đót vì thương tiêc chim mái phải bị chia lìa đột ngột với nó như vậy. Rồi chim suy nghĩ: "Ai dục này xâu xé lòng ta đau đớn quá sức chịu đựng. Ta không còn muốn đi tìm mồi cho đến khi nào ta thấy được cách nhiếp phục nỗi đau." Thế là chim bỏ ngang việc kiếm ăn, bay đến tận nhà tu khổ hạnh kia, quyết tâm giữ hạnh nguyện nhiếp phục tham ái và nằm xuống một bên. Con rắn cũng nghĩ rằng nó muốn kiếm ăn nên bò ra khỏi lỗ và kiếm được chút gì đó trên lối nó bò đi gần một làng ở biên địa. Vừa lúc ấy, một con bò đực của người lý trưởng, một con vật tuyệt đẹp toàn màu trắng, sau khi gặm cỏ xong, quỳ mọp xuống gân một ô môi, lây sừng hát tung đát lên đê đùa chơi. Con rắn kinh hoảng khi nghe tiếng móng bò sột soạt, phóng đến ẩn mình trong một ô môi. Con bò tình cờ giâm lên con răn, làm con răn tức giận căn con bò và con bò chết tại chỗ. Khi dân làng khám phá ra con bò đã chết, họ vừa chạy vừa khóc than, đem Cling vòng hoa cho bò rất trọng thể rồi mới chôn nó xuống mồ và trở về nhà. Khi dân chúng đã đi hết, con rắn bò ra và suy nghĩ: "Vi giận dữ, ta đã đoạt mạng sông của con vật này và đã gây bao đau buôn cho nhiêu người. Ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi ta học được cách nhiêp phục sân han." Vì thê, nó quay vê thảo am

của ân sĩ kia và quyêt giữ hạnh nguyện nhiếp phục sân hận, nó nằm xuống một bên. Con chó rưng cũng đi kiếm mồi và thấy một con voi đã chết.22 Nó vui mừng quá: -Thức ăn nhiều lắm đây rồi!

22 Xem J. L 502, Sigālajātaka (Chuyện con chỏ rừng), số §148.

NÓ kêu lên và căn một miêng vào thân voi, chăng khác nào căn vào một thân cây. Nó thây chăng thích thú gì cả nên căn vào chiêc vòi cứ như thê là căn vào hòn đá. Nó thử cắn cái bụng, cũng như là cái thúng vậy nên nó nhào vào đuôi voi, giông như cái bat săt. Roi nó chôm lên mông voi, va O kia, chiêc mông mêm như chiêc bánh sữa. Nó thích thú quá nên cứ ăn sâu vào trong. Rôi ở đó ăn mãi khi đói, còn khi khát thì uông máu voi. Khi năm xuông, nó trải phân trong ruột và ngực voi ra như cái giường để ngã lưng. Nó suy nghĩ: "d đây ta đã tìm được thức ăn uống và giường nằm rồi? vậy còn đi đâu làm gì nữa." Thê là nó ở lì đó, lòng rât thỏa mãn trong cái bụng voi và chăng hê chui ra ngoài lần nào cả. Dần dần, xác voi khô cứng dưới sức nắng gió, cái chỗ hở phía sau mông voi khép kín lại. Con chó rừng quẫn quại bên trong mất dần máu thịt, thân thể võ vàng, song không tìm được cách thoát ra ngoài. Rồi một ngày kia, có cơn bão rớt thình lình, cái lỗ hở ấy thấm nước và mềm ra, bắt đầu hé miệng. Khi thấy khe hở, chó rừng kêu lên: Lâu nay ta đã bị hành hạ quá nhiều, giờ đây ta phải thoát ra bằng lỗ này. Rồi nó đi ra lỗ đó bằng cái đầu trước tiên. Bấy giờ cái lỗ còn hẹp mà nó ra mau quá nên thân thê bâm dập và lông lá rụng xuông đất. Khi ra ngoài được rồi, nó trần trụi như khúc thân dừa, không còn một sợi lông nào nữa. Nó suy nghĩ: “A, vì tham ăn mà ta chịu nỗi cực khổ này. Ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi ta học được cách chế ngự dục tham trong ta." Sau đó, nó đi đến ẩn am kia, quyết giữ hạnh nguyện chế ngự dục tham và nằm xuống một bên. Phân con gâu ra khỏi rừng và vì lòng tham ăn thúc đây nó đi vê phía làng biên địa của quốc độ Mallã. o, con gâu đây này! Toàn dân làng la to lên, họ bước ra trang bị đây cung, gậy, giáo và nhiêu thứ khác nữa, vây quanh bụi cây mà gâu đang năm. Nó thây mình bị cả đám người vây quanh thì vụt chạy trốn đi. Vừa chạy vừa bị đám người ấy đánh cho một trận nhừ tử bằng cung gậy, về đến hang, nó bị dập đầu và chảy máu. Nó nghĩ thầm: “Ả, chính vì lòng tham ăn thái quá đã gây cho ta tai họa này. Thôi ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi học được cách nhiếp phục lòng tham ấy." Vì thế nó đi đến thảo am, quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục tính tham lam và năm xuông một bên. Còn vị tu khổ hạnh này không thể phát khởi thiền định được vì ngài vốn vẫn tràn đầy kiêu mạn về dòng dõi quý tộc của ngài. Một vị Độc Giác Phật nhận thấy ngài đang bị ngã mạn chi phối, tuy vậy, vị này biết rõ ngài không phải là người tầm thường. Vị ấy suy nghĩ: "Người này sẽ thành bậc Chánh Giác và ngay trong hiện kiêp này người ây sẽ đạt tôi thăng trí. Ta muôn giúp người ây nhiếp phục ngã mạn và khiến người ấy tu tập các thiền chứng.,,

Vì vậy, trong khi ngài đang ngồi trong thảo am, vị Độc Giác Phật kia từ vùng thượng Tuyết Sơn đi xuống và an tọa trên một phiến đá của nhà tu khổ hạnh. Vị này bước ra, thấy vị Phật ngồi trên sàng tọa của mình thì do lòng đầy kiêu mạn, ngài không tự chủ được nữa, ngài bước lên búng ngón tay vào mặt vị kia và kêu to: Đồ vô tích sự xấu xa kia, thật đáng nguyền rủa, quân giả dối trọc đầu, tại sao ngươi dám ngôi trên sàng tọa của ta? Vị kia đáp: Bạch Thánh giả, tại sao ngài đầy lòng kiêu mạn thế kia? Ta đã đạt trí tuệ của một vị Độc Giác Phật nên Ta bảo cho ngài biết rằng ngay trong chính hiện kiếp này, ngài sẽ được hoàn toàn giác ngộ. Ngài đã đủ cơ duyên thành Phật. Khi ngài đã thành tựu thập hạnh Ba-la-mật và sau một thời gian dài bằng thời kỳ đó trôi qua, ngài sẽ thành bậc Chánh Giác, danh hiệu là Siddhartha. Sau đó, vị ây mới cho ngài biêt vê danh tánh5 dòng họ? gia tộc, các đệ tử, V.V.. và nói thêm: -Vậy thì bây giờ tại sao ngài quá kiêu mạn và sân hận như vậy? Việc ấy không xứng đáng với ngài. Đó là lời khuyên của vị Độc Giác Phật. Nghe những lời này? nhà khổ hạnh chẳng nói gì nữa cũng chẳng đảnh lễ vị kia, chẳng hỏi xem nơi đâu, bao giờ, và bằng cách nào mình sẽ thành Phật. Sau đó, vị khách lại bảo: Ngài hãy học cách đánh giá dòng dõi của ngài và thần lực của Ta qua việc này, nếu làm được thì hãy bay lên không như Ta đây! Nói vậy xong, vị này bay lên không, hất tung bụi bám trên đôi chân mình vào cuôn tóc trên đâu nhà khô hạnh, rôi lại trở vê vùng thượng Tuyêt Sơn. Khi vị ấy đi rồi, lòng nhà khổ hạnh tràn ngập đau buồn. Ngài nghĩ: "D6 là một bậc Thánh, với tâm thân nặng như thê kia mà có thê bay qua không gian như một hạt bông bị gió cuốn. Một vị Độc Giác Phật như vậy mà ta chẳng hề hôn chân Ngài, vì ta đây kiêu mạn về dòng dõi của ta nên cũng không hỏi Ngài xem bao giờ ta sẽ thành Phật. Cái dòng dõi này có làm gì được cho ta đã chứ? Trong thế giới này, cuộc sống thuần thiện chính là một cách thể hiện uy lực, còn lòng kiêu mạn của ta chỉ đưa ta đến địa ngục thôi. Vậy ta sẽ chẳng bao giờ đi kiếm trái rừng nữa cho đến khi nào ta học được cách nhiếp phục lòng kiêu mạn của ta.” Sau đó, ngài vào thảo am và quyêt giữ hạnh nguyện nhiêp phục lòng kiêu mạn. Khi tĩnh tọa trên tấm đệm rơm, bậc Trí giả quý tộc kia nhiếp phục được lòng kiêu mạn rồi làm phát khởi thiền định, tu tập các thắng trí và các thiền chứng xong liền bước ra ngồi trên phiến đá cuối mái hiên. Lúc bấy giờ, chim bồ câu và các con vật kia đứng lên đảnh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên, bậc Đại sĩ hỏi bồ câu:

Các ngày kia chim chẳng hề đến đây vào giờ này mà chim đi kiếm mồi.
Vậy hôm nay chim giữ trai giới đó chăng?
Thưa Tôn giả, chính vậy.
Ngài hỏi:
-Tại sao thế?
Và ngài ngâm vân kệ đâu:
127. Ta chăc giờ chim thiêu dục rôi,
Nay bô câu chăng muôn tìm môi,
Tại sao đành chịu nằm thèm khát,
Sao nguyện theo trai giới hỡi ngài?

Bồ câu đáp lời qua hai vần kệ:
\ r
128. Xưa đây tham đăm9 cặp uyên ương,
Đùa giỡn quanh đây tựa phượng loan,
Ưng ác chụp nàng bay biến mất,
Chia lìa duyên kiếp đã tan hoang.
129. Con biết sự mất mát phũ phàng,
Bạo tàn, khôc liệt biêt dường bao,
Con nhìn mọi vật lòng đau đớn,
Vì thế con tìm đến náu nương,
Nhờ giới hạnh, thê nguyên ái dục,
Chẳng bao giờ trở lại lòng con.
Khi bồ câu đã tán thán hành động của mình liên quan đến hạnh nguyện ấy,
Bồ-tát lại hỏi câu đó với con rắn và lần lượt các con vật kia. Mỗi con trong bọn chúng đều nêu lên sự việc như đã xảy ra:
[Bồ-tát:]
130. Vật ở cây, bò sát cuộn mình,
Đầy răng nhọn hoắt, nọc truyền nhanh,
Rắn sao muốn giữ truyền trai giới,
Sao đói khát cam chịu cố tình?
[Con rắn:]
131. Con bò thôn trưởng thật oai hùng,
Dáng đẹp, lưng gù cứ chuyển rung,
Bò giẫm lên? con hờn cắn nó,
Đau đớn bò chết ngã lăn đùng.
132. Dân làng mọi kẻ đổ ra đường,
Than khóc vì trông thấy tận tường,
Vì vậy con nương nhờ giới hạnh,
Thề sân hận chẳng trở về con.
CHUYỆN TIỀN THÂN 271

[Bồ-tát]
133. Xác chết, thức ăn quý sẵn đầy,
Nằm trong nghĩa địa rã tan thây,
Chó rừng sao chịu đành thèm khát,
Sao lại thề tuân giới hạnh này?
[Chó rừng:]
134. Tìm được voi và thích thịt ngon,
Con vào bụng nó ở lì luôn,
Song nhiều gió mạnh, trời gay gắt,

Làm héo khô khe hở chó chui.
135. Tôn giả, con vàng võ, ốm gầy,
Vì không lối thoát phải nằm đây,
Rồi cơn bão nọ bùng vang dội,
Làm ướt mềm đi ngã hậu này.
136. Đê thoát ra, con chăng chậm đâu,
Như trăng thoát khỏi vuốt La-hầu?
Nên con chạy đến nhờ trai giới?
Con nguyện tham tâm tránh chạy mau.
[Bồ-tát:]
137. Ngài có thói xưa vẫn kiếm mồi,
Nằm trên ổ mối, gấu ông oi,
Sao nay lại chịu nằm thèm khát,
Sao muốn thề nguyền trai giới thôi?
[Con gấu:]
138. Bỏ nhà vì quá đói trong lòng,
Con đến Mallã, chạy vội vàng,
Dân chúng trong làng đều đổ đến,
Dùng cung, gậy, chúng đánh hung tàn.
139. Mình con vấy máu, vỡ tan dầu,
Con chạy vê nơi trú ân mau,
Vì vậy con nguyền theo giới hạnh,
Dục tham chẳng kéo đến ngày sau.
Như vậy? cả bốn con vật đều tán thán hành động của chúng trong việc quyết tâm giữ hạnh trai giới xong, vừa đứng lên đảnh lễ Bồ-tát9 chúng vừa hỏi ngài câu này:
Thưa Tôn giả? các ngày trước ngài ra đi kiếm trái rừng vào giờ này. Tại sao hôm nay ngài không đi mà lại hành trì trai giới?
Chúng liền ngâm vần kệ này:
272 KINH TIÊU Bộ

140. Điêu ây, ngài mong muôn giãi bày, Mọi điều con biết đã thưa thầy5 Song nay đến lượt mình xin hỏi, Tôn giả sao theo hạnh nguyện này? Bồ-tát giải thích cho chúng: 141. Một vị Độc Giác Phật qua đây, Chốc lát trong am đã giãi bày, Mọi việc vãng lai, danh tiếng, hiệu, Gia đình và đạo lộ sau này. 142. Ta không quỳ, bởi quá kiêu căng, Ở trước chân Ngài, chẳng hỏi han, Vì thế, ta nương vào giới hạnh, Đê kiêu căng ây chăng đeo gân. Bằng cách ấy, Bồ-tát giải thích việc hành trì hạnh nguyện của mình. Sau đó, ngài thuyết giáo cho chúng, bảo chúng ra đi và ngài bước vào thảo am. Các con vật kia trở vê chôn ở của mình. Bô-tát không hê gián đoạn thiên định nên được sinh vào cõi Phạm thiên. Còn các con vật ây tuân hành lời thuyêt giáo của ngài nên đã lên cộng trú đông đảo với thiên chúng. *** Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo: Như vậy, này các cư si, giữ hạnh nguyện trai giới là một tập tục của các bậc Trí ngày xưa và nay

các ông phải biêt hành trì. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ây, Anuruddha (A-na-luật-đà) là chim bô câu, Kassapa (Ca-diêp) là con gấu, Mục-kiền-liên là chó rừng, Sãriputta (Xá-lợi-phất) là con rắn và Ta chính là nhà tu khổ hạnh kia.

§491. CHUYỆN ĐẠI KHỔNG TƯỚC (Mahãmorạịãtaka)23 (J. IV. 332) Bắt ta bạn sẽ được ngàn vàng... Chuyện này bậc Đạo sư kể frong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất. Bậc Đạo sư bảo vị Tỷ-kheo này: Có đúng như Ta nghe nói là ông đã thối thất chăng? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn, quả đúng vậy. Ngài liền nói: Này Tỷ-kheo, chẳng lẽ lòng ưa thích dục lạc này sẽ không lay động một người như ông sao? Trận lôc xoáy thôi quanh núi Sineru (Tu-di) thì kê gì một

23 Xem J. II. 33, Morajataka (Chuyện con công), số §159.

ngọn lá khô. Ngày xưa tham dục này cũng đã lay động các bậc thanh tịnh, là những vị đã lánh xa bảy ngàn năm khỏi mọi tham dục khởi lên trong tâm mình. Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ. ***

Một thuở nọ? khi Vua Brahmadatta trị vì Bala-nại, Bô-tát được sinh vào bụng một con công mái ở một vùng biên địa. Khi thai kỳ đã mãn, công mẹ sinh trứng ở một nơi nó kiếm mồi và bỏ đi xa. Lúc bấy giờ, trứng chim công khỏe mạnh chẳng bị tai nạn gì nếu không có những mối hiểm nguy từ loài rắn hay các loài bọ tai hại tương tự như thế. Vì vậy, cái trứng công này có màu vàng óng như chồi cây kanikãra.24 Khi nó đã đủ thuần thục thì tự nó nứt ra và một con công xuất hiện cỏ màu vàng óng ánh với con mắt như hạt gunja,25 chiếc mỏ màu san hô và ba sọc đỏ chạy quanh cổ xuống đến giữa limg. Khi chim lớn lên, thân mình to bằng chiếc xe đẩy của người bán hàng trông thật đẹp mắt nên cả đàn công màu đen tụ tập lại chung quanh bầu chim công này làm chim đầu đàn. Một hôm? chim công đang uống nước trong hồ, nhìn thấy vẻ đẹp của mình liên suy nghĩ: “Ta đẹp nhât trong đàn công. Nêu ta ở chung với chúng giữa mọi nẻo đường đời9 ta sẽ gặp nguy hiêm. Ta muôn đi xa đên vùng Tuyêt Sơn và ở đó một mình tại một nơi vừa Thế là về đêm, khi cả đàn công lui về nơi trú ẩn riêng biệt kín đáo, công ra đi mà không ai biết, về phía khu vực Tuyết Sơn. Sau khi băng qua ba rặng núi, công vào ẩn thân tại rặng thứ tư. Đây là khu rừng mà công khám phá ra một hồ thiên nhiên rộng bát ngát phủ đầy hoa sen, không xa một cây đa cạnh một ngọn đồi, chim công chúa đậu trên cành cây này. Trong lòng ngọn đồi này có một hang động kỳ thú và vì muốn ở đó nên chim công chúa đậu trên một vùng đất phẳng ngay trước miệng hang. LÚC bây giờ, không ai có thê trèo đên chôn này được dù từ dưới lên hay từ trên xuông, cho nên nó tránh khỏi mọi nôi lo sợ vê chim muông, mèo rừng, rắn rít hay loài người. Công suy nghi: “Bây là một nơi thích hợp dành cho ta." Hôm ấy, công ở đó và sáng hôm sau bước ra khỏi hang, công đậu trên đỉnh đồi hướng vê phía Đông. Khi thây mặt trời lên, công tự nhăc mình trong ngày săp đến bằng cách đọc câu ca: Ngài đã hiện kia, đấng Toàn tri. Sau đó công đi kiếm mồi. Buổi chiều, công lại trở về đậu trên đỉnh đồi hướng về phía Tây, và khi nhìn thấy mặt trời biến mất dạng, công tự nhắc mình trước màn đêm sắp buông xuống bằng cách đọc câu ca:

24 Kanikãra hoặc kannikãra (ca-ni-ca;hoàng hoa thọ; tên khoa học ỉà Pterospernnim Acerifolium, Cathartocarpus Fistula), cây có hoa vàng, chỉ cho cây lòng mán lá phong, cây muồng hoàng yến. 25 Gunja,(dược dụng mạn thảo),(tương tư tử),(hương tư tử), Abrus Precatorius: Cam thảo dây.

Ngài đã lặn kia, đấng Toàn tri. Bằng cách ấy, cuộc đời công cứ trôi qua. (Xem lại Chuyện con công16). Song một hôm, có người thợ săn ở trong rừng bất chợt thấy công đang đậu trên đỉnh đồi ấy và trở về nhà. Khi lão sắp chết, lão bảo với con trai về chuyện ấy: Này con, trong rặng núi thứ tư của dãy núi trong rừng, có một con công màu vàng ánh. Nêu nhà vua muôn có một con công như vậy thì con biêt nơi kiếm nó rồi đấy. Một ngày kia, chánh hậu của vua xứ Ba-la-nại tên là Khemã (Thái Hòa) nằm mộng vào lúc tảng sáng và giấc mộng diễn ra như thế này: Một con công màu vàng óng đang thuyết pháp và bà chăm chú nghe rất hoan hỷ. Khi công đã thuyết pháp xong liền bay lên ra di, bà vội kêu to: "Kia chim công chúa đang chạy thoát, hãy bắt công lại ngay!" Và trong khi bà thốt lên các lời này, bà liền thức dậy. Khi tỉnh lại, bà biết đó chỉ là giấc mộng và suy nghĩ: "Nếu ta trình đức vua đó là cơn mộng thì ngài sẽ chăng quan tâm đên? song nêu ta bảo đó là niêm mong ước của một thai phụ thì ngài sẽ lưu ý ngay." Thế là bà liền giả bộ làm như thể bà đang khao khát một thứ gì đó theo cách thông thường của một thai phụ và nằm xuống. Nhà vua đến viếng bà và hỏi bà đau bệnh gì. Bà đáp: -Thân thiêp đang có một niêm khát vọng. Ái khanh ao ước điều gì thế? -Tâu Chúa thượng, thần thiếp ước ao nghe lời thuyết pháp của một con chim công màu vàng ánh. -Song, này Ái khanh, ta tìm đâu ra được một con chim như vậy? - Như vậy thì tâu Chúa thượng, thần thiếp sẽ chết mất. Này Ai khanh, đừng lo buôn chuyện ây, nêu nơi nào có con chim như vậy thì nó sẽ được bắt về cho Ái khanh. Nhà vua an ủi bà như vậy rôi đi ra ngoài ngôi xuông, hỏi các triêu thân: Này các khanh, chánh hậu ao ước nghe lời thuyết pháp của một con chim công vàng ánh. Vậy có loại công vàng ánh ấy chăng? Tâu Chúa thượng, các Bà-la-môn biết chuyện đó. Nhà vua hỏi các Bà-la-môn. Họ đáp như vây: -Tâu Đại vương, theo những vần kệ nói về điêm lành của chúng thần thì trong loài thủy tộc có cá? rùa, cua; trong các loài thú rừng thì có hươu, nai, thiên nga, công, trĩ... Các loài đó cùng loài người, đêu có thê sinh ra với săc vàng ánh. Sau đó, nhà vua triệu tập tất cả thợ săn trong quốc độ lại và hỏi họ có từng

26 Xem J. II. 33, Morạiãtaka (Chuyện con công), số §159.

thấy con công vàng ánh bao giờ chưa. Bọn họ đều trả lời không, trừ người thanh niên đã được cha mách bảo về chuyện ông ta đã thấy. Gã đáp: Chính hạ thần chưa thấy, song thân phụ hạ thần đã bảo cho thần biết một nơi có thể tìm ra một chim công chúa vàng ánh. Nhà vua liền bảo: Này hiền hữu, đây là chuyện sống chết của trẫm và chánh hậu. Vậy hãy cố bắt lấy công ấy đem về đây. Nhà vua cho gã thật nhiều tiền bạc và bảo gã ra đi. Gã ấy đem tiền về cho vợ con rồi đi đến nơi kia. Gã thấy Bồ-tát? gã đặt bẫy bắt ngài; Mỗi ngày gã tự nhủ thầm là chắc chắn sẽ bắt được chim công? tuy nhiên

gã chết đi mà chưa bắt được chim công ấy. Rồi chánh hậu cũng từ trần mà không thỏa tâm nguyện. Nhà vua nổi trận lôi đình và ngài phán: Ái hậu của trẫm đã qua đời vì chim công này! Rồi nhà vua truyền lệnh chép câu chuyện ấy vào một phiến vàng, kể rằng trong rặng thứ tư của khu vực Tuyết Sơn có con chim công vàng ánh sống ra sao, hễ ai ăn được thịt nó sẽ trường sinh bất tử. Nhà vua đặt phiến vàng ấy trong kho báu và sau đó qua đời. Kế vị vua ấy, một vua khác lên ngôi? đọc lời lẽ câu chuyện ghi trên phiến vàng nên ước mong được trường sinh bât tử liên cho người thợ săn đi băt chim công; song nhà vua ấy cũng chết trước khi mãn nguyện giống như vua kia. Cùng cách ấy, sáu vị vua kế tiếp qua đời và sáu người thiện xạ chết đi mà không được kết quả gì ở khu vực Tuyết Sơn cả. Song người thợ săn thứ bảy, được nhà vua thứ bảy phái đi không thể nào bắt được chim suốt bảy năm liền, mặc dù mỗi ngày gã đều mong đợi chuyện ấy nên bắt đầu suy nghĩ không biết tại sao lại không thể bắt được đôi chân chim sa vào bẫy. Vì thế gã ngắm nghía chim, thấy chim cầu nguyện để được phù hộ mỗi buổi sáng, tối đều đặn và gã lý luận về trường hợp này như sau: "Không có con chim công nào khác ở vùng này, rõ ràng đây đúng là chim công sống đời thanh tịnh. Chính uy lực đời sông thanh tịnh của chim ây cùng uy lực của thân chú hộ mệnh đã khiến cho đôi chân chim không bao giờ sa vào bẫy của ta đượcy Khi kết luận như vậy rồi, gã đi đến vùng biên địa bắt một con công mái, gã luyện cho nó hót tiếng gáy mỗi khi gã búng tay và xòe cánh múa mỗi khi gã vỗ tay. Gã đem chim mái trở về rồi đặt bẫy trước khi Bồ-tát đọc thần chú hộ mệnh, r r r gã búng tay và làm cho công mái gáy. Công trông nghe tiêng gáy ây lập tức ác dục đã ngủ yên suốt bảy ngàn năm bỗng vùng dậy như con rắn hổ mang giương mào lên khi bị đánh. Bị ác dục làm cho mê muội, chim công không thể nào đọc thần chú hộ mệnh được nữa mà vội vàng bay về phía chim mái; từ trên không, chim hạ cánh xuống đặt đôi chân ngay vào bẫy. Chiếc bẫy kia suốt bảy ngàn năm không đủ uy lực bắt chim nay đã kẹp chặt lấy chân chim thần.

Khi người thợ săn thấy chim nằm tòn ten ở cuối sợi dây, gã nghĩ thầm: "Sáu người thợ săn trước đã không thể bắt được chim công chúa này và trong bảy năm liền ta cũng không bắt được nó. Nhưng hôm nay, ngay khi chim đâm si tình chim mái thì nó không đọc thân chú được nên sa vào bây và bị băt, nó đang năm tòn ten với cái đâu lộn ngược kia kìa. Oi sinh vật mà ta đã làm hại kia thật là đức hạnh! Nêu ta giao một linh vật như vậy cho một người khác chỉ vì bị mua chuộc tiền bạc thì thật là không xứng đáng. Danh vọng của vua chúa có nghĩa gì đối với ta chứ? Ta muốn thả chim ấy bay di.” Nhưng rồi gã lại nghĩ: "Đó la một thần điểu kỳ dị phi thường, nếu ta đến gần nó, nó sẽ tưởng ta đến để giết nó5 nó sẽ lo sợ cho tính mạng của mình mà vùng vẫy thì có thể gãy chân hay cánh. Vậy ta không muốn đến gần nó mà chỉ đứng ẩn mình và cắt đứt cái thòng lọng bằng một mũi tên bắn ra. Sau đó, chim muốn đi đâu tùy y.” Thế là gã đứng ẩn mình, giương cung lên lắp một mũi tên vào dây và kéo ra sau. Bấy giờ, chim công trống suy nghĩ: uNgười thợ săn này đã làm ta mê mệt vì ái dục và khi thấy ta bị sa bẫy rồi lại không còn quan tâm đến ta nữa. Gã ấy ở đâu kia?" Chim công cứ nhìn hướng này, hướng nọ và thấy người kia đứng với cây cung sẵn sàng bắn. "Chắc chắn gã muốn giết ta rồi ra di”chim công chúa suy nghĩ và sợ chêt nên ngâm vân kệ đâu xin tha mạng:

143. Bắt ta bạn sẽ được ngàn vàng, Bắt sống, xin đừng bắn bị thương, Van bạn đem ta vê chúa thượng, Chắc ngài sẽ thưởng thật giàu sang. Nghe vậy? người thợ săn suy nghĩ: uĐại khổng tước này tưởng ta sắp bắn nó bằng mũi tên đây. Ta phải trấn an nó mới được.55 Vì mục đích ấy, gã ngâm vần kệ thứ hai: 144. Trên cung ta chăng ráp tên này, Để bắn chim công chúa, ở đây, ĩ r r Ta muôn cắt dây thòng lọng ây, Đe chim tùy ý9 hãy xa bay! Nghe lời này, chim công chúa đáp qua hai vân kệ: 145. Bảy năm theo đuôi, thợ săn này, Đói khát bạn cam chịu tháng ngày, Bạn muốn gì, nay ta mắc bẫy, Vì sao muốn thả để ta bay? 146. Hiển nhiên mọi vật được an lành, Bạn nguyện từ đây bỏ sát sinh, Mắc bẫy thân ta tuy thế bạn, Muốn ta được thả để bay nhanh!

[Thợ săn nói tiếp:]
147. Khi người từ bỏ sát quân sinh,
Nhờ nó muôn loài thoát hãi kinh,
Phước đức nào đời sau sẽ đến,
Việc này khổng tước đáp cho minh.
[Công chúa:]
148. Nhờ nó muôn loài thoát hãi kinh,
Khi người thề chẳng sát quần sinh,
Đời này nó được nhiều ca ngợi,
Thiên giới đời sau hưởng phước lành.
[Thợ săn:]
149. Nhiêu người nói chăng có thiên thân,
Cực lạc đời này có thể mang,
Sinh quả dữ lành ngay hiện tại,
Vì nhiều bậc Thánh đã cho rằng,
Thi ân là việc đây ngu xuân,
Vì thế tôi thường đánh bẫy săn,
Chim thú, giờ đây tôi muốn hỏi,
Lời kia xứng đáng để tin chăng?
Lúc ây9 Bô-tát quyêt định giảng cho người này biêt quả thực có đời sau nên trong lúc ngài đang nằm lủng lẳng ở cuối sợi dây, đầu lộn ngược xuống dất, ngài ngâm vần kệ:
150. Đôi vầng nhật nguyệt rõ ràng ràng,
Đi khắp trời cao tỏa sáng quang,
Người gọi là gì nơi hạ giới,
Thuộc về cõi khác hoặc trần gian?
Người thợ săn ngâm vần kệ đáp lại:
151. Rõ ràng nhật nguyệt thấy đôi vầng,
Đi khắp trời cao, tỏa ánh quang,
Chúng chẳng thuộc về nơi hạ giới,

Mà về cõi khác, miệng người trần.
Lúc ấy, Bồ-tát bảo gã:
152. Vậy chúng đều sai lạc hết đây,
Những người gian dối nói như vầy,
7
Chăng vì duyên cớ gì đi nữa,
Lại bảo chỉ riêng thế giới này,
Mang nghiệp quả lành hay quả dữ?
Còn xem bố thí việc ngu thay!
Trong khi Bồ-tát nói, người thợ săn suy nghĩ rồi ngâm hai vần kệ:
278 KINH TIỂU Bộ

153. Điêu này ngài nói quả là chân, Sao có người kia lại bảo rằng? “b6 thí không mang về kết quả, Rằng đây, ngay ở cõi phàm trần. Người ta gặt quả lành hay dữ, Bố thí là công việc độn đần/9 154. Cách nào nên sống, phải làm gì? Thánh đạo là đâu phải bước đi? Công chúa, xin ngài cho lão biết, Pháp môn khổ hạnh phải hành trì, Cầu mong lão được chim công chúa, Cứu khỏi không vào địa ngục kia! Khi nghe vậy, Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta giải đáp vấn đề này cho gã thì cả thế giới này đối với gã thành ra trống rỗng và hư vọng. Lần này, ta sẽ nói cho gã biết bản chất của các Thánh giả Bà-la-môn chân chính.,^ Với ý định trên, ngài ngâm hai vần kệ: 155. Người 9 truyên khô hạnh 7 ở trân gian, Chăng ở nhà đâu, đăp áo vàng, Sáng sớm đi ra đường khất thực, Không đi chiều tối chính Hiền nhân. 156. Đúng thời thăm các thiện nhân vầy, Bạn sẽ vui lòng dẫu hỏi ai, Giải vấn dề, vì chư vị biết, Cõi trên kia với cõi đời này. Khi nói như vậy, ngài muôn cho người ây phải biêt kinh sợ cảnh giới địa ngục. Còn người ây đã đạt đên tri kiên viên mãn của một vị Độc Giác Phật, vì người ấy đã sống đến độ tri kiến sắp thành thục như búp hoa sen tròn đầy sung mãn đợi chờ các tia nắng chiếu vào. Trong lúc người ấy nghe bài thuyết pháp của ngài, ngay tại chỗ đang dứng, người ấy lập tức hiểu mọi yếu tố cấu tạo nên các vật hữu hình (tứ đại)? thấu suốt cả ba đặc tính căn bản của chúng (vô thường, khổ, vô ngã) và thâm nhập tri kiến của một Độc Giác Phật. Tri kiến trên của vị này cùng với việc giải thoát Bồ-tát khỏi cái bẫy kia xảy ra cùng một lúc. Vị Độc Giác Phật, sau khi đã đoạn diệt mọi dục tham của minh, đang đứng trên bờ sinh tử cuối cùng liền thốt lên cảm thán nguyện trong vần kệ này: 157. Như rắn lột quăng lớp vỏ tàn, Lá khô cây trút lúc xanh dần, Hôm nay ta bỏ nghề săn bắn, Mãi mãi xa lìa nghiệp thợ săn. Sau khi thôt lên ý nguyện cao cả của mình, vị ây suy nghĩ: "Ta vừa được

CHUYỆN TIỀN THÂN 279

giải thoát khỏi các dây trói buộc của ác dục, song ở nhà ta còn rất nhiều chim đang bị giam cầm. Vậy làm thế nào ta giải thoát cho chúng ấẫyT' Vì thế, vị ấy hỏi Bồ-tát: Này chim công chúa, còn giam cầm nhiều chim tại nhà, làm sao giải thoát cho chúng được? Lúc bấy giờ, Bồ-tát là bậc Toàn tri, có tri kiến tinh thông mọi đường lối và phương tiện hơn cả một vị Độc Giác Phật nên ngài bảo: Khi Ngài đã phá vỡ sức chi phối của tham dục và thâm nhập tri kiến của một vị Độc Giác Phật, nhờ lẽ đó Ngài hãy tuyên thệ điều

chân lý thì trong toàn cõi Diêm phù-đê sẽ không còn sinh vật nào bị giam câm nữa cả! Sau đó, vị ây vừa đi vào băng cánh cửa mà Bô-tát mở ra như vậy, vừa ngâm vần kệ này tuyên thệ một hành động chân lý: 158. Tất cả chim nào Ta đã giam, Trong nhà Ta có đên hàng trăm, Nay Ta trả cuộc đời cho chúng về tổ? bầy chim được thoát nạn! Lúc ấy, nhờ hành động thề nguyền chân lý kia, dù đã muộn, tất cả bầy chim cũng được thoát cảnh giam câm, ríu rít líu lo bay vê tô của mình. Cùng lúc ây? khắp cõi Diêm-phù-đề? tất cả mọi sinh vật đã bị bắt đều được thả tự do, không còn con vật nào sót lại trong cảnh giam cầm cả, dù chỉ là con mèo. Vị Độc Giác Phật ấy giơ tay lên vừa xoa trán mình, lập tức các dấu vết của dòng họ cũ biên mât và dâu hiệu của bậc tu hành xuât hiện vào chô ây. Lúc bây giờ, vị này trông giống như một Trưởng lão Tỷ-kheo đã sáu mươi tuổi đắp y đầy đủ, mang tám vật cần thiết (bình bát, ba y, đai lưng, dao cạo, cây kim và cái lọc nước), cung kính đảnh lễ chim công chúa và đi nhiễu quanh ngài, thân hướng vê phía hữu, rôi bay vụt lên không gian đên động Nandamũla. Chim công chúa cũng bay ra khỏi cái bây, kiêm môi và trở vê chôn ở của mình. Vân kệ cuôi cùng do bậc Đạo sư ngâm, kê chuyện trong suôt bảy năm trời người thợ săn quanh quẩn với chiếc bẫy trong tay và sau đó được giải thoát khỏi khổ đau nhờ chim công chúa như thế nào: 159. Thợ săn xuyên suốt khắp rừng cây Tìm kiêm chúa công, bây dưới tay, Đã giải thoát đau cho khổng tước, Khi vừa bị bắt giống ta đây. ***

Sau khi châm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyêt các sự thật, vị Tỷ- kheo thối thất kia đã đắc Thánh quả (A-la-hán). Rồi Ngài nhận diện tiền thân: Vào thời ây, Ta là chim công chúa kia.

§492. CHUYỆN LỢN RỪNG TACCHA (Tacchasũkarạịãtakà)27 ự. IV. 342) Lang thang tìm kiếm khắp xa gần,., Chuyện này bậc Đạo sư kê trong lúc trú tại Kỳ Viên vê hai Trưởng lão. Người ta đồn rằng khi Vua Mahãkosala (Đại vương xứ Kiều-tát-la) gả con gái cho Vua Bimbisãra (Tần-bà-sa-la), ngài đã chia phân nàng một ngôi làng ở Kãsi để nàng lấy tiền mua dầu thơm tắm gội. Sau khi Vua Ajatasattu (A-xà-thế) sát hại vua cha Bimbisãra, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc)? con của Vua Mahãkosala phá hủy ngôi lànệ ấy. Trong các trận chiến xảy ra giữa hai nước về chuyện này, ban đầu chiến thang thuộc về Ajatasattu, còn vua xứ Kosala thua trận liền hỏi các vị quân sư: Ta lập mưu gì để bắt được A-xà-thế? Các vị ây đáp: Tâu Đại vương, Tăng chúng có đại tài về thần chú. Hãy phái sứ giả đến hỏi ý kiến của Tăng chúng tại tinh xá! Vua đồng ý việc này. Vì thế, vua truyền quân hầu tới bảo họ đi đến đó, ẩn mình ở nơi kín để nghe lóm câu chuyện giữa Tăng chúng. Bấy giờ, tại Kỳ Viên, có một số đại thần của nhiều vua chúa đã từ giã thế tục xuất gia. Hai người trong số ấy là hai Trưởng lão sống trong một thảo am ở bên ngoài tinh xá, một vị tên là Trưởng lão Dhanuggahatissa, vị kia là Trưởng lão Mantidatta. Hai vị đã ngủ suốt đêm và thức dậy khi vầng đông vừa hé. Trưởng lão Dhanuggahatissa bảo trong khi nhóm lửa: Thưa Hiền giả Tỷ-kheo Datta. Thưa vâng, Hiền giả bảo gì? Hiền giả đang ngủ chăng? Thưa không, tôi không ngủ. Ta phải làm gì bây giờ? Này, vua xứ Kosala thật là một kẻ ngu ngôc bâm sinh, vua ây chỉ biêt một chuyện là ăn cả đống thức ăn tạp nhạp. Thưa Hiền giả muốn nói gì thế? Vua ấy đã

để cho Vua Ajatasattu đánh bại, mà Ajatasattu có hơn gì con giun trong bụng vua ấy đã chứ? - Vậy thì vua ấy phải làm gì đây? -Này Trưởng lão Datta, Hiền giả phải biết có ba cách bày binh bố trận: Bày binh hình chiếc xe, bày binh hình bánh xe và bày binh hình hoa sen. Chính là cách bày binh hình chiếc xe ấy, vua kia phải sử dụng để bắt Ajatasattu. Vua ấy phải bố trí các dũng sĩ hai bên cạnh mình trên đỉnh đồi rồi dàn đạo binh chính yếu ra trước mặt trận. Một khi vua kia lọt vào giữa rồi và vừa nhảy ra vừa hét lớn thì họ bắt ngay vua kia như cá nằm trong giỏ. Đó là cách bắtAjãtasattu đấy!

27 Xem J. II. 402, Vaddhakisũkaraịãtaka (Chuyện con heo rừng của người thợ mộc), số §283.

Các sứ giả này nghe hết mọi chuyện và trô về tâu trình với vua mình, vua lập tức đem một đạo quân lớn ra? bắt được Ajatasattu làm tù binh và trói lại bằng các dây xích xiềng. Sau khi trừng phạt như vậy vài ngày, vua này thả vua kia ra, khuyên không nên làm chuyện như trước nữa. Và để an ủi Vua Ajatasattu, vua lại đem chính con gái là Công chúa Vajrã gả cho Vua Ajãtasattu rồi tiễn đưa về nước rất trọng thể. Giữa Tăng chúng có lời bàn tán chuyện này rất nhiều: Ajãtasattu đã bị vua xứ Kosala bắt sống theo lời chỉ dẫn của Trưởng lão Dhanuggahatissa. Tăng chúng cũng đàm luận việc này tại pháp đường và khi bậc Đạo sư đi vào, Ngài hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng trình với Ngài. Sau đó, Ngài bảo: Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đâu Dhanuggahatissa biêu lộ tài nghệ về chiến lược đâu. Và Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, có một người thợ mộc sống trong ngôi làng gần cổng thành Ba-la-nại đi vào rừng đốn củi. Ông tìm được một con lợn rừng đực rớt xuống hô liên đem vê nhà nuôi nâng và đặt tên là "Lợn rừng của người thợ mộc.,, Con lợn rừng trở thành tên đầy tớ của ông. Nó nhổ bật cây cối lên bằng chiếc mõm và đem về nhà cho ông, nó buộc cái dây đo đạc quanh mũi nó và kéo lê đi, rồi tìm thấy cái rìu, cái đục? cái vồ ngậm trong miệng. Khi lợn rừng khôn lớn, nó thành một con vật lực lưỡng dị thường, người thợ mộc thương yêu nó như con ruột của mình và sợ có ai làm hại nó nên thả nó vào rừng. Con lợn rừng suy nghĩ: "Ta không thê sông một mình bơ vơ trong rừng này. Nếu ta kiếm bà con và ở với chúng chẳng hay lắm sao?" Vì thế, nó tìm bầy lợn khắp rừng cây cho đến khi gặp được cả đàn, nó rất vui mừng liền ngâm ba vần kệ: 160. Lang thang tìm kiếm khắp xa gần? Đồi núi chung quanh, các khóm rừng, Thơ thẩn ta đi tìm quyến thuộc, Kìa ta tìm thấy các thân bằng! 161. Đây củ quả rừng phong phú sao, Với kho thực phẩm thật dồi dào, Núi đồi khe suối xinh tươi quá, Sống ở đây đời đẹp biết bao! 162. Ta sống đây toàn quyến thuộc thân, Hưởng thư nhàn chẳng phải băn khoăn,

Cũng không lo lắng và kinh hãi,
Dù chuyện gì do phía địch quân.
Bầy lợn rừng kia nghe vần kệ này liền đáp lời qua vần kệ thứ tư:
163. Cừu địch là đây, ở chốn nào,
Xin tìm đường lối ẩn thân vào,

Nó thường giết hại, này Taccha,
Lợn đẹp nhất đàn, loại tối cao!
[Hỏi]:
164. Kẻ thù các bạn ấy đâu đây?
Nói thật cho ta, hạnh ngộ thay,
Kẻ giết họ hàng, ai đó vậy?
Dù là chưa giêt trọn luôn bây.
[Đáp:]
165. Đó chính là vua của thú rừng,
Với răng để cắn, sọc đen vằn,
Ấy là mãnh thú oai hùng quá,
Thường giết lợn ưu tú nhất đàn.
[Hỏi:]
166. Thân thể ta tàn hết lực chăng?
Thế sao ta lại chẳng nhe răng?
Nếu ta chung sức thì nhờ vậy, r
Ta sẽ thăng ngay chú cọp văn!
[Đáp:]
167. Lời nói này nghe tuyệt diệu thay!
Taccha, ta thích nói như vầy,
Đừng cho chú lợn nào đi trốn,
Hoặc bị giêt sau trận đâu này.
Bấy giờ, lợn rừng của người thợ mộc đã làm cho cả đàn lợn đồng tâm nhất trí liền nói:
- Khi nào cọp sẽ đến?
r r r y
-Hôm nay nó đã đên sớm và băt mât một con lợn rôi, ngày mai nó lại sẽ đến sớm đấy.
Lợn rừng rất thiện chiến và biết lợi thế để tấn công vì vậy có thể đạt được chiên thăng.
Lợn rừng nhìn quanh tìm một nơi, bảo cả đàn ăn uông khi đêm chưa đến rồi tảng sáng hôm sau nó giải thích cho cả đàn nghe cách bày binh gồm ba kiểu: Đội hình theo chiếc xe, v.v...
Sau đó, nó bày binh hình hoa sen theo cách trên. Ở giữa, nó đặt bầy lợn con đang còn bú, chung quanh là mẹ chúng, kế đó là bầy lợn cái không sinh
CHUYỆN TIỀN THÂN 283

sản, kế nữa là một vòng gồm các lợn mới lớn mập mạp, tiếp đến là bầy lợn có răng nanh mới nhú, tiếp nữa là bầy lợn có răng nanh đã lớn, còn đám lợn rừng đực già cả ở ngoài cùng. Rồi nó bố trí những tiểu đội chừng mười, hai mươi, ba mươi quân rải rác đây đó. Nó lại bảo chúng đào cho chính nó một cái hố và một hố cho con cọp rơi vào có hình cái rổ sàng. Giữa hai hố đó có để một dải đất nhỏ cho nó đứng. Sau đó, nó cùng đám lợn đực thiện chiến hùng dũng đi khắp nơi khích lệ cả đàn. Trong khi nó bận rộn như thế thì mặt trời mọc. Con cọp vừa ra khỏi vùng thảo am của một nhà khô hạnh giả

danh và xuất hiện trên đỉnh đôi. Bây lợn rừng kêu to: -Thưa chúa công, kẻ thù của chúng ta đã đến. Lợn rừng bảo: Đừng sợ? hễ nó làm gì? các bạn cứ làm lại hệt như thế! Con cọp rùng mình thật mạnh làm như thể sắp đi tiểu tiện, bầy lợn cũng làm theo như thê. Con cọp nhìn bây lợn rừng và gâm một tiêng thật lớn, bọn chúng cũng làm y như vậy. Nhìn thái độ của chúng, con cọp nghĩ thầm: "Chúng có vẻ thay đôi, hôm nay chúng đôi diện với ta như những kẻ thù trong hàng ngũ chỉnh tê, chăc có một tên thiện chiên nào đó đã tập hợp chúng lại đây, ta không nên đến gàn chúng hôm nay." Vì sợ chết, cọp cụp đuôi chạy vội vê nhà vị tu hành giả mạo kia, và vị này khi thây con cọp đi vê tay không liên ngâm vần kệ thứ chín: 168. Cọp thề bỏ giết mọi loài chăng? Cọpr đã 9 cho muôn vật vạn toàn, Chăc hăn hàm răng không bén nữa, Đàn heo đã gặp, lại xin ăn? Nghe thế, cọp ngâm ba vần kệ đáp lời: 169. Răng của ta không cắn được rồi? Sức ta đà kiệt quệ mà thôi, Cùng nhau chúng đứng toàn huynh đệ? Vì thế ta phiêu bạt lẻ loi. 170. Xưa chúng ngược xuôi bại tâu nhanh, Tìm hang tháo chạy phách hồn kinh, Nhưng nay chúng rông vòng vây chặt, Vô địch đấu tranh giáp mặt mình. 171. Bây giờ chúng thỏa thuận đồng tâm, Chúng đã bầu lên một tướng quân, Chúng hại thân này khi hiệp lực, Nên ta thấy chúng, cũng không cần!

Nghe lời này, vị tu khổ hạnh giả hiệu đáp lời qua vần kệ sau:
172. Diều hâu đơn độc giết đàn chim,
Chiến thắng la thần bởi Đế thiên,
Khi mãnh hổ nhìn bầy dã thú,
Lựa con đẹp nhât giêt êm liên.
Sau đó? cọp ngâm kệ:
173. Chẳng diều, chẳng hổ, chúa sơn lâm,
Thiên chủ, làm sao đủ lực thần,
Khống chế cả bầy heo đánh hổ,
Họ hàng hiệp lực để tranh hùng.
Nghe vậy? vị tu hành giả hiệu lại ngâm hai vân kệ đê thúc giục nó:
174. Con chim bé bỏng phủ đầy lông,
Bay nhảy từng đàn lũ thật đông,
Tụ tập trên cao thành đám lớn,
Cùng nhau lướt nhẹ khoảng trời không.
175. Một mình đáp xuông, chú diêu hâu,
Trong lúc cả bầy chúng giỡn nhau,
Tàn sát chúng ngay như ý muốn,
Đó là cách hổ phải theo mau.
Nói xong, ông còn khuyến khích cọp thêm:
-Này cọp chúa, ngài chưa biêt oai lực của ngài đâu. Chỉ một tiêng gâm, một bước phóng mình thôi là ta dám chắc không sống sót đến hai con lợn nữa đấy!
Con cọp làm theo đúng như vậy.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

ỉ

176. Với con măt ác độc thèm ăn,

Cọp tưởng lời này quả thật chân,

Can đảm mồm nhe răng nhọn hoắt,

Nhảy vào đám lợn cũng đầy răng.

Vậy là con cọp quay trở lại và đứng một lát trên đôi. Bây lợn rừng báo cho lợn rừng của người thợ mộc biêt răng con cọp lại đên, lợn rừng bảo:

_ Đừng sợ!

Lợn trấn an chúng và đến đứng bên bờ giữa hai cái hố. Cọp phóng nhanh về phía chú lợn rừng. Song lợn rừng lăn quay vào hố đầu tiên. Cọp không kiềm hãm được sức phóng của nó, ngã gọn vào trong cái hố có hình cái rổ sàng. Lập tức, lợn rừng nhảy lên đâm sâu răng nanh vào sườn cọp thấu tận tim nó, nhét nó vào hơ bên kia và kêu to:

Đó, cứ ăn thịt tên khốn kiếp đi!

Con lợn nào đến trước được ăn thịt cọp thỏa thê, những con đến sau cứ đi quanh mà hỏi: Này, thịt cọp mùi vị ra sao đó? Lợn rừng của người thợ mộc nhảy ra khỏi hố nhìn quanh cả bọn và hỏi: Nào, các bạn chẳng thích thịt đó sao? Song bọn kia đáp: -Tâu chúa công, chúa công đã trừ được cọp, đó mới là một tên, tuy thê còn một tên nữa nguy hiêm gâp mười lân cọp ây! Xin nói rõ đó là ai thế? Một vị tu khổ hạnh giả hiệu thường ăn thịt mà cọp kia vẫn đem đến. -Vậy thì ta sẽ đi bắt nó mau lên! Thế là cả bọn cùng ra đi. Bấy giờ, vị khổ hạnh giả hiệu kia đang trông ngóng ra con đường, chờ mong cọp đên từng phút. Song vị ây có thây gì ngoài bây lợn rừng đâu. :Chúng đã giết cọp rồi, chắc thế, yà nay chúng lại đến giết ta!" Vị ấy vội chạy trốn và leo lên một cây sung dại. Bầy lợn rừng báo cho chủ tướng: Nó đã leo lên cây rồi! Được lắm, chúng ta sẽ bắt nó tức thì! Lợn rừng bảo bầy lợn con ủi đất ra khỏi rễ cây và bầy lợn cái hút thật nhiều nước trong mõm đem về cho đến khi đứng trơ trụi tận gốc rễ. Sau đó, lợn rừng bảo bọn kia lui ra rồi chú quỳ xuống lấy răng nanh đâm vào rễ cây, chú cắt ngang cả rê như cái rìu vậy5 cây liên ngã xuông; song người kia chăng bao giờ đặt chân xuống đất được vì đã bị chúng xé tan từng mảnh mà ăn thịt trên đường vê. Vừa chứng kiên việc kỳ diệu hy hữu này? vị thân cây vừa ngâm kệ: 177. Bạn bè hiệp lực tựa cây rừng, Đó thật là quang cảnh đáng mừng, Bây lợn hợp quân làm nhiệm vụ Giết ngay cọp chúa trọn thành công. *** Và bậc Đạo sư ngâm một vân kệ nữa nói vê cách cả hai (con người và con vật này) bị tiêu diệt như thế nào: 178. Bầy lợn thế là đã diệt tan, Bà-la-môn với cọp đen vằn, Rồi gầm thét chúng la vang dội? Trong nỗi lòng vui sướng ngập tràn. Lần nữa, lợn rừng Taccha lại hỏi: Thế các bạn còn kẻ thù nào nữa chăng? -Tâu chúa công, không.

Sau đó, chúng đề nghị làm lễ Quán đảnh phong vương cho lợn rừng. Chúng lien đi tìm nước. Khi thây VO 0C mà vị ân sĩ giả hiệu ây dùng đê uông, đó là chiêc vỏ sò rât quý với hướng xoăn ôc vê phía hữu, chúng liên đô đây nước vào vỏ sò và làm lễ phong vương cho lợn rừng của người thợ mộc ngay dưới gốc cây sung ấy, và tại đó? nước dùng làm lễ Quán đảnh được rảy lên đầu lợn rừng. Một ả lợn cái son trẻ được chúng bầu làm vương phi. Từ d6, xuất hiện một phong tục còn thịnh hành mãi cho đên nay là khi làm lê tân phong cho một vị vua, quần thần đặt vua lên ngự trên một chiếc ngai bằng gỗ sung và rảy nước lên một cái vỏ ôc có đường xoăn hướng vê phía hữu, đó là một vật rât hiêm và đắt giá, chỉ dùng cho lễ phong vương. Bậc Đạo sư cũng giải thích việc này băng cách ngâm vân kệ cuôi cùng: 179. Bầy heo ở dưới gốc sung rừng, Đổ nước thánh đầy để tấn phong, Chú lợn rừng con người thợ mộc, Đồng hô: "Chúa tể của thần dân!" ***

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo: —Không đâu, này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Trưởng lão Dhanuggahatissa chứng tỏ mình có tài tinh thông chiến lược mà trước kia cũng vậy. Cùng với những lời này, Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là vị khổ hạnh giả danh, Dhanuggahatissa là lợn rừng của người thợ mộc và Ta chính là thần cây.

§493. CHUYỆN VỊ ĐẠI THƯƠNG ^HẦN(Mahãvãnyạ/ãtakà)2S (J IV. 350) Từ nhiều quốc độ, các thương nhân... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về những người thương nhân sông ở Xá-vệ. Tương truyên răng, những người này lúc đi buôn bán xa đã đem lễ vật cúng dường bậc Đạo sư và được an trú vào tam quy, ngũ giới. Họ nói: r r > Bạch Thê Tôn, nêu chúng con trở vê bình an, chúng con sẽ hôn chân đảnh _F _ r , _ lê The Tôn. Họ lên đường cùng với năm trăm cô xe chât đây hàng hóa, chăng bao lâu đi vào rừng hoang dã, họ không thấy đường nào đi nữa. Bị lạc đường, không

28 Tham chiếụ: J. IV. 72, Bhuripanhajataka (Chuyện vấn đề trí tuệ), số §452; J. V. 232, Mahãbodhịiãtaka (Chuyện Hiên giả Mahãbodhỉ), sô §528; J. VI. 4, Mũgapakkhcỳãtaka (Chuyện Vương tử què cânì), sô §538; J. VI. 262, Vidhurapandỉtcỳãtaka (Chuyên bậc Đại trí Vỉdhură), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546; Ap. I. 14, Sariputtattheraapadana (Ký sự về Trưởng lão Sãriputta); Ap. ỉ. 37, Upãlỉttheraapađãna (Kỷ sự về Trưởng lão Upãỉĩ)\ Ap. I. 70, Upavanattheraapadana (Kỷ sự về Trưởng lão Upẩvãna); Ap. II. 413, Manipiijakattheraapadana (Ký sự về Trưởng lão Manipujaka).

nước uống thức ăn? họ băng qua rừng cho đến khi thấy một cây đa khổng lồ có loài rắn ẩn náu, họ liền thả dây cương xe ngựa ra và ngồi xuống đó. Nhìn lên đám lá, họ thấy chúng sáng loáng như thể thấm nước, còn cành cây như mọng đầy nước làm cho cả bọn suy nghĩ: "Dường như nước đang chảy trong thân cây này. Ta hãy căt lây một nhánh trở vê hướng Đông xem sao. Chăc là có nước để u8ng." Một người trèo lên cây chặt một cành, từ đó một dòng nước chảy ra sên sệt như nước trong thân cây thốt nốt, họ lấy nước rửa mặt và uống. Kế đó9 họ chặt một cành ở hướng Nam, từ đó xuất hiện đủ loại cao lương mỹ vị, họ liền ăn uống. Rồi họ chặt một cành ở hướng Tây liền hiện ra

các nữ nhân xinh đẹp trang sức lộng lẫy, họ vui chơi hưởng lạc với các nữ nhân kia. Cuối cùng, họ chặt một nhánh ở hướng Bắc, từ đó rớt tung tóe bảy báu vật9 họ lượm lấy chất đầy năm trăm cỗ xe ngựa và trở về Xá-vệ. Tại đó5 họ cho người bảo vệ tài vật rât cân thận. Rôi tay mang vòng hoa, hương liệu đủ loại, họ đi đến Kỳ Viên đảnh lễ bậc Đạo sư và cúng dường Ngài xong liền ngồi xuống một bên. Ngày hôm ấy, họ nghe thuyết pháp và hôm sau họ đem dâng lễ vật rất hào phóng mà lại khước từ công đức kia. Họ thưa: Bạch Thế Tôn, công đức của lễ vật này chúng con xin nhường lại hồi hướng đên vị thân cây đã ban cho chúng con tât cả tài vật đó. Khi cơm nước xong, bậc Đạo sư hỏi: Các ông muôn hôi hướng công đức này cho thân cây nào? Cácr thương nhân trình đức Như Lai việc họ đã được cây đa cho kho báu như thê nào, bậc Đạo sư bảo: Các ông đã nhận được kho báu vật ây vì cách sông tiêt độ của các ông và các ông không buông mình cho dục lạc chi phối; song ngày xưa, có những người không tiêt dục và bị dục tham chi phôi nên chúng mât cả tài sản lân tính mạng. Rồi theo lời thỉnh cầu của họ, Ngài kể cho họ nghe một chuyện quá khứ. *** Ngày xưa, gần bên thành Ba-la-nại cũng có chính khu rừng hoang này cùng cây đa này, một nhóm thương nhân đi lạc đường và chợt thấy cây đa ấy. Với trí tuệ viên mãn của Ngài, bậc Đạo sư giải thích vân đê qua các vân kệ sau: 180. Từ nhiều quốc độ, các thương nhân, Đến họp cùng nhau cả một đoàn, Bâu chọn trưởng đoàn và thăng tiên, Lên đường tìm kiếm một kho tàng. 181. Đoàn lữ hành kia thiếu thức ăn, Đên rừng khô cháy năng oi nông,

Chợt nhìn thấy gốc đa hùng vi,
Với bóng cây che mát dịu lòng.
182. Thế rồi dưới tán lá cây che,
Cả bọn thương nhân thảy dựa kề,
A
Lý luận như vây vì ám độn,
Nghèo nàn trí tuệ hóa u mê.
183. "Cây này đầy ẩm ướt bên trong,
Từ đó hình như nước có dòng,
Ta hãy chặt từ cây một nhánh,
Cành nào đã mọc hướng vê B6ng."
184. Cành kia được chặt nước tuôn dòng,
Từng giọt tinh nguyên thật sáng trong,
Cả bọn thương nhân cùng tắm rửa,
Uống cho đến lúc thỏa thuê lòng.
185. Lại vì trí tuệ chúng nghèo nàn,
Vì sự ngu si đã cản ngăn,
Chúng bảo: "Phía Nam còn một nhánh,
Chúng ta hãy đến cắt nhanh chân."
186. Cành này vừa chặt xuống liền mang,

Lúa gạo, thức ăn cứ chảy tràn,
Cháo đặc? nghệ gừng cùng súp đậu,
Và nhiều món khác thật vô vàn.
187. Bọn thương nhân yuông uông ăn ăn,
Chúng nhét vào đây bụng thật căng,
Rồi bảo với lòng đầy ám độn?
Và vì trí tuệ quá nghèo nàn:
"Mau lên các bạn phú thương này,
Ta hãy cắt cành lá phía Tây”
Mỹ nữ các nàng ùa tứ phía,
Xiêm y lộng lẫy diễm kiều thay!
188-89. Kìa xiêm y có đủ muôn màu,
Lủng lẳng vòng vàng với bảo châu,
Trong số cả trăm người mỗi một,
Mỗi chàng chiếm một gái xinh sao!
Cùng đứng bên nhau cả bọn này,
Quây quần dưới bóng mát tàng cây,
Đám thương nhân thảy đều vào giữa,
Đùa giỡn bày trò thích thú thay!

190. Lại vì trí tuệ chúng nghèo nàn,
Vì sự ngu si đã cản ngăn,
Chúng bảo: "Bắc phương còn một nhánh,
Chúng ta hãy chặt xuống lìa thân.”
191. Khi cành hướng Băc chặt vừa xong,
Vàng bỗng tuôn ra cả một dòng,
Bạc chảy đầy tay và thảm quý,
Bảo ngọc, trân châu nói chẳng cùng.
192. Trang phục Ba-la-nại mượt mà,
Chăn màn dày mỏng thực xa hoa,
Thương nhân lúc ấy liền hành sự,
Cuộn hết thành bao lớp lụa là.
193. Cũng vì ngu muội với si mê,
Chúng lại bảo nhau như trước kia:
"Ta hãy chặt cây từ gốc rễ,
Chắc càng thâu của cải tràn trề."
194. Kìa vội đứng lên vị trưởng đoàn,
Cúi đầu cung kính lại thưa rằng:
"Cây đa làm hại gì chư vị?

Mong ước trời cho hưởng phước phần!
195. Cành hướng Đông cho nước chảy tràn,
Cành Nam cho thực phẩm ta ăn,
Cành Tây cho các nàng kiều nữ,
Cành Băc cho tơ lụa bạc vàng,
Cây đó hại gì cho quý vị?
Cầu chư vị hưởng phước trời ban!
196. Cây này cho bóng mát an nhàn,
Năm nghỉ, ngôi chơi những lúc cân,
Không được phá tan cành đô hêt,
Hành vi bừa bãi thực hung 1àn!”
197. Song ngài chỉ một, chúng nhiêu thay,
Tiếng nói ngài sao cản chúng đây,
Chúng nện những dao rìu sắc bén,
Vào phần gốc để đốn thân cây.
Lúc ấy, linh xà vương thấy bọn chúng đến gần gốc để đốn ngã cây liền nghĩ thầm: "Ta đã cho bọn này nước để uống khi khát, lại cho thức ăn thần tiên? bạc chất đầy năm trăm cỗ xe mà giờ đây chúng bảo nhau hãy chặt cây đến tận gốc rễ. Chúng thật tham lam vô độ, và trừ vị trưởng đoàn ra, chúng đều phải chết!59
Thê là răn chúa tập hợp quân đội răn ngay:
290 KINH TIỂU Bộ

-Ta truyền thật nhiều quân sĩ hãy mang giáp bào và đứng ra dàn trận; thật nhiều xạ thủ hãy mang cung, kiếm và mộc che thân sẵn sàng chiến đấu! *** Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này: 198. Rắn mặc giáp bào đủ bách quân, Đứng lên cùng giữ vững sa trường, Ba trăm xạ thủ, sáu ngàn nữa, Trang bị mộc khiên với kiếm thần. Vần kệ sau đây do rắn chúa ngâm: 199. Bắn hạ bọn kia, trói chặt mau, Chăng tha mạng sông một tên nào, Đốt thành tro bụi trừ đoàn trưởng, Như thế hoàn thành việc đã giao. Bầy rắn thần làm đúng như vậy. Sau đó, chúng chất đầy các tấm thảm từ cành phương Bắc và mọi vật kia lên năm trăm chiếc xe, rồi di chuyển đoàn xe cùng vị trưởng đoàn lữ hành vê Ba-la-nại, cât hêt hàng hóa vào nhà ngài rôi trở về nơi trú ngụ của loài rắn. Khi bậc Đạo sư đã chứng kiến việc này, Ngài ngâm vần kệ khuyên giáo: 200. Vậy Trí nhân nên thấy thiện hành, Chẳng bao giờ để bản tâm thành, Tôi đòi nô lệ lòng tham dục, Phá vỡ mục tiêu đối thủ mình. 201. Bậc Trí khi xem việc ác làm, Khổ đau bắt rễ tự lòng tham, Đoạn trừ tham dục và dây trói,29 Phát nguyện sống đời thanh tịnh tâm.

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: -Này các Tỷ-kheo, ngày xưa các thương nhân bị dục tham trấn áp nên đã bị hủy diệt tàn khôc, vậy các ông đừng chiêu theo lửa dục. Rồi Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, các thương nhân kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ây Sãriputta (Xá-lợi-phât) là linh xà vương và Ta là vị trưởng đoàn lữ hành.

29 Xem A. II. 10, Tanhuppậdasutta (Kinh Ải sanh); It. 8, Tanhasamyojanasutta (Kinh Ải kiết sử); It. 109, Tanhuppãdasutta (Kinh Ái sanh); Sỉ. 139, Dvayatãnupassanãsutta (Kỉnh Hai pháp tùy quản).

§494. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SẢDHĨNA (Sãdhĩnajãtakă)3ồ ự. IV. 355) Việc lạ trên trần đã được xem... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các nam cư sĩ giữ hạnh nguyện trai giới. Nhân dịp này, bậc Đạo sư bảo: Này các cư si, các Trí nhân ngày xưa nhờ công đức hành trì hạnh nguyện trai giới mà đã thân hành lên cõi trời và an trú ở đó thật lâu dài. Rồi theo lòri thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ. ***

Một thuở nọ, Vua Sãdhĩna ở thành Mithilã cai trị rất đúng pháp. Tại bốn cổng thành, giữa kinh thành cùng cửa cung thất, ngài đều ra lệnh xây sáu bố thí đường, và công đức bố thí của ngài làm chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ). Mỗi ngày, ngài bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền. Ngài giữ ngũ giới, hành trì hạnh nguyện các ngày trai giới, còn dân trong kinh thành cũng theo lời khuyến cáo của ngài bố thí và làm thiện sự nên lúc mạng chung đều tái sanh cõi thiên. Các vị thiên tử khi nẹồi tụ họp tại Thiện Pháp đường của Thiên chủ Đe- thích đồng tán thán đời sông đạo hạnh và công đức của Vua Sãdhĩna. Lời đồn đại về vua này khiến các thiên thần khác ao ước được gặp mặt ngài. Thiên chủ Đế-thích biết được tâm tư của các vị liền nói: Các hiền hữu ước ao diện kiến Vua Sãdhĩna phải chăng? Các vị đồng thanh đáp phải, Thiên chủ ra lệnh cho thần Mãtali: Khanh hãy đến điện Vejayanta (Tối Thắng) của trẫm, thắng ngựa vào thiên xa và đi đón Vua Sãdhĩna lên đây! Vị kia tuân lệnh và đi thắng ngựa vào thiên xa để xuống vương quốc Videha. Đó là một ngày trăng tròn. Vào lúc dân chúng dùng cơm chiều xong, đang ngồi nhàn nhã trước cửa nhà, thần Mãtali lái thiên xa song hành bên cạnh vầng trăng đỏ. Dân chúng đồng reo lớn: Xem kìa, có hai mặt trăng trên trời! Nhưng khi họ thấy thiên xa vượt qua mặt trăng và tiến về phía hạ giới, họ lại kêu lên: Không phải mặt trăng mà là chiếc xe, hình như có vị thiên tử nào đó. Ngài đang đem chiếc thiên xa này với cả đoàn ngựa thuần chủng, những linh vật ở trong trí tưởng tượng, vậy xe đến đón ai đây? Há không phải là để đón đức vua của ta sao? Phải lắm, đức vua của ta thật là một minh quân chân chánh! Trong nỗi vui mừng tột độ, họ chắp tay cung kính vái chào và đứng lên ngâm vần kệ đầu:

30 Xem J. VI. 35, Mahộịanakạịãtaka (Chuyện Đại vương Mahặịanakà), số §539; J. VI. 97, Nimijatakq (Chuyện Đại vương NÍmĩ), số §541; J. VI. 481, Vessantarcỳãtaka (Chuyện Đại vương Vessantară), số §547; Vv. 77, Revatĩvimãnavatthu (Chuyện lâu đài của Revatĩ); Pv. 83, Revatĩpetavatthu (Chuyện ngạ quỷ Revatĩ).

202. Việc lạ trên trần đã được xem, Làm cho dựng đứng tóc người lên? Vì mời Đại đế Vi-đề quốc, Phái xuống thiên xa tự cõi thiên. Thiên sứ Mãtali lái thiên xa xuống dần, trong lúc dân chúng chiêm bái với vòng hoa và hương liệu, vị thần này lái ba vòng kinh thành hướng về phía hữu. Sau d6, vị ấy tiến đến cung môn, dừng xe lại và đứng yên

trước cửa sổ phía Tây, tỏ ý muốn đi lên. Lúc bấy giờ là ngày vua đích thân quan sát các bố thí đường và đã ra lệnh cho các cận thần phải phân chia ra sao. Khi xong việc, ngài phát nguyện giữ ngày trai giới và cả ngày cứ trôi qua như vậy. Ngay lúc ây, ngài đang ngồi trên một chiếc ngai lộng lẫy hướng ra cửa sổ phía Đông với các triều thần vây quanh, ngài thuyết giảng về lẽ chân chánh và công bình. Chính vào thời điểm này, Mãtali đến mời đức vua ngự lên thiên xa và khi đã xong xuôi, thần cùng ra đi với ngài.
***

Bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau đây để giải thích vấn đề này:
203. Thiên sứ Mãtali đại cường,
Vị thần điều ngự ấy vừa mang,
Lời truyền đến tận Vi-đề quốc,
Ngay tại kinh thành triệu quốc vương.
204. "Xin tấu Đại vương, bậc Thánh quân,
Ngự trên xa giá để theo thần,
Inda Thiên chủ cùng thiên chúng,
Tam Thập Tam thiên giới lẫy lừng,
Chư vị giờ này đang hội họp,
Và đồng mơ tưởng đến Hiền nhan?5
205. Đại đế Sãdhi ngước mắt lên?
: . .
Và liên ngự giá chiêc xe tiên,
Thần xa được cả ngàn thiên mã,
Đồng kéo ngài lên đến cõi thiên.
206. Chư thiên chiêm ngưỡng đấng anh quân,
Thượng khách lên chơi, vội đón mừng:
"Bại dế", đồng hô lời chúc tụng,
"That là hạnh ngộ cuộc tao phùng!
Trên ngai vàng cạnh ngai Thiên chủ,
An tọa xin mời đấng Thánh nhân!,,
207. Sakka chào đón chúa Vi-đề5
Ngự trị kinh thành tại Mỹ-thi?
CHUYỆN TIỀN THÂN 293

Thiên chủ ban ngài ngàn lạc thú,
Thỉnh ngài an tọa thật uy nghi.
208. "Giữa các đế vương ở cõi tràn,
Chào mừng Thánh thượng đến thiên cung,
Đại vương an trú cùng thiên chúng,
Được phỉ ước nguyền đúng lệnh ban,
Xin hưởng lạc thiên đường bât tận,

Trên trời Đao-lợi, cảnh thiên dàng!”
Thiên chủ Đế-thích ban tặng ngài một nửa kinh thành của chư thiên rộng mười ngàn do-tuân, nửa sô hai mươi lăm triệu thiên nữ và nửa cung điện
Vejayanta. Ngài ở đó hưởng thọ cực lạc trong suốt bảy trăm năm theo ước tính của loài người. Rồi khi phước đức của ngài đã tận, theo cách ấy ở thiên giới, nỗi bất mãn khởi lên trong lòng, ngài liền ngâm kệ nói lời này với Thiên chủ
Đế-thích:
209. Ta hưởng từ khi đến ngọc đường,
Đàn ca, vũ khúc, nhạc du dương.
Nay ta chăng thây niêm hoan lạc,
Lâm mạng chung thời đến phải chăng,
Hay chính là vì lòng ám độn,
Làm ta sợ hãi, tấu Thiên hoàng?
Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích đáp lời ngài:
210. Đời ngài chưa hết, chẳng lâm chung,
Ngài chẳng cuồng si, hỡi Đại vương,
Song thiện nghiệp ngài nay đã tận,
Giờ công đức trước hưởng xong phần.
211. Song cứ ở đây, hỡi Đại vương,
Bởi quyền tối thượng của ta ban,
Hưởng đi thiên lạc cùng thiên chúng,
Tam Thập Tam thiên giới trú an.
Tuy nhiên, Bồ-tát chối từ và đáp lại Thiên chủ:
212. Như lúc thiên xa đã giáng trần?
Hoặc khi phước lộc được dành phần,
Chính là thọ hưởng niềm thiên lạc,
Do bởi bàn tay khác thưởng ân.
213. Ta chẳng cầu mong nhận phước phần,
Do bàn tay kẻ khác thi ân, \
Chính nhờ thiện nghiệp phân ta tạo,
Thiện sự riêng ta đứng vững chân.
294 KINH TIỂU Bộ

214. Ta sẽ ra đi tạo việc lành, Phát ban cả nước, khắp quần sinh, Tuân theo giới hạnh và tu tập, Điêu phục thân tâm quyêt thực hành, Người biết làm vầy là hạnh phúc, Chẳng ăn năn hối tiếc phần mình. Nghe thế, Thiên chủ Đế-thích liền ra lệnh cho Mãtali: Này hiên khanh, hãy đưa Vua Sãdhĩna vê lại Mithilã và đặt đức vua xuông vườn ngự uyển! Vị thiên thần tuân lệnh. Đức vua đến nơi, bước đi thơ thẩn trong vườn ngự uyển. Người giữ vườn trông thấy ngài và sau khi hỏi ngài là ai liền mang tin ấy về tâu trình với đương kim Hoàng đế Nãrada. Khi vua này biết tin Tiên đế trở về trần liền ra lệnh cho người giữ vườn: Ngươi cứ đi trước và sắp đặt hai chiếc ngai, một dành cho Tiên

đế và một dành cho trẫm. Người ấy tuân lệnh. Sau đó, đức Vua Sâdhĩna hỏi: Ngươi soạn hai chiếc ngai vàng cho ai đây? -Muôn tâu, một chiêc dành cho Hoàng thượng và một chiêc dành cho đức vua của chúng thần. Lúc ấy, Đại đế Sãdhĩna bảo: Còn ai khác dám ngồi trước mặt ta chứ? Rồi ngài ngự lên một chiếc ngai và đặt hai chân lên chiếc kia. Vua Nãrada đến gn, sau khi đảnh lễ dưới chân ngài liền ngồi xuống một bên. Bấy giờ, theo truyên thuyết, vua này là vị vua thứ bảy trong dòng dõi chính thống của ngài, và thời ấy, tuổi thọ của con người chỉ là một trăm năm. Còn Bồ-tát đã trường thọ như thế là do công đức thiện nghiệp của ngài. Ngài cầm lấy tay Vua Nãrada dạo bước quanh vườn ngự uyển và ngâm ba vần kệ này: 215. Lãnh thổ là đây, tổ quốc ta, Máng tròn dẫn nước suối băng qua, y r

Cỏ xanh bao phủ đây nơi chôn,
Khe nhỏ, lạch ngòi vẫn chảy ra.
216 Các hồ diễm lệ lắng nghe vang,
Khi đám hồng nga réo gọi đàn,
Bao đóa sen xanh chen lẫn trắng,
Cây hình đá biến mọc lan tràn,
Song người yêu cảnh cùng ta trước,
Nay ở đâu, lòng ta muốn hỏi han?
217. Đây là điền thổ ruộng cùng nương,
Đồng lúa lạc viên, chính cố hương,
CHUYỆN TIỀN THÂN 295

Song chẳng thấy đâu người quyến thuộc, Tưởng chừng sa mạc quá thê lương! Nghe vậy, Vua Nãrada đáp: -Tâu Hoàng Tổ phụ, từ khi Tổ phụ thăng thiên giới đến nay đã bảy trăm năm trôi qua, giờ đây hoàng tôn là cháu bảy đời của Tổ phụ, các vị quan cận thần của Tổ phụ đều đã hóa ra người thiên cổ. Nhưng đây chính là vương quốc của Tổ phụ, hoàng tôn xin Tổ phụ nhận lại đất nước. Đức vua đáp: Này Hoàng tôn Nãrada, ta không đên đây đê rôi lên làm vua nữa đâu mà ta đến đây để làm thiện sự và ta sẽ làm thiện sự thôi. Rồi ngài ngâm kệ như sau: 218. Ta đã nhìn cung điện cõi trời, Huy hoàng chiếu sáng khắp muôn nơi, Chư thiên ở cõi trời Đao-lợi, Thiên chủ cùng ta diện kiến rồi. 219. Ta hưởng bao hoan lạc tuyệt trân, Ngôi nhà thiên giới để riêng phần, Tràn đầy tất cả điều tâm nguyện, Tam Thập Tam thiên của Ngọc hoàng. 220. Ta ngắm xong và đã tái hồi, Để thi hành thiện sự mà thôi, Và ta sẽ sống đời thanh tịnh, 9 r 9 r Ta chăng màng gì đên chiêc ngôi. 221. Đạo này không dẫn đến đau buồn, Chánh đạo mà chư Phật chỉ đường, Đường đó giờ đây ta tiến bước, Là đường bậc Thánh vẫn theo luôn. Bồ-tát đã nói như vậy với trí tuệ tối thắng của ngài và làm cô đọng tất cả ý nghĩ qua các vần kệ trên. Sau đó, Vua Nãrada một lần nữa lại thưa với ngài: -Xin Hoàng Tổ phụ nhận lấy quyền cai trị vương quốc. Và ngài đáp: Này Hoàng tôn yêu quý, ta không thiết gì vương vị đâu, song ta lại muốn phân phát trong vòng bảy ngày tất cả tài vật cần được bố thí trong bảy năm qua. Vua Nãrada lãnh ý và làm như ngài yêu cầu, truyền chuẩn bị vô số của cải để phân phát rộng rãi. Đức Tiên đế bố thí trong bảy ngày xong xuôi, vào ngày thứ bảy, ngài băng hà và tái sanh vào cõi tròd Ba Mươi Ba. ***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: Việc hành trì hạnh nguyện ngày trai giới là bổn phận cần phải giữ gìn. Và Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, một số nam cư sĩ đắc Sơ quả (Dự lưu), một số khác đắc Nhị quả (Nhất lai). Ngài nhận diện tiền thân: Vào thời ấy, Ānanda là Vua Nārada, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế-thích và Ta chính là Vua Sādhīna.

§495. CHUYỆN MƯỜI HẠNG BÀ-LA-MÔN (Dasabrāhmaṇaiāataka) ự. IV. 360) Chúa thượng Yudhi thật chánh chân... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một lễ vật cúng dường tối thượng. Chuyện này đã được giải thích trong chương VIII, Chuyện ngọn lửa đốt chảy.3ỉ Ta biết rằng nhà vua trong lúc thực hiện việc cúng dường này đã quan sát kỹ lưỡng năm trăm vị Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ và đã dâng lễ vật lên các bậc Thánh cao trọng nhất trong Tăng chúng. Sau đó, Tăng chúng ngôi trong pháp đường và nói vê công đức của vua ây như sau: Này Hiền hữu Tỷ-kheo, vị vua này trong lúc dâng lễ vật tối thượng đã cúng dường các vị đạo cao đức trọng. Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các vị bàn luận gì trong lúc ngồi tại đây, các vị trình với Ngài. Ngài bảo: -Này các Tỷ-kheo, thật không kỳ diệu gì khi ngày nay vua xứ Kosala đã là đệ tử của bậc Đạo sư như Ta lại cúng dường có phân biệt rõ ràng. Ngay các bậc Hiên trí xưa kia, trước khi Như Lai xuất hiện ở đời cũng đã cúng dường có phân biệt. Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ. ***

Một thuở nọ, trong vương quốc Kuru và kinh thành Indapatta có Vua Koravya cai trị, thuộc dòng dõi Yuddhitthila. Còn quốc sư về thể sự cũng như thánh sự của vua là vị đại thân mệnh danh Vidhūra (Hiên Trí). Vua thực hành đại bố thí làm chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề? nhimg trong số những người thọ hưởng các thí vật này không có ai là người giữ đúng ngũ giới, tất cả họ đều độc ác trên phương diện làm người nên việc bố thí của vua không làm tâm ngài thỏa mãn. Ngài suy nghĩ: "Kết quả của việc cúng dường có phân biệt thật là vĩ đại thay!" Và với lòng ước ao cúng dường các bậc có đức độ cao cả? ngài quyết

31 Xem J. III. 469, Ẫdittcỳãtaka (Chuyện ngọn lửa đốt chảy), số §424.

định hỏi ý kiến bậc Hiền nhân Vidhūra. Vì thế khi Quốc sư Vidhūra vào chầu vua, ngài mời vị này ngôi xuông và đưa vân đê ra hỏi vị này.
Để trả lời việc này, bậc Đạo sư ngâm nửa vần kệ đầu. (Phần sau là phần vấn đáp giữa nhà vua và Vidhūra:)
222. Chúa thượng Yùddhi thật chánh chân,
Một hôm hỏi ý bậc Hiền nhân,
Vidhũ tìm các La-môn thiện,
Những bậc Hiền nhân trí tuệ tràn.
223. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,

Trẫm nguyện cúng như vầy, thiện hữu,
Đê ngày sau hái quả an toàn.
[Trí giả Vidhũra nói:]
224. Thật khó tìm Hiền thánh thế này,
La-môn trí đức đủ như vây,
Những người giữ trọn tâm ly dục,
Đê thọ hưởng phân phâm thực đây.
225. Giữa đời mười loại Bà-la-môn,
Xin hãy lăng nghe, tâu Đại vương,
Trong lúc hạ thần phân biệt họ,
Thần xin nói rõ họ hoàn toàn.
226. Vài người mang túi xách trên lưng,
Củ5 rễ chất đầy buộc thật căng,
Những kẻ góp gom cây cỏ thuôc,
Tắm mình, tụng chú thuật, bùa thần.
227. Bọn họ như thầy thuốc, Đại vương,
Cũng đêu được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
228. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
229. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn5
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
298 KINH TIỂU Bộ

[Trí giả Vidhũra nói:]
230. Bọn người đi trước lại mang chuông,
Trong lúc vừa đi họ réo vang,
Họ biết lái xe đầy khéo léo,
Thư từ thông điệp họ đêu mang.
231. Họ] chẳng A khác nào đám dịch nhân,
·_
Cũng đêu được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ây chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]
232. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
233. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
[Trí giả Vidhũra nói:]
234. Với bình nước uống, gậy cong cong,
Họ chạy đuôi theo kịp quôc vương,
Qua các thôn làng cùng thị trấn,
Trong khi theo đuôi lại ca răng:
"Ta không đi nữa dù rừng, phố,
Cho đến khi Hoàng thượng cúng dường/9
235. Họ quấy rầy như các thế nhân,
Cũng đêu được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biêt loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
236. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
237. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
CHUYỆN TIỀN THÂN 299

[Trí giả Vidhũra nói:]
238. Móng dài, lông rậm cả tay chân,
Tóc bện và hôi thối miệng răng,
Bụi bặm bám đầy người bẩn thỉu,
Họ đi đường tựa bọn xin ăn.
239. Là bọn tiều phu, tấu Đại vương!
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

[Đại vươiig Koravya đáp:]
240. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
241. Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
[Trí giả Vidhũra nói:]
242. Kha tử, lý gai, đào đỏ hồng,
Sa kê, xoài chín, trái chùi răng,
Bầu nâu, trái vibhĩtaka,
Cùng với số nhiều trái táo ta.
243. Hộp mía, trái mà-ca, mật ong,
Thuôc tra nhỏ măt, ông khói xông,
Món nhiều đủ thứ như đi bán,
Tâu Chúa thượng xem, họ bán hàng.
244. Chúa thượng, khác nào bọn lái buôn,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
245. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
246. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,

Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
[Trí giả Vidhũra nói:]
247. Những người làm ruộng hoặc đi buôn,
Nuôi lắm đàn dê ở trại chuồng,
Trao đổi cưới xin làm sính lễ,
Bán các con gái để mua vàng.
248. Giống bọn con lai, đám tiện dân,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,

Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ây chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
249. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
250. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn?
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ?
Chính mình sau hái quả an toàn.
[Trí giả Vidhũra nói:]
251. Bọn thầy cúng tế, đoán điềm hên,
Thiến, lựa bò5 dê để lấy tiền,
Dân chúng mời về, thường ở lại,
Có đầy thực phẩm được dâng lên,
Nơi kia bo cái, bê, bò thiến,
Dê, lợn đều đem giết lắm phen.
252. Bọn họ như hàng thịt hạ tầng,
Cũng đều được gọi Bà-la-mồn9
Nay ngài biết loại này tường tận?
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
253. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
254. Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
CHUYỆN TIỀN THÂN 301

Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
[Trí giả Vidhũra nói:]
255. Bọn mang gươm, giáo, mộc che mình,
Tay lại cầm rìu tựa chiến binh,
Họ đứng trước đoàn thương khách nọ< sẵn sàng hướng dẫn nhóm du hành.
256. Như mục phu, quân cướp bạo gan,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,

Ta có nên tìm loại ấy chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
257. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
258. Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trâm mong dâng cúng người hiên thiện,
Đê chính mình sau gặt quả lành.
[Trí giả Vidhũra nói:]
259. Có bọn xây lều đặt bẫy giăng,
Bât kỳ nơi chôn ở trong rừng,
Bắt loại cá, tôm cùng rùa, trạch,
Mèo, thỏ, tắc kè, mọi thú hoang.
260. Tâu Đại vương, đây chính thợ săn,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ây chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]
261 Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
262. Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện cúng dâng chư Hiền giả,
Để chính mình sau gặt quả lành.
302 KINH TIỂU Bộ

[Trí giả Vidhũra nói:]
263. Lại có bọn ham chuộng bạc vàng,
Chịu nằm xuống dưới chiếc vương sàng, 9 y
Đê vua tăm rửa trên đâu họ,
Trong lễ Soma rảy tế đàn.
264. Thợ cạo khác gì? tấu Đại vương,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
[Đại vương Koravya đáp:]

265. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhũ, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
266. Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện cúng dâng người như vậy,
Để chính mình sau gặt quả lành.
Như vậy, sau khi miêu tả các loại Bà-la-môn chỉ mang hư danh mà thôi, bậc Trí giả nói tiếp để miêu tả các vị Bà-la-môn theo đúng ý nghĩa cao cả nhất trong hai vần kệ:
267. Song các La-môn, tấu Đại vương,
Những người đại trí tuệ, hiên lương,
Đoạn trừ mọi ác hạnh, tham dục,
Để thọ thức ăn được cúng dường.
268. Chư vị chỉ dùng một bữa ăn?
Chẳng bao giờ đụng rượu men nồng,
Đại vương biết rõ người như vậy,
Ta có nên tìm các vị không?
Khi vua nghe các lời này liền hỏi:
Này Hiền hữu Vidhũra, các vị Bà-la-môn này xứng đáng cúng dường tối thượng ở đời5 hiện nay các vị đang ở đâu?
-Tâu Đại vương, ở trên dãy Tuyết Sơn xa xôi kia, trong hang động Nandamũla.
-Vậy thì, này bậc Trí giả, hãy dùng uy lực của ngài mang các vị Bà-la-môn ấy đến ngay đây cho trẫm!
Rôi trong nôi hân hoan tột độ9 vua ngâm vân kệ này:
269. Quốc sư đem hết các La-môn,
Thanh tịnh tràn đầy? trí chánh chơn,
CHUYỆN TIỀN THÂN 303

Mời các ngài ngay, hiên sĩ hỡi, Chần chờ gì nữa, hãy lên đường! Bậc Đại sĩ chấp thuận làm theo lời vua yêu cầu và nói thêm: -Bây giờ, tâu Đại vương, hãy truyên lệnh cho đánh trông khăp kinh thành, loan báo rằng toàn thành phải trang hoàng rực rỡ, toàn dân phải bố thí và hành trì ngày trai giới, nguyện giữ mình đức độ, và chính Đại vương cùng cả triều đình cũng phát nguyện giữ ngày trai giới! Còn chính ngài, ngay từ tảng sáng, sau khi điêm tâm xong liên phát nguyện giữ ngày trai giới; đến chiều, ngài bảo đem đến một giỏ hoa lài? rồi cùng vua đảnh lê với năm phân thân thê sát đất và khi ngài vừa nhớ lại những công đức của các vị Độc Giác Phật, ngài vừa khân vái lời này:
Kính thỉnh năm trăm vị Độc Giác Phật đang trú trong vùng Bắc Tuyết Sơn, hang động Nandamũla, ngày mai xin các Ngài hạ cố hưởng thọ thực phẩm của triều đình. Ngài thả tám nắm tay đầy hoa lên không gian, lập tức các hoa này rơi trên năm trăm vị Độc Giác Phật vào đúng nơi các Ngài đang an trú. Các Ngài ấy suy xét và thấy ngay sự việc kia

liền nhận lời mời và bảo nhau: -Này các Tôn giả, chúng ta được vị Hiền nhân Vidhũra mời đến, vị này không phải người phàm tục đâu, ngài có hạt giống Phật trong mình nên ngay trong kiếp này, ngài sẽ thành Phật. Chúng ta hãy tỏ lòng kính mến đặc biệt với ngài! Bậc Đại sĩ hiêu các Ngài đã chập thuận lời mời, băng chứng là các hoa kia không bay trở lại. Sau đó5 ngài bảo: -Tâu Đại vương, ngày mai các vị Độc Giác Phật sẽ đến, vậy hãy lo cung thỉnh các vị trọng thể và dâng lễ cúng dường! Ngày hôm sau, đức vua đón tiếp các Ngài vô cùng trọng thể, sửa soạn bảo tòa để các Ngài ngồi trên một cái bệ uy nghi cao cả. Các vị Độc Giác Phật ở hồ Anotatta đợi cho đến lúc cảm thấy đói bụng liền du hành qua không gian và giáng hạ ngay sân chầu của hoàng cung. Vua cùng Bồ-tát đầy lòng thành tín, đón lấy các bình bát từ tay các Ngài và thỉnh các Ngài đi lên chiếc bệ đài hoa kia, mời an tọa5 rảy nước cúng dường lên tay các Ngài rồi phục vụ các Ngài thực phẩm thượng hạng, đủ loại cứng và loại mềm. Sau buổi thọ thực, vua lại mời các Ngài đên vào ngày hôm sau và cứ thê trong bảy ngày liên, dâng cúng các Ngài nhiều lễ vật? và vào ngày thứ bảy, vua cúng dường đủ mọi vật cần thiết. Lúc ấy, chư vị nói lời tùy hỷ với vua xong liền bay qua không gian trở về nơi trú ngụ cũ, còn các vật cúng dường cũng đều bay theo các Ngài. *** Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

Này các Tỷ-kheo9 thật chẳng kỳ lạ gì việc vua xứ Kosala nay là đệ tử của Ta đã cúng dường Ta lễ vật tối thượng vì các bậc Trí nhân ngày xưa ở thời chưa có đức Phạt cũng đã làm như thế. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Ãnanda là vua và bậc Trí giả Vidhũra chính là Ta.

§496. CHUYỆN CÚNG THựC PHẨM ĐÚNG CẤP BẬC (Bhikkhãparamparaịãtakd) ụ. IV. 369) Ta trông ngài xứng đáng ngôi cao... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một vị điền chủ. Người ấy là một tín đồ mộ dạo, thường xuyên tỏ lòng cung kính trọng thể đức Như Lai và Tăng chúng. Một hôm, ông suy nghĩ như sau: “Ta thường xuyên tỏ lòng cung kính trọng thể đức Phật là ngôi báu và Tăng chúng là một ngôi báu nữa băng cách cúng dường thực phâm thượng vị và y phục. Nay ta muôn tỏ lòng cung kính trọng thể Pháp bảo. Song làm cách nào để cúng dường ngôi báu ấy?" Vì vậy, ông đem nhiều vòng hoa thơm và hương liệu đi về phía Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và hỏi Ngài: Bạch Thế Tôn, ước nguyện của con là cúng dường Pháp bảo, vậy làm sao một người có thê thực hiện việc ây? Bậc Đạo sư đáp: Nêu tâm nguyện của ông là cúng dường trọng thê ngôi Pháp bảo thì ông hãy cúng dường trọng thể cho Ãnanda, vị Thủ kho Chánh pháp (Dhamma Bhandãgãrika)! -Lành thay! Ông đáp và xin hứa sẽ thực hiện việc ấy. Ông đi mời Tôn giả Ãnanda đến viêng nhà mình, rôi hôm sau rước Tôn giả vê nhà với lê nghi vô cùng huy hoàng trọng thê. Ong mời Tôn giả ngôi trên một bảo tòa lộng lây và cúng dường Tôn giả vòng hoa thơm cùng hương liệu, rồi thiết đãi đủ loại cao lương mỹ vị9 lại dâng loại vải vóc rất sang trọng vừa đủ cho ba y. Tôn giả liền suy nghĩ: "Vinh dự này dành cho Pháp bảo, nó không thích hợp với ta mà thích hợp với vị Tướng quân Chánh pháp (Dhamma Senapati)?9 Thế là đặt thực phẩm vào bình bát và cầm vải vóc, Tôn giả đem đến tinh xá tặng lễ vật cho Tôn giả Sãriputta. Tôn giả này

cũng nghĩ như vậy: "Vinh dự này dành cho ngôi Pháp bảo, nó không thích hợp với ta mà nó chỉ thích hợp duy nhất với bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đấng Pháp Vương." Và Tôn giả dâng nó lên đấng Thập Lực. Bậc Đạo sư thấy không còn ai trên Ngài nữa nên thọ hưởng thực phẩm và nhận sô vải vóc để làm ba y. Sau đó, Tăng chúng bàn luận việc này trong pháp đường:

Này các Hiên giả Tỷ-kheo, thê là vị điên chủ kia muôn tỏ lòng cung kính, trọng vọng đối với Chánh pháp nên cúng dường Tôn giả Ãnanda là vị Thủ kho Chánh pháp. Tôn giả này nghĩ mình chưa xứng đáng với lễ vật ấy nên trao lại vị Tướng quân Chánh pháp. Tôn giả này cũng nghĩ mình không xứng đáng nên dâng lên đức Như Lai. Đức Như Lai thây không còn ai trên Ngài, biêt răng Ngài xứng đáng với lễ vật ấy ở vị trí đấng Pháp Vương nên Ngài đã thọ hưởng thực phẩm và nhận số vải để làm ba y kia. Như vậy, thực phẩm cúng dường đã tìm được chủ nhân nhờ đi đến đúng người có quyền thọ hưởng. Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi ở đây. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo: - Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên thực phẩm cúng dường đến đúng vào phần của người xứng đáng bằng những cấp bậc tiến lên tuần tự mà ngày xưa trước thời Như Lai cũng thế. Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thời, Vua Brahmadatta trị vì rất chân chánh tại Ba-la-nại sau khi đã đoạn trừ các ác nghiệp và hành trì thập vương pháp. Vì thế, tòa án xử kiện của vua trở nên trông rông, vua muôn tìm kiêm cho ra lôi lâm của mình, cứ hỏi han mọi người bắt đầu với những người ở chung quanh ngài, nhưng không nơi nào dù trong các hậu cung, trong kinh thành hay các thôn làng lân cận, ngài tìm được người nói một lỗi gì cho ngài cả. Sau đó? ngài quyết định đi thăm dò dân chúng vùng quê. Vì thê, sau khi giao quyên trị nước cho các triêu thân, ngài đem vị tế sư đi theo ngài. Hai vị cải trang du hành xuyên qua quốc độ Kãsi. Tuy thế5 ngài cũng không thấy ai nói về ngài vì một lỗi nào cả. Cuối cùng, ngài đến một làng ở biên địa, ngồi ở một sảnh đường ngoài cổng thành. Thời đó9 một vị điền chủ của làng ấy là một phú ông giàu c6, có đến tám trăm triệu đông tiên, đi cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đên một bên tăm, thây vua ngôi trong sảnh đường kia với thân tướng cao sang và săc da vàng óng. Ong sinh lòng yêu mến ngài liền đi vào sảnh đường và bảo: -Hãy ngồi đây một lát! Sau đó ông về nhà5 bảo soạn sẵn đủ loại thực phẩm thượng vị rồi trở lại với đoàn tùy tùng đông đảo mang theo các bình bát đựng thức ăn. Cùng lúc ây5 một vị tu khô hạnh từ vùng Tuyêt Sơn đi xuông cũng ngôi xuống đó, vị này đã chứng được năm thắng trí. Và một vị Độc Giác Phật cũng từ hang động Nandamũla hạ sơn đến ngồi đó. Vị điền chủ kia đưa nước cho vua rửa tay rồi dọn một đĩa thức ăn thượng hạng đủ loại hương vị thơm ngon và đặt trước mặt vua. Ngài nhận và trao cho vị tế sư Bà-la-môn, vị tế sư cầm lên trao cho nhà tu khổ hạnh. Nhà tu khổ hạnh bước đến gần vị Độc Giác Phật, tay trái cầm bình đựng thức ăn, tay phải cầm bình nước, trước tiên rót nước cúng dường

(như chuyện trước), rôi đặt thức ăn vào bát vị này. Vị ây liên ăn ngay, không mời ai cùng chia phần với mình hay xin phép gì cả.

Khi bữa xong, vị điền chủ suy nghĩ: "Ta dâng thức ăn lên đức vua, ngài trao cho vị tế su, vị tế sư trao cho vị tu khổ hạnh, vị tu khổ hạnh lại trao cho vị Độc Giác Phật, và vị Độc Giác Phật đã thọ thực ngay mà không xin phép ai nữa. Việc cúng dường này có ý nghĩa gì chăng? Tại sao vị cuối cùng thọ thực và không cần xin phép ai hay nhờ ai cho phép? Ta sẽ hỏi lần lượt các vị này."
Rồi vị ấy lần lượt đến gần mỗi người, đảnh lễ xong liền nói câu ấy và được các vị trả lời. Vị điên chủ hỏi:

270. Ta trông ngài xứng đáng ngôi cao,
Ngài đến từ cung điện xứ nào,
Sa mạc vùng này hoang vắng quá,
Dáng hình ngài quả thật thanh tao?
271. Vì mến thương ngài, ta đã dâng,
Cao lương khéo chọn lựa vừa ăn?
Món cơm kia được tài người khéo,
Nấu đổ lên trên món thịt hầm.
272. Thực phâm ngài câm lại chăng ăn,
Ngài đem tặng vị Bà-la-môn,
Lòng đầy cung kính, nay xin hỏi,
Việc mới làm mang ý nghĩa chăng?
[Đức vua đáp:]
273. Sư trưởng ta đây thật nhiệt thành,
Việc dù lớn nhỏ vẫn thi hành,
Nên ta phải tặng phân cơm cúng,
Xứng đáng quốc sư, quả thật tình.
[Vị điền chủ hỏi:]
274. Dù vua cũng trọng Bà-la-môn,
Xin nói, sao ngài lại chẳng ăn,
Một đĩa cao lương tài nấu khéo,
Người đổ đầy trên món thịt ngon?
275. Ngài chẳng hiểu thông nghĩa cúng dường,
Song ngài đem tặng vị Hiên nhân?
Với lòng kính trọng, nay xin hỏi,
Việc ây ngài làm có nghĩa chăng?
[Tế sư đáp:]
276. Ta có gia đình với vợ con,
Ta thường cư trú tại gia môn,

Dục tham vua chúa, ta điều phục,
Tham dục riêng ta vân đăm hôn.

277. Với người khổ hạnh, bậc Hiền nhân,
Xưa ở trong rừng vẫn trú thân,
Già cả, thực hành theo giáo lý,
Nên ta câm thực phẩm đem dâng.
[Vị điền chủ hỏi:]
278. Nay ta xin hỏi bậc Hiền nhân5
Ở dưới da ngài lộ rõ gân,
Vói móng mọc dài, đầu tóc rối5
Cái đầu dơ bẩn lẫn hàm răng.
279. Ngài chăng màng đời sông thê gian,
Hỡi người đơn độc trú rrừng hoang,
Tôn sư nay có gì ưu thăng,
Mà phải đem lương thực cúng dâng?
[Vị khổ hạnh đáp:]
280. Ta đào củ cải, tỏi, hành hoang,
Cỏ, lá, bạc hà, vân kiêm luôn,
Nhặt hạt cải đen9 rung lúa dại,
Trải ra phơi nắng thật khô giòn.
281. Ngó sen, dược thảo, táo, chà là,
Am-lặc, mật ong, miêng thịt thừa,
Là của ta dành phần kiếm được,
Rồi làm thành món hợp cho ta.
282. Ngài không, lão nấu? lão nhiều hàng,
Ngài chẳng có chi, lão buộc ràng,
Thế sự bao điều, Ngài giải thoát,
Món cơm Ngài hưởng đúng công bằng.
[Vị điền chủ hỏi:]
283. Xin hỏi ngồi kia bậc Trí hiền,
Mọi nguồn dục vọng thảy nằm yên,
Món cơm nấu khéo đầy ngon ngọt,
Có kẻ đem phần thịt đổ lên.
284. Ngài nhận và ngon miệng uống ăn,
Chăng mời ai đên đê chia phân,
Đây lòng kính trọng, nay xin hỏi,
Việc ấy Ngài làm có nghĩa chăng?

[ĐỘC Giác Phật đáp:]
285. Không nấu cũng không bảo nấu giùm,
Nay không làm hại, trước không làm,

Vị kia biết rõ Ta không của,
Ta quyết đoạn trừ mọi dục tham.
286. Tay phải vị kia nắm chiếc bình,
Thức ăn cầm phía trái bên mình,
Cho Ta món thịt hầm người đặt9
Trên bát cơm ngon thật tốt lành,
287. Chúng nhiều tài sản, lắm kim ngân,
Bổn phận là đem của phát phân,
Ai bảo người cho cùng thọ hưởng,
Ấy là thù địch, chớ phân vân.
Khi nghe những lời này, vị điền chủ vô cùng hoan hỷ ngâm hai vần kệ cuối cùng:
288. Thật là ta được một duyên may,
Hạnh ngộ quân vương ngự tới rày,
Thuở trước ta không hề biết rõ9
Cúng dường mang phước quả tràn đầy.
289. Đế vương với các Bà-la-môn,
Trị nước mà tâm ác dục tràn,
Các Trí nhân tìm cây quả dại,
Bậc tu hành giải thoát lòng tham.
Khi vị Độc Giác Phật thuyết giáo cho vị kia xong liên trở vê cối của Ngài và vị tu khổ hạnh cũng thế. Còn nhà vua, sau vài ngày ở lại với vị điền chủ cũng trở vê Ba-la-nại.
***
Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:
Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên thực phẩm đến tay người xứng đáng mà trước kia cũng vậy.
Rồi Ngài nhận diện tiền thân:
-Vào thời ây, người điên chủ đã tôn trọng cúng dường Pháp là người điên chủ trong chuyện này, Ãnanda là vua, Sãriputta là vị tế sư và Ta chính là vi tu khổ hạnh trên vùng Tuyết Sơn.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.